

CHEVROLET SPARK

SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CHEVROLET



Mục lục

Giới thiệu	2
Tóm tắt	3
Chìa khóa, cửa và cửa sổ	15
Ghế và bộ phận giữ	29
Chứa đồ	48
Các đồng hồ và bảng điều khiển	54
Chiếu sáng	71
Hệ thống thông tin giải trí	76
Điều hòa không khí	107
Vận hành và lái xe	116
Chăm sóc xe	132
Bảo trì và bảo dưỡng	171
Thông số kỹ thuật	180
Thông tin khách hàng	187
Mục lục	189
Mức tiêu thụ nhiên liệu	196

Giới thiệu

Chiếc xe của bạn là một sản phẩm kết hợp của thiết kế, công nghệ tiên tiến, sự an toàn, sự thân thiện với môi trường và sự tiết kiệm.

Sách hướng dẫn sử dụng này cung cấp những thông tin cần thiết cho phép bạn lái xe an toàn và hiệu quả.

Hãy chắc chắn rằng hành khách trên xe của bạn hiểu về nguy cơ có thể gặp tai nạn và thương tích do sử dụng xe sai cách.

Bạn phải luôn tuân thủ các điều luật và quy định cụ thể tại quốc gia nơi bạn sinh sống. Các luật lệ đó có thể khác với thông tin nêu trong tài liệu này.

Khi Sách hướng dẫn sử dụng khuyên bạn mang xe đến xưởng sửa chữa, chúng tôi khuyến nghị bạn mang xe đến các đại lý ủy quyền của Chevrolet.

Tất cả các đại lý của Chevrolet cung cấp các dịch vụ tốt với giá phải chăng. Các kỹ sư cơ khí có kinh nghiệm, được Chevrolet đào tạo, sẽ làm việc theo những hướng dẫn cụ thể của Chevrolet.

Gói tài liệu dành cho khách hàng phải luôn được giữ sẵn trong xe.

Sử dụng tài liệu

- Sách hướng dẫn này mô tả tất cả các tùy chọn và tính năng sẵn có cho kiểu xe này. Một số đoạn mô tả, bao gồm mô tả các chức năng trên màn hình và menu, có thể không áp dụng cho xe bạn do sự khác nhau về dòng xe, tiêu chuẩn quốc gia, thiết bị hoặc phụ kiện đặc biệt.
- Phần "Tóm lược" sẽ cho bạn cái nhìn tổng quát ban đầu.
- Phần mục lục ở đầu tài liệu này và trong mỗi chương sẽ thể hiện vị trí của các phần khác nhau.
- Phần bảng chỉ dẫn cho phép bạn tìm kiếm thông tin cụ thể.

- Sách hướng dẫn sử dụng các thông số động cơ từ nhà máy. Các thông số dành cho sản phẩm tương ứng có thể tìm trong chương "Thông số kỹ thuật".
- Các thông số về hướng chằng hạn trái hoặc phải, trước hoặc sau là so với hướng chuyển động của xe.
- Màn hình hiển thị trên xe có thể không hỗ trợ ngôn ngữ riêng của bạn.

Tóm tắt

Thông tin ban đầu trước khi lái xe

Mở khóa xe	3
Điều chỉnh ghế	3
Điều chỉnh tựa đầu	4
Dây an toàn	5
Điều chỉnh gương	5
Điều chỉnh vô lăng	6
Tổng quan về bảng táp lô	7
Chiếu sáng bên ngoài	8
Còi	9
Rửa kính/Gạt nước kính chấn gió	10
Điều hòa khí hậu	10
Hộp số	11
Khởi động động cơ	13
Đỗ xe	14

Thông tin ban đầu trước khi lái xe

Mở khóa xe

Điều khiển từ xa



Nhấn nút .

Mở khóa tất cả các cửa. Nháy đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nhấp hai lần.

Điều khiển từ xa ⇨ *Điều khiển từ xa radio* ⇨ 16,

Hệ thống khóa trung tâm ⇨ *Hệ thống khóa trung tâm* ⇨ 18.

Điều chỉnh ghế

Chỉnh vị trí ghế



Kéo tay cầm, trượt ghế, nhả tay cầm.

Thử di chuyển ghế về phía trước và sau để chắc chắn rằng ghế đã được khóa vào vị trí.

Vị trí ghế ⇨ *Vị trí ghế* ⇨ 30,

Điều chỉnh ghế ⇨ *Điều chỉnh ghế* ⇨ 31.

4 Tóm tắt

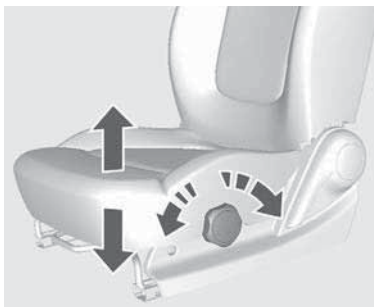
Tựa lưng ghế



Kéo cần điều khiển, điều chỉnh độ nghiêng và nhả tay ra. Để cho ghế vào đúng vị trí ăn khớp một cách chắc chắn.

Vị trí ghế ⇨ *Vị trí ghế ⇨ 30*, Điều chỉnh ghế ⇨ *Điều chỉnh ghế ⇨ 31*.

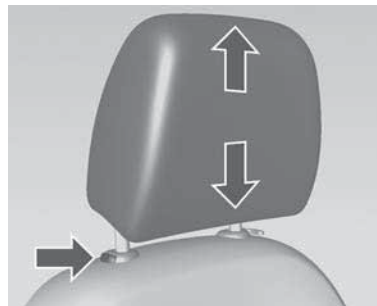
Chiều cao ghế



Xoay vô-lăng ở bên ngoài đệm ghế cho đến khi đệm ghế được điều chỉnh tới vị trí mong muốn.

Vị trí ghế ⇨ *Vị trí ghế ⇨ 30*, Điều chỉnh ghế ⇨ *Điều chỉnh ghế ⇨ 31*.

Điều chỉnh tựa đầu



Kéo tựa đầu lên phía trên.

Để đẩy tựa đầu xuống, nhấn lấy hãm và đẩy tựa đầu xuống phía dưới.

Tựa đầu ⇨ *Tựa đầu ⇨ 29*.

Dây an toàn



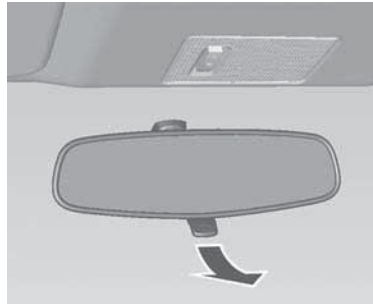
Kéo đai an toàn từ bộ cuộn đai, đưa qua thân người mà không bị xoắn, và cài miếng khóa và khóa đai.

Căng đai bắt qua thắt lưng thường xuyên trong khi lái xe bằng cách kéo đai bắt qua vai.

Vị trí ghế ⇨ *Vị trí ghế* ⇨ 30, Đai an toàn ⇨ *Đai an toàn ba điểm* ⇨ 34, Hệ thống túi khí ⇨ *Hệ thống túi khí trước* ⇨ 37.

Điều chỉnh gương

Gương trong xe



Để giảm bị lóa mắt, kéo cần phía dưới vỏ gương.

Gương trong xe ⇨ *Gương chiếu hậu điều chỉnh bằng tay* ⇨ 25.

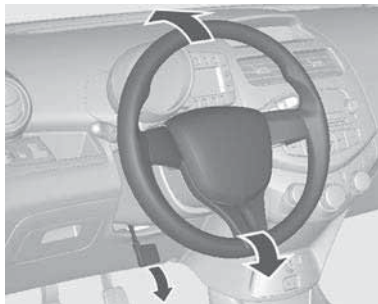
Gương ngoài



Chỉ cần di chuyển cần điều chỉnh theo hướng mong muốn để điều chỉnh góc gương.

Gương lồi bên ngoài ⇨ *Gương lồi* ⇨ 24, Gương gập bên ngoài ⇨ *Gương gập* ⇨ 25, Gương ngoài có sậy ⇨ *Gương có sậy* ⇨ 25.

Điều chỉnh vô lăng



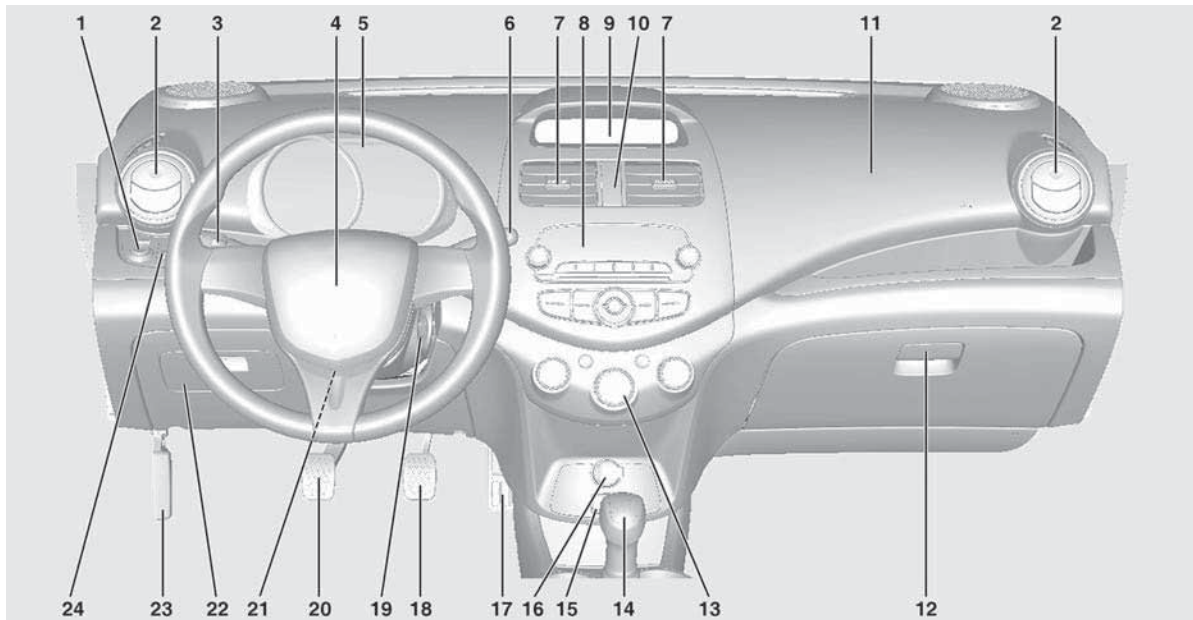
Mở khóa cần điều chỉnh, điều chỉnh vô lăng, và cài cần điều chỉnh đến vị trí khóa hoàn toàn. Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đang đứng yên.

Hệ thống túi khí ⇨ *Hệ thống túi khí*

⇨ 36, các vị trí chìa khóa điện ⇨

Chạy rà xe mới ⇨ 117.

Tổng quan về bảng táp lô

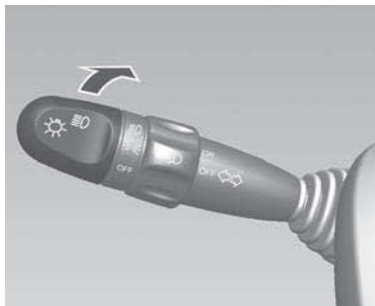


8 Tóm tắt

1. *Gương điều chỉnh tự động* ⇨ 24.
2. *Cửa gió có chớp chỉnh hướng* ⇨ 112.
3. *Bộ điều khiển đèn ngoài* ⇨ 71.
4. *Còi* ⇨ 55.
Hệ thống túi khí ⇨ 36.
5. *Đèn báo điều khiển* ⇨ 61.
6. *Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió* ⇨ 55.
7. *Cửa gió có chớp chỉnh hướng* ⇨ 112.
8. *Giới thiệu* ⇨ 76.
9. *Đèn báo điều khiển* ⇨ 61.
10. *Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm* ⇨ 72.
11. *Hệ thống túi khí* ⇨ 36.
12. *Hộp găng tay* ⇨ 49.
13. *Hệ thống sưởi và thông gió* ⇨ 107.
14. *Hộp số tự động* ⇨ 120.
15. *Thiết bị phụ trợ* ⇨ 91.
16. *Ổ cắm điện* ⇨ 58.


17. *Cần chọn số* ⇨ 120.
18. *Phanh* ⇨ 125.
19. *Vị trí của khóa điện* ⇨ 117.
20. *Hộp số sàn* ⇨ 125.
21. *Điều chỉnh vô lăng* ⇨ 54.
22. *Cần chì* ⇨ 151.
23. *Mui xe* ⇨ 134.
24. *Bộ điều khiển chiếu sáng bảng táp lô* ⇨ 74.


Chiếu sáng bên ngoài



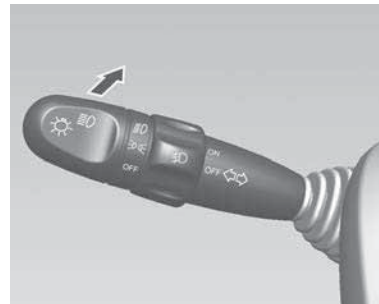
Công tắc đèn rẽ/quay đầu.

TẮT : Tắt cả các đèn đều tắt.

 : Đèn hậu, đèn biển số và đèn bảng táp lô đều bật sáng.

 : Đèn cốt và tất cả các đèn trên đều bật sáng.

Đèn pha nháy, đèn chiếu xa và đèn chiếu gần

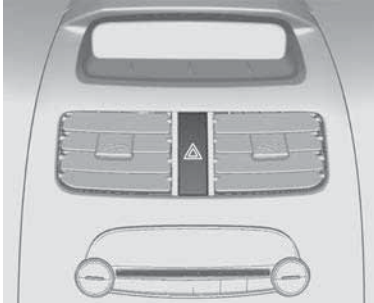


Đẩy cần gạt để chuyển đèn pha từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa.

Để chuyển về chế độ chiếu gần, đẩy cần gạt một lần nữa hoặc kéo cần gạt.

Đèn pha ⇨ *Thiết bị chuyển đèn cốt/pha* ⇨ 71, *Nháy đèn xin vượt* ⇨ *Nháy đèn xin vượt* ⇨ 72.

Đèn báo nguy

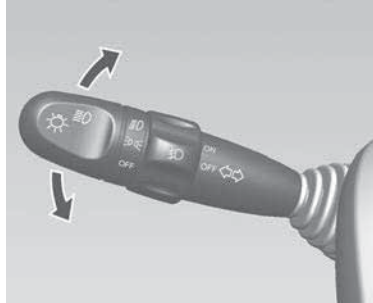


Được bật lên bằng công tắc .

Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm ⇨

Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm ⇨ 72.

Tín hiệu rẽ và chuyển làn



Kéo cần lên : Chỉ báo bên phải

Gạt cần xuống : Chỉ báo bên trái

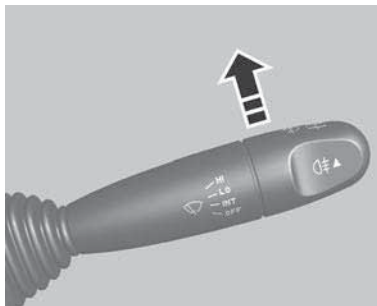
Còi



Nhấn .

Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió

Cần gạt nước



TẮT : Tắt hệ thống.

INT : Hoạt động gián đoạn.

LO (Thấp) : Gạt liên tục, tốc độ chậm.

HI (Cao) : Gạt liên tục, tốc độ nhanh.

Để gạt một lần khi cần gạt nước kính chắn gió tắt, hãy nhẹ dịch chuyển cần gạt sang vị trí INT và thả ra.

Cần gạt nước kính chắn gió ⇨ Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió ⇨ 55.

Hệ thống rửa kính chắn gió




Kéo cần điều khiển.

Rửa kính chắn gió ⇨ Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió ⇨ 55, Nước rửa kính ⇨ Nước rửa kính ⇨ 142.

Điều hòa không khí

Kính sau và gương ngoài có sấy




Việc sấy được thực hiện bằng cách nhấn nút .

Gương có sấy ⇨ Gương có sấy ⇨ 25, Kính sau có sấy ⇨ Cửa sổ sau có sấy ⇨ 27.

Làm tan sương và tan băng trên kính

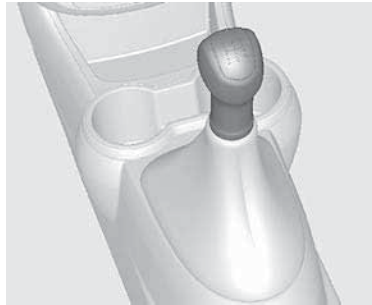


Nhấn nút .

Làm tan băng trên kính chắn gió ⇨
 Hệ thống sưởi và thông gió ⇨ 107,
 Làm tan sương trên kính chắn gió ⇨
 Hệ thống điều hòa không khí ⇨ 110.

Hộp số

Hộp số sàn



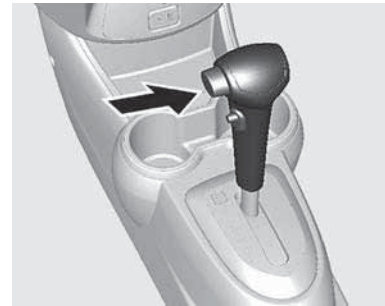
Số lùi: khi động cơ đứng yên, nhấn bàn đạp ly hợp và cài số.

Nếu không sang số được, kéo cần số về vị trí trung gian, nhả rồi đạp chân côn, sau đó sang số lại.

Hộp số sàn ⇨ *Hộp số sàn* ⇨ 125.

Hộp số tự động

(Chỉ có ở một số khu vực)



P (ĐỖ) : Khóa các bánh trước. Chỉ chọn P khi xe đang đứng yên và có sử dụng phanh tay.

R (LÙI) : Chỉ chọn R khi xe đang đứng yên.

SỐ N (SỐ KHÔNG) : Vị trí số không của hộp số.

D : Vị trí lái này là dành cho tất cả các điều kiện lái xe bình thường. Nó cho phép hộp số chuyển vào bốn bánh răng số tiến. Số bốn là số tốc độ cao làm sẽ giảm tốc độ và mức độ ồn của động cơ trong khi tăng tiết kiệm nhiên liệu.

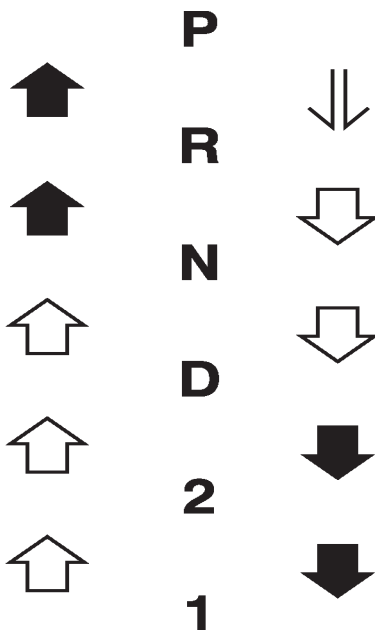
12 Tóm tắt

2 : cho phép hộp số chuyển từ bánh răng thứ 1 đến bánh răng thứ 2 và ngăn việc tự động chuyển sang bánh răng thứ 3 hoặc số 4.

Chọn lái số 2 để có thêm xe có thêm sức mạnh khi leo dốc và để phanh động cơ khi lái xe xuống dốc.

1 : Vị trí này khóa hộp số ở bánh răng thứ nhất.

Chọn 1 để phanh động cơ tối đa khi lái xe xuống dốc có độ nghiêng cao.



Đẩy nút nhà để chuyển số. Các mũi tên cho thấy các số không đòi hỏi bạn phải đẩy vào nút nhà.



Nhấn bàn đạp ga và đẩy vào nút nhà để chuyển số.

Việc chuyển số đòi hỏi bạn phải đẩy vào nút nhà được hiển thị bằng các mũi tên.



Chuyển số tự do.

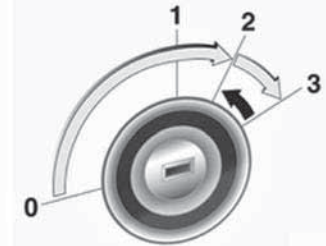
Hộp số tự động ⇨ *Hộp số tự động*
⇨ 120.

Khởi động động cơ

Kiểm tra trước khi khởi động động cơ

- áp suất và trạng thái lốp.
- mức dầu động cơ và mức các loại dung dịch.
- tắt cả cửa sổ, gương, đèn bên ngoài, biển số không bị bẩn, bám tuyết và băng và vẫn hoạt động tốt.
- vị trí phù hợp của ghế, đai an toàn và gương.
- kiểm tra chức năng phanh ở tốc độ thấp, đặc biệt là khi phanh bị ẩm ướt.

Khởi động động cơ



- xoay chìa khóa đến vị trí 1, xoay nhẹ vô lăng để mở khóa vô lăng
- hộp số sàn: vận hành ly hợp
- hộp số tự động: di chuyển cần số đến vị trí P hoặc N
- không được đạp ga
- xoay chìa khóa đến vị trí 3, nhấn bàn đạp ly hợp và phanh chân, rồi nhả ra khi động cơ chạy

Trước khi khởi động lại hoặc để tắt động cơ, vận chìa khóa về vị trí 0.

Đỗ xe

- Không đỗ xe trên bề mặt dễ cháy. Nhiệt độ cao của hệ thống xả có thể làm bén lửa bề mặt đường xe đang đỗ.
- Khi kéo phanh tay không được nhấn nút trên cần phanh tay. Kéo phanh tay hết cỡ khi xe ở trên dốc lên hoặc dốc xuống. Nhấn bàn đạp phanh cùng lúc để giảm lực kéo phanh đỗ.
- Tắt động cơ. Xoay vô lăng đến khi vô lăng được khóa lại.
- Nếu xe đỗ trên đường bằng hoặc trên dốc lên, vào số một hoặc vị trí P trước khi tắt khóa điện. Trên dốc đi lên, xoay các bánh trước ra xa lề đường.
Nếu xe đỗ trên dốc xuống, cài số lùi trước khi tắt khóa điện. Xoay các bánh trước về phía lề đường.
- Đóng cửa kính.
- Khóa xe và bật hệ thống cảnh báo chống chộm.

Chìa khóa ⇨ Chia khóa ⇨ 15.

Chìa khóa, cửa và cửa sổ

Chìa khóa và khóa

Chìa khóa	15
Điều khiển từ xa radio	16
Hệ thống khóa trung tâm	18
Khóa cửa tự động	20

Cửa

Khoang chứa đồ	21
----------------------	----

An ninh trên xe

Hệ thống báo động chống trộm	22
Hệ thống làm cho xe không chạy được	23

Gương ngoài

Gương lồi	24
Gương điều chỉnh bằng tay	24
Gương điều chỉnh tự động	24
Gương gập	25
Gương có sấy	25

Gương trong xe

Gương chiếu hậu điều chỉnh bằng tay	25
---	----

Cửa sổ

Kính lên xuống bằng tay	26
Kính điện	26
Cửa sổ sau có sấy	27
Tấm chắn nắng	28

Chìa khóa và khóa

Chìa khóa

Thay thế chìa khóa

Sổ khóa được xác định trên tấm thẻ có thể tháo rời.

Mã chìa khóa phải được đề cập khi đặt hàng thay thế chìa khóa, vì nó là một bộ phận của hệ thống ngắt khởi động.

Khóa ⇨ *Chăm sóc bên ngoài* ⇨ 168.



Chìa khóa loại có phần thân gập được

Nhấn nút để chìa khóa bật ra.

Để gập khóa, hãy ấn nút và gập khóa bằng tay.

Điều khiển từ xa radio



Được sử dụng để vận hành:

- Hệ thống khóa trung tâm
- Hệ thống báo động chống trộm
- Hệ thống báo động của xe

Điều khiển từ xa có phạm vi hoạt động lên tới 20 m (66 ft). Thiết bị này có thể bị hạn chế bởi các tác động ngoại cảnh.

Đèn báo nguy nháy có nghĩa là thao tác đã được thực hiện.

Giữ cẩn thận, tránh bị ẩm và nhiệt độ cao cũng như tránh thao tác không cần thiết.

Lỗi

Nếu hệ thống khóa trung tâm không hoạt động bằng điều khiển từ xa, có thể do các nguyên nhân sau:

- Khoảng cách quá xa,
- Điện áp của pin quá thấp,
- Thao tác nhiều lần quá nhanh khi điều khiển ở ngoài khoảng tác dụng, điều khiển sẽ cần đồng bộ lại,
- Hệ thống khóa trung tâm bị quá tải do thao tác với nhiều lần quá nhanh, nguồn điện sẽ bị ngắt trong một thời gian ngắn,
- Nhiều do sóng radio công suất lớn từ bên ngoài.

Thay thế pin của điều khiển từ xa

Thay pin ngay khi phạm vi sử dụng đã giảm đi đáng kể.



Không cho pin vào sọt rác hàng ngày. Chúng cần được mang đến điểm thu gom để tái sinh.

Chìa khóa loại có phần thân gấp được



Lưu ý

Sử dụng pin thay thế CR2032 (hoặc loại tương đương).

1. Mở nắp bộ truyền phát.
2. Tháo pin đã sử dụng ra. Tránh chạm bằng mạch vào các bộ phận khác.
3. Lắp pin mới. Hãy đảm bảo rằng đầu âm (-) quay mặt xuống phía dưới đáy.
4. Đóng nắp bộ truyền phát.
5. Kiểm tra hoạt động của bộ truyền phát với xe của bạn.

Chìa khóa cố định

Chú ý

Tránh chạm vào bề mặt phẳng của ắc quy bằng ngón tay trần. Thao tác đó sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc quy.

Lưu ý

Pin lithium đã qua sử dụng có thể làm hại cho môi trường.

Tuân theo các luật về tái chế chất thải tại địa phương.

Không vứt bỏ pin cùng với rác thải sinh hoạt.

Lưu ý

Để giữ cho bộ truyền phát hoạt động chính xác, hãy làm theo các hướng dẫn này:

Tránh làm rơi bộ truyền phát.

Không đặt vật nặng lên trên bộ truyền phát.

18 Chia khóa, cửa và cửa sổ

Giữ cho bộ truyền phát cách xa nước và không để trực tiếp dưới ánh mặt trời. Nếu bộ truyền phát bị ướt, hãy dùng vải mềm để lau khô nó.

Hệ thống khóa trung tâm

Bạn có thể kích hoạt hệ thống khóa cửa trung tâm từ cửa xe phía người lái. Hệ thống này cho phép bạn khóa và mở khóa tất cả các cửa từ phía của cửa người lái, bằng cách sử dụng chìa khóa hoặc bộ điều khiển không cần chìa (từ bên ngoài) hoặc nút khóa cửa xe (từ bên trong).

Nếu cửa lái chưa đóng hết, hệ thống khóa trung tâm sẽ không hoạt động.

Nút khóa trung tâm



Khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

Ấn nút  để khóa.

Ấn nút  để mở khóa.

Nếu cửa phía người lái được mở, bạn không thể khóa cửa phía người lái.

Mở khóa




Điều khiển từ xa

Nhấn nút .

Mở khóa tất cả các cửa. Nháy đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nháy sáng hai lần và hệ thống chống trộm sẽ bị vô hiệu.


Khóa**Điều khiển từ xa**

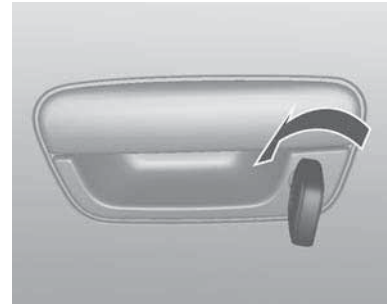
Nhấn nút .

Khóa tất cả các cửa. Nháy đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nháy sáng một lần.

Hệ thống chống trộm sẽ được kích hoạt.

Báo động của xe

Nhấn và nhả nút  một lần để vận hành báo động Khẩn cấp. Còi sẽ vang lên và đèn xi nhan sẽ nháy sáng cho đến khi có bất kỳ nút nào trên chìa khóa được nhấn.

Lỗi trong hệ thống điều khiển từ xa**Mở khóa**

Mở khóa thủ công cửa phía người lái bằng cách xoay chìa khóa trong ổ khóa.

Báo động sẽ phát âm báo nếu cửa được mở bằng một chìa khóa khi xe có bật hệ thống chống trộm. Vì vậy, vui lòng mở cửa xe với nút mở khóa trong RKE.

Khóa

Đóng cửa lái và khóa bằng chìa khóa từ bên ngoài.

Lỗi hệ thống khóa trung tâm

Mở khóa

Mở khóa thủ công cửa phía người lái bằng cách xoay chìa khóa trong ổ khóa. Có thể mở các cửa khác bằng cách sử dụng tay nắm cửa bên trong.

Để tắt hệ thống chống trộm cần bật chìa khóa điện.

Khóa

Đẩy chốt khóa bên trong tất cả các cửa trừ cửa lái. Sau đó đóng cửa lái và khóa bằng chìa khóa từ bên ngoài.

Khóa cửa tự động

(Chỉ có ở một số khu vực)

Khóa cửa tự động

Khi tốc độ của xe ở mức trên 40 km/h (25 dặm/giờ), tất cả các cửa sẽ tự động được khóa lại.

Tất cả các cửa sẽ tự động được mở ra khi khóa điện nằm ở vị trí LOCK hoặc kéo lên trên nút khóa cửa.

Mở khóa cửa tự động

Tất cả các cửa sẽ tự động được mở khi tác động được chuyển tới tác động vào bộ cảm biến khi khóa điện ở vị trí ON.

Tuy nhiên, các cửa có thể không được mở ra nếu xuất hiện các vấn đề về cơ khí với hệ thống khóa cửa hoặc pin.

Khóa an toàn cho trẻ em



Chú ý

Không được kéo tay mở cửa bên trong khi khóa trẻ em đang ở vị trí KHÓA. Vì làm như vậy sẽ gây hư hỏng tay mở cửa bên trong.

⚠ Cảnh báo

Hãy sử dụng khóa trẻ em mỗi khi có trẻ em ngồi trên các ghế sau.

Để khóa cửa an toàn cho trẻ em, hãy di chuyển cần gạt lên phía trên từ vị trí khóa.

Để mở cửa sau khi khóa cửa an toàn cho trẻ em được kích hoạt, mở khóa cửa từ phía bên trong và mở cửa từ phía bên ngoài.

Để bỏ khóa cửa an toàn cho trẻ em, hãy di chuyển cần gạt xuống phía dưới về vị trí mở khóa.

Cửa

Khoang chứa đồ

Cửa hậu

Mở



<Loại 1>

Dùng chìa khóa để khóa hoặc mở cửa hậu. Tra chìa khóa vào ổ khóa và xoay nó ngược chiều kim đồng hồ để mở khóa và kéo tay nắm dài ra.



<Loại 2>

Cửa hậu được khóa hoặc mở khi tất cả các cửa được khóa hoặc mở bằng chìa khóa hoặc khóa điều khiển từ xa khi cửa hậu đã mở, kéo tay nắm dài để mở cửa hậu ra.

Cảnh báo

Không được lái xe khi cửa hậu mở hoặc mở hé, chẳng hạn như khi chở hàng hóa cồng kềnh, vì các khí xả độc hại có thể bay vào trong xe.

Chú ý

Trước khi mở nắp khoang chở đồ cần kiểm tra các vật cản bên trên, ví dụ như cửa gara, để tránh làm hư hỏng nắp khoang chở đồ. Luôn kiểm tra khoảng di chuyển bên trên và phía sau của nắp khoang chở đồ.

Lưu ý

Việc lắp thêm những phụ kiện nặng trên nắp cốp sau có thể ảnh hưởng đến khả năng giữ nắp cốp sau ở vị trí mở.

Đóng

Để đóng cửa hậu, đẩy cần này xuống để nó khóa chốt an toàn. Và tra chìa khóa vào ổ khóa, rồi xoay theo chiều kim đồng hồ.

Để đóng cửa hậu, đẩy cần này xuống để nó khóa chốt an toàn. Nó sẽ tự động khóa lại khi tắt cả các cửa đã được khóa.

Hãy đảm bảo rằng tay và bất kỳ bộ phận nào khác của cơ thể bạn cũng như của người khác cách xa khỏi khu vực đóng cửa hậu.

An ninh trên xe

Hệ thống báo động chống trộm

Hệ thống báo động chống trộm sẽ giám sát:

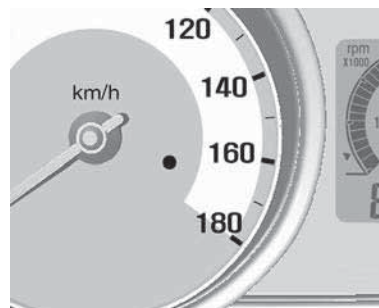
- cửa, cửa hậu, nắp capô
- ổ khóa điện



Kích hoạt

Bằng cách ấn trực tiếp vào nút .

Đèn báo trạng thái




Đèn báo an toàn sẽ nhấp sáng cho biết hệ thống chống trộm đang hoạt động.

Đèn báo sẽ tắt khi tắt cả các cửa được mở bằng bộ truyền phát đầu vào không chìa khóa.

Đèn báo sẽ bật sáng khi bạn khóa cửa xe bằng bộ truyền phát đầu vào không chìa khóa.

Bỏ kích hoạt



Mở khóa ô tô bằng cách bấm nút  để vô hiệu hệ thống báo động chống trộm.

Âm cảnh báo

Hệ thống kích hoạt báo động khi có bất cứ cửa nào, cửa hậu hay mui xe bị mở mà bạn không bấm nút mở khóa trên bộ truyền phát.

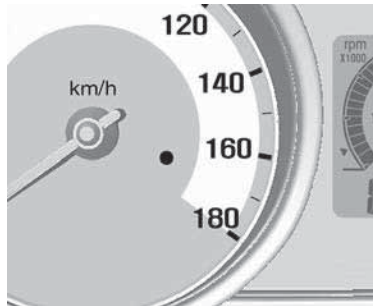
Để dừng âm cảnh báo, hãy bấm nút khóa hoặc mở khóa trên bộ truyền phát.

Nếu không sau 28 giây, báo động sẽ tự động tắt và được cài lại về chế độ chống trộm được kích hoạt.

Nếu hệ thống không hoạt động như mô tả ở trên, hãy đưa ô tô của bạn đến kiểm tra tại xưởng sửa chữa được ủy quyền.

Hệ thống làm cho xe không chạy được

Đèn báo hệ thống chống trộm



Nếu một chìa khóa không hợp lệ được sử dụng, đèn báo sẽ nhấp sáng và xe sẽ không thể khởi động được.

Hệ thống chống trộm

Hệ thống chống trộm mang đến khả năng chống trộm bổ sung cho ô tô được cài đặt ứng dụng này và ngăn không cho những người khác khởi động xe trái phép. Chìa khóa hợp lệ cho ô tô được trang bị với hệ thống chống trộm là khóa điện có tích hợp bộ phát sóng được mã hóa điện tử. Bộ phát sóng này được đặt một cách kín đáo trong khóa điện.

Chỉ những khóa điện hợp lệ mới có thể khởi động được động cơ.

Những khóa không hợp lệ chỉ có thể mở được cửa xe.

Động cơ sẽ tự động bị tê liệt sau khi khóa điện không hợp lệ được xoay tới vị trí KHÓA và được rút ra khỏi công tắc khóa điện. Đèn báo hệ thống chống trộm có thể được hoạt động trong các điều kiện sau đây:

Nếu hệ thống mã hóa khóa động cơ có lỗi (bao gồm Chế độ ghi nhận khóa tự động) khi công tắc khóa điện ở vị trí ON (Bật) hoặc START (Khởi động), thì đèn báo hệ thống mã hóa khóa động cơ sẽ nhấp sáng hoặc bật sáng liên tục.

Khóa cửa tự động

(Chỉ có ở một số khu vực)

Nếu cửa không được mở hoặc khóa điện không ở vị trí ACC (Phụ kiện) hoặc ON (Bật) trong vòng 30 giây sau khi mở cửa bằng bộ truyền phát, tất cả các cửa sẽ tự động được khóa lại.

Gương ngoài

Gương lồi

Gương ngoài có dạng lồi sẽ làm giảm các điểm mù. Hình dạng của gương sẽ làm cho các vật trong gương nhỏ hơn, điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng phán đoán khoảng cách.

Gương điều chỉnh bằng tay



Điều chỉnh gương chiếu hậu bên ngoài sao cho bạn có thể nhìn mỗi cạnh của ô tô, cũng như mỗi cạnh đường phía sau bạn.

Chỉ cần di chuyển cần điều chỉnh theo hướng mong muốn để điều chỉnh góc gương.

Gương điều chỉnh tự động



Chọn gương ngoài tương ứng bằng cách kéo công tắc điều khiển sang trái (L) hoặc phải (R). Sau đó xoay công tắc điều khiển để điều khiển gương.

Gương gập



Để an toàn cho người đi bộ, gương ngoài sẽ xoay ra khỏi vị trí lắp thông thường nếu bị va đập với một lực đủ lớn. Xoay lại gương về vị trí cũ bằng cách tác động nhẹ lên vỏ gương.

Cảnh báo

Luôn điều chỉnh gương cho phù hợp và sử dụng chúng khi lái xe để tăng tầm quan sát các vật thể và phương tiện khác xung quanh bạn. Không lái xe khi có gương chiếu hậu bên ngoài bị gập vào.

Gương có sấy

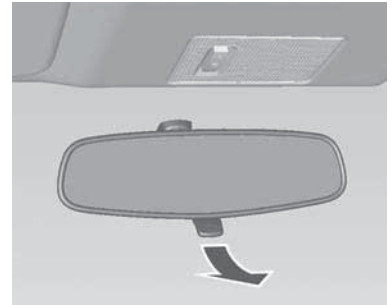


Bật sấy bằng cách nhấn nút .

Hệ thống sưởi hoạt động khi động cơ chạy và được tự động tắt sau vài phút hoặc bằng cách ấn lại vào nút đó.

Gương trong xe

Gương chiếu hậu điều chỉnh bằng tay



Để giảm bị lóa mắt, điều chỉnh cần phía dưới vỏ gương.

 Cảnh báo

Tầm nhìn của bạn qua gương có thể không rõ khi gương được điều chỉnh để quan sát về đêm.

Hãy đặc biệt chú ý khi sử dụng gương hậu khi nó được điều chỉnh để quan sát về đêm.

Việc không thể đảm bảo tầm nhìn phía sau rõ ràng trong khi lái xe có thể dẫn tới việc bị va chạm và làm hỏng xe hoặc các tài sản khác và/ hoặc bị thương tích cá nhân.

Cửa sổ

Kính lên xuống bằng tay

(Chỉ có ở một số khu vực)



Kính cửa được hạ xuống hoặc nâng lên bằng cần quay tay.

Kính điện

 Cảnh báo

Thận trọng khi vận hành gương điện. Bạn có thể bị thương, nhất là với trẻ em.

(tiếp tục)

Cảnh báo (tiếp tục)

Nếu có trẻ em ngồi trên ghế sau, hãy bật hệ thống an toàn cho trẻ em đối với các cửa sổ tự động. Đồ gá lắp có thể khiến đai khóa và móc khóa đai phía trên mất hiệu lực.

Chú ý quan sát kính khi đóng. Đảm bảo rằng không có gì vướng vào đường đi chuyên của chúng.



Kính điện có thể hoạt động khi khóa điện bật.

Thao tác trên công tắc tương ứng với các kính bằng cách đẩy để mở và kéo để đóng.

Hoạt động

Bạn có thể vận hành kính điện khi công tắc khóa điện ở vị trí BẬT bằng cách sử dụng các công tắc kính điện trên mỗi ô cửa.

Để nâng cửa sổ hãy kéo công tắc lên.

Để hạ cửa sổ hãy ấn công tắc xuống. Thả công tắc đó khi cửa sổ di chuyển đến vị trí mong muốn.

Cảnh báo

Các chi tiết thân xe bên ngoài xe có thể va chạm với các đồ vật mà xe đi qua. Giữ các bộ phận cơ thể bên trong xe.

Trẻ nhỏ có thể vận hành và bị mắc kẹt trong kính điện.

Không để chìa khóa hoặc trẻ nhỏ không có ai trông chừng bên trong xe của bạn.

(tiếp tục)


Cảnh báo (tiếp tục)

Việc sử dụng sai kính điện có thể dẫn tới khả năng bị thương tích nghiêm trọng hoặc gây ra chết người.

Hệ thống an toàn trẻ em cho kính sau



Nhấn công tắc  để giải hoạt cửa sổ tự động phía sau.

Để kích hoạt nhấn lại .

Cửa sổ sau có sậy



Bật sậy bằng cách nhấn nút .

Hệ thống sưởi hoạt động khi động cơ chạy và được tự động tắt sau vài phút hoặc bằng cách ấn lại vào nút đó.

Chú ý

Không dùng các dụng cụ sắc nhọn hay chất tẩy rửa có tính ăn mòn trên cửa sổ sau.

Không làm xước hay làm hỏng dây điện của bộ sấy kính khi bạn vệ sinh hay thao tác quanh cửa sổ sau.

Tấm chắn nắng

Tấm chắn nắng có thể gập xuống hoặc xoay sang một bên để chống chói nắng.

Nếu tấm chắn nắng có lắp gương, tấm đậy gương cần được gập vào trong khi lái xe.



Cảnh báo

Không để tấm chắn nắng làm cản trở khả năng quan sát nhìn đường, luồng giao thông và các vật thể khác.

Ghế và bộ phận giữ

Tựa đầu

Tựa đầu 29

Ghế trước

Vị trí ghế 30

Điều chỉnh ghế 31

Dây an toàn

Dây an toàn 32

Đai an toàn ba điểm 34

Hệ thống túi khí

Hệ thống túi khí 36

Hệ thống túi khí trước 37

Hệ thống túi khí bên 38

Công tắc bật/tắt túi khí 39

Ghế trẻ em

Hệ thống ghế trẻ em 40

Vị trí lắp ghế trẻ em 42

Hệ thống ghế trẻ em lắp rời

ISOFIX 44

Hệ thống ghế trẻ em có đai

giữ trên 46

Tựa đầu

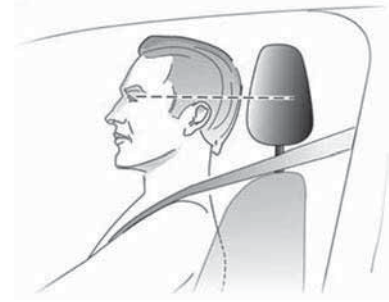
Vị trí

Cảnh báo

Chỉ lái xe khi tựa đầu được đặt ở vị trí thích hợp.

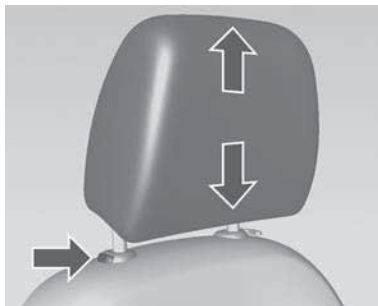
Nếu tựa đầu bị tháo hoặc bị điều chỉnh không đúng cách, thì cổ và đầu của bạn có thể gặp thương tích nghiêm trọng trong trường hợp có va chạm.

Chắc chắn rằng tựa đầu đã được điều chỉnh lại trước khi lái xe.



Cạnh trên của tựa đầu nên ở vị trí đầu phía trên. Nếu điều này không thực hiện được với người quá cao thì kéo lên vị trí cao nhất và kéo xuống vị trí thấp nhất với người thấp.

Tựa đầu của ghế trước

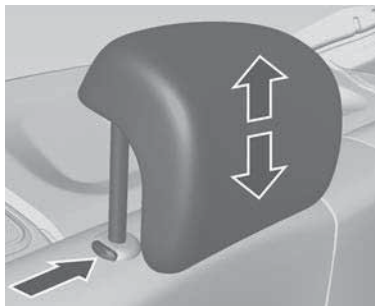


Điều chỉnh chiều cao

Kéo tựa đầu lên phía trên. Để đẩy tựa đầu xuống, nhấn lấy hãm và đẩy tựa đầu xuống phía dưới.

Ấn các chốt hãm và kéo tựa đầu lên trên.

Tựa đầu của ghế sau



Điều chỉnh chiều cao

Kéo tựa đầu lên phía trên. Để đẩy tựa đầu xuống, nhấn lấy hãm và đẩy tựa đầu xuống phía dưới.

Ấn các chốt hãm và kéo tựa đầu lên trên.

Ghế trước

Vị trí ghế

 **Cảnh báo**

Chỉ lái xe khi ghế được điều chỉnh thích hợp.



Tháo đai an toàn

- Cần ngồi lùi sát vào tựa lưng ghế. Điều chỉnh khoảng cách giữa ghế và các bàn đạp sao cho đùi và cẳng chân tạo thành một góc khi nhấn các bàn đạp.

Trượt ghế hành khách phía trước lùi về sau càng nhiều càng tốt.

- Cần tựa vai lùi sát vào tựa lưng ghế. Đặt độ ngả của tựa lưng sao cho bạn có thể dễ dàng với tới vô-lăng khi tay hơi cong. Duy trì tiếp xúc giữa vai và tựa lưng khi điều khiển vô lăng. Không nên ngả tựa lưng về sau nhiều quá. Độ ngả tối đa nên vào khoảng 25°.
- Điều chỉnh vô lăng ⇨ *Điều chỉnh vô lăng* ⇨ 54.
- Đặt ghế đủ cao để bạn có thể nhìn rõ tất cả các phía và tất cả các đồng hồ. Nên điều chỉnh sao cho khoảng cách giữa đầu bạn và trần xe ít nhất là một gang tay. Đùi của bạn chỉ nên tựa nhẹ, không nên tỳ vào ghế.
- Điều chỉnh tựa đầu ⇨ *Tựa đầu* ⇨ 29.
- Điều chỉnh độ cao của đai an toàn ⇨ *Đai an toàn ba điểm* ⇨ 34.

Điều chỉnh ghế

⚠ Nguy hiểm

Không ngồi trong khoảng 25 cm (10 inch) tính từ vô lăng để túi khí bung ra an toàn.

⚠ Cảnh báo

Không được điều chỉnh ghế khi đang lái xe, vì bạn có thể mất kiểm soát sự di chuyển của chúng.

Chỉnh vị trí ghế



Kéo tay cầm, trượt ghế, nhả tay cầm.

Thử di chuyển ghế tiến lên và lùi xuống để bảo đảm ghế đã được khóa chắc chắn.

⚠ Cảnh báo

Khi định vị ghế, bảo đảm rằng bạn sử dụng phần nằm ở giữa thanh nhả.

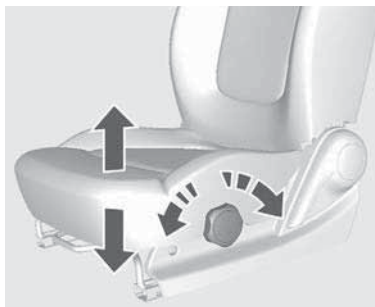
Tựa lưng ghế



Kéo cần điều khiển, điều chỉnh độ nghiêng và nhả tay ra. Để cho ghế vào đúng vị trí ăn khớp một cách chắc chắn.

Không tựa vào ghế khi đang điều chỉnh.

Chiều cao ghế



Xoay vô lăng ở bên ngoài đệm ghế cho đến khi đệm ghế được điều chỉnh tới vị trí mong muốn.

Dây an toàn

Đai an toàn



Đai an toàn sẽ bị hãm khi xe tăng tốc hoặc giảm tốc đột ngột đảm bảo an toàn cho người ngồi.

 **Cảnh báo**

Thắt đai an toàn trước mỗi chuyến đi.

(tiếp tục)

Cảnh báo (tiếp tục)

Trong trường hợp xảy ra tai nạn, những người không sử dụng đai an toàn có thể gây nguy hiểm cho chính bản thân họ và những người đi cùng trên xe.


Các đai an toàn được thiết kế để sử dụng chỉ cho một người một lần. Chúng không phù hợp với những người thấp hơn 150 cm (5 ft). Hệ thống ghế trẻ em ⇨ *Hệ thống ghế trẻ em* ⇨ 40.

Kiểm tra định kỳ các bộ phận của đai an toàn không bị hỏng hóc và hoạt động đúng.

Các bộ phận bị hỏng cần được thay thế. Sau khi xảy ra tai nạn, cần phải thay thế đai an toàn và bộ chống căng tại xưởng sửa chữa.

Lưu ý

Đảm bảo rằng đai an toàn không bị hư hỏng do các yếu tố như giầy hoặc vật có cạnh sắc hoặc bị kẹt. Không để bụi bám vào bộ cuộn đai.

Đèn báo thắt đai an toàn  ⇨
Đèn báo cài dây an toàn ⇨ 63.


Bộ hạn chế lực căng đai an toàn

Trên các ghế trước, lực căng lên thân người sẽ giảm xuống bằng cách nhả dần đai an toàn khi có va chạm.


Các bộ chống căng đai an toàn



Trong trường hợp có va chạm từ phía trước hoặc bên sườn xe hay từ phía sau với độ nghiêm trọng nhất định, đai an toàn ghế trước sẽ được siết chặt.

 **Cảnh báo**

Xử lý không chính xác (ví dụ tháo hoặc cài đai an toàn) có thể làm cho bộ căng đai an toàn gây ra nguy cơ chấn thương.

Việc triển khai các bộ chống căng đai an toàn được hiển thị bằng việc bật sáng đèn báo điều khiển  ⇨
Đèn báo cài dây an toàn ⇨ 63.

Chỉ thay thế các bộ chống căng đai an toàn ở xưởng sửa chữa. Các bộ chống căng đai an toàn chỉ bật duy nhất một lần.

Lưu ý

Không gắn thêm hoặc lắp các phụ kiện hay vật thể có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của bộ căng đai trước va chạm. Không thực hiện bất kỳ sửa đổi nào đối với các chi tiết của bộ chống căng đai an toàn vì điều đó sẽ làm mất hiệu lực phê duyệt kiểu xe.

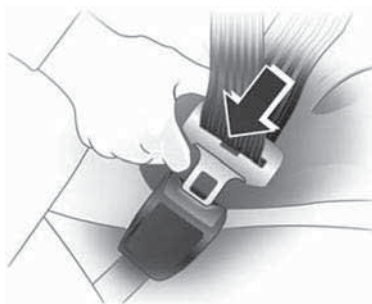
Đai an toàn ba điểm

Thắt chặt đai an toàn



Kéo đai an toàn từ bộ cuộn đai, đưa qua thân người mà không bị xoắn và cài miếng khóa vào đai khóa.

Thắt chặt đai ngang thắt lưng thường xuyên trong khi lái xe bằng cách kéo đai bắt qua vai. Đèn báo cài đai an toàn ⇨ *Đèn báo cài dây an toàn* ⇨ 63.

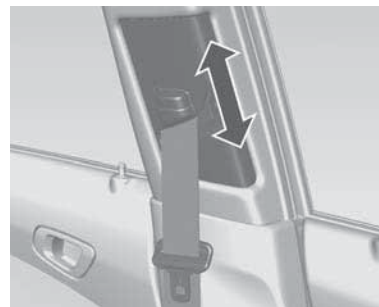


Quần áo rộng hoặc kèn càng sẽ làm cho việc cài đai an toàn không ôm khít. Không được đặt các vật như túi xách hoặc điện thoại giữa đai an toàn và cơ thể bạn.

Cảnh báo

Đai không được tỳ vào các vật cứng hoặc dễ vỡ trong túi quần/áo của bạn.

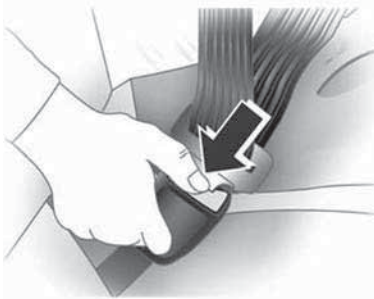
Điều chỉnh chiều cao



1. Nhấn nút.
2. Điều chỉnh chiều cao và hãm lại.

Điều chỉnh chiều cao sao cho đai nằm vắt chéo qua vai. Đai không được vắt qua cổ hoặc phần cánh tay.

Tháo đai an toàn



Để tháo đai an toàn, nhấn nút đỏ trên khóa đai.

Sử dụng đai an toàn khi mang thai



⚠ Cảnh báo

Đai ngang thắt lưng phải được đặt thấp nhất có thể, ngang qua khung chậu để tránh tạo áp lực lên vùng bụng.

Đai an toàn sử dụng cho mọi người, kể cả phụ nữ đang mang thai.

Giống như những người đi xe khác, phụ nữ đang mang thai dễ bị chấn thương nặng hơn nếu không đeo đai an toàn.

Ngoài ra, khi thắt đai an toàn đúng cách, em bé trong bụng mẹ có thể sẽ được an toàn nếu có va chạm.

Để có thể bảo vệ tối đa, phụ nữ đang mang thai nên sử dụng đai an toàn.

Phụ nữ đang mang thai nên kéo phần đai ngang thắt lưng càng thấp càng tốt tránh phần bụng mang thai của họ.

Đai ngang thắt lưng

Để điều chỉnh độ dài, độ chặt hay lỏng của đai an toàn.

Hệ thống túi khí

Hệ thống túi khí bao gồm một số hệ thống đơn lẻ.

Khi bị kích hoạt, túi khí sẽ bung ra trong vòng vài phần nghìn giây. Chúng cũng xẹp xuống nhanh đến mức khó nhận biết trong khi va chạm.

Cảnh báo

Nếu thao tác không đúng cách thì hệ thống túi khí có thể sẽ rất dễ bị kích nổ.

Lái xe nên ngồi lùi xa hết mức có thể, sao cho vẫn đảm bảo việc điều khiển xe. Nếu bạn ngồi quá gần túi khí, thì khi bung ra, túi khí có thể khiến bạn gặp thương tích nghiêm trọng hoặc bị tử vong.

Để được bảo vệ tối đa trong các kiểu va chạm, tất cả những người ngồi trên xe, kể cả lái xe, phải luôn thắt đai an toàn để giảm thiểu rủi ro gặp thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xe
(tiếp tục)

Cảnh báo (tiếp tục)

bị va chạm. Không ngồi hoặc tựa ở nơi gần túi khí khi xe đang chạy.

Túi khí có thể gây ra vết xước trên mặt hoặc trên thân thể, bạn cũng có thể bị thương do các mảnh kính vỡ hoặc bị bỏng vì hiện tượng nổ khi túi khí bung ra.

Lưu ý

Bộ điều khiển điện tử của hệ thống túi khí và bộ căng đai được đặt ở khu vực hộp điều khiển giữa. Không đặt bất kỳ vật gì có từ tính lên khu vực này.

Không chọc bất kỳ vật nào vào nắp che túi khí và không đặt vật khác lên trên nắp che.

Mỗi túi khí chỉ được kích hoạt một lần. Vì vậy hãy để hãng sửa chữa thay thế túi khí đã bung ra.

Không được sửa đổi hệ thống túi khí, vì điều đó sẽ làm mất đi những đặc tính vốn có của xe.

Trong trường hợp túi khí bung ra, hãy để xưởng sửa chữa tháo vô lăng, bảng táp lô, tất cả các chi tiết ốp, gioăng cửa, tay cầm và ghế ngồi.

Khi túi khí nổ, có thể phát ra tiếng ồn lớn cùng với khói. Đây là điều bình thường và không gây nguy hiểm, nhưng trong một số trường hợp có thể gây kích thích da. Nếu có hiện tượng kích thích da hãy liên lạc với bác sỹ.

Nguy hiểm


Không cho phép trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, phụ nữ có thai, người già hoặc những người có sức khỏe yếu ngồi ở ghế phụ có túi khí.

Ngoài ra, không được lái xe khi có ghế trẻ em lắp ở ghế phụ có túi khí. Trong trường hợp xe gặp tai nạn, tác động của túi khí bung ra có thể dẫn đến thương tích trên mặt hoặc tử vong.

Chú ý

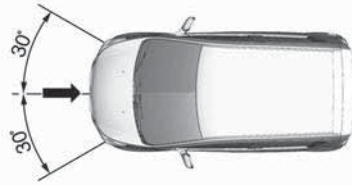
Nếu xe va phải các chổ lồi hoặc chướng ngại vật trên đường hay vỉa hè không lát đá, thì túi khí có thể bung ra. Hãy lái xe chậm rãi trên các bề mặt không được thiết kế để xe đi lại, nhằm tránh túi khí vô tình bung ra.

Khi bơm phồng các túi khí, các khí gas nóng thoát ra ngoài có thể gây bỏng.

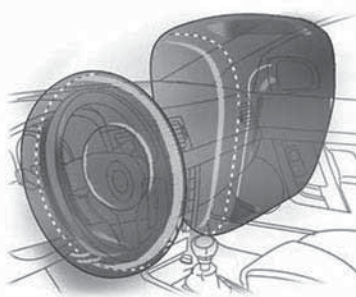
Đèn báo  dùng cho hệ thống túi khí ⇨ *Đèn báo túi khí và bộ căng đai an toàn* ⇨ 64.

Hệ thống túi khí trước

Hệ thống túi khí trước bao gồm một túi khí ở vô lăng và một trên bảng táp lô phía bên ghế hành khách phía trước. Có thể nhận biết các túi khí này bởi ký tự AIRBAG.



Hệ thống túi khí trước sẽ nổ trong trường hợp xảy ra tai nạn ở mức độ nghiêm trọng trong khu vực mô tả. Cần bật chìa khóa.



Chuyển động về phía trước của người ngồi ghế trước bị làm chậm lại, nhờ thế làm giảm đáng kể nguy cơ chấn thương phần thân trên và đầu.

⚠ Cảnh báo

Điều kiện bảo vệ tốt nhất chỉ được cung cấp khi ghế ở vị trí phù hợp

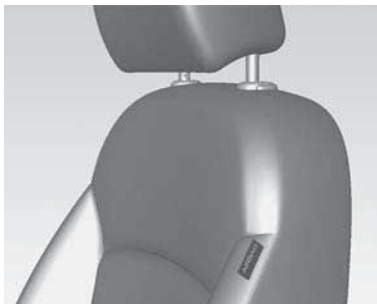
⇨ *Vị trí ghế* ⇨ 30.

Không để chướng ngại vật trong khoảng không bung ra của túi khí.

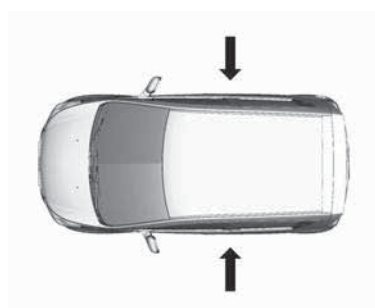
Thắt đai an toàn đúng cách và khớp móc cài chắc chắn. Chỉ khi đó, túi khí mới có thể bảo vệ bạn.

Hệ thống túi khí bên

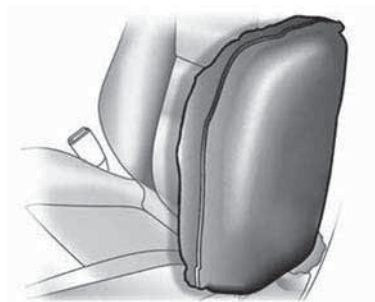
(Chỉ có ở một số khu vực)



Hệ thống túi khí bên bao gồm một túi khí trên mỗi tựa lưng ghế trước. Có thể nhận biết bởi ký tự AIRBAG.



Hệ thống túi khí bên sẽ được kích hoạt trong trường hợp xảy ra tai nạn ở mức độ nghiêm trọng. Cần bật chia khóa.



Rủi ro thương tích ở phần thân trên và khung chậu được giảm đáng kể trong vụ va chạm ngang.

Cảnh báo

Không để chướng ngại vật trong khoảng không bung ra của túi khí.

Lưu ý

Chỉ sử dụng vỏ bọc bảo vệ ghế đã được phê duyệt cho xe của bạn. Phải cẩn thận không được bọc các túi khí.

Cảnh báo

Trẻ nhỏ ngồi gần túi khí bên có nguy cơ bị chấn thương nghiêm trọng nếu túi khí nổ, đặc biệt khi đầu, cổ hoặc ngực của trẻ gần khu vực túi khí trong lúc nổ.

Không bao giờ để trẻ em tựa vào cửa hoặc cạnh mô đun túi khí.

Công tắc bật/tắt túi khí

Hệ thống túi khí phía trước phải được vô hiệu nếu có lắp hệ thống ghế trẻ em trên ghế đó. Hệ thống túi khí rèm và túi khí bên, bộ căng đai an toàn và tất cả các hệ thống túi khí phía người lái sẽ vẫn hoạt động.





Hệ thống túi khí hành khách phía trước có thể bị vô hiệu qua khóa trên cạnh của bảng táp lô, bạn có thể nhìn thấy khóa này khi mở cửa hành khách phía trước.


Cảnh báo

Hủy kích hoạt hệ thống túi khí hành khách phía trước khi có trẻ ngồi trên ghế hành khách phía trước.


Kích hoạt hệ thống túi khí hành khách phía trên khi có người lớn ngồi trên ghế hành khách phía trước.

Sử dụng khóa điện để chọn vị trí:

 = túi khí hành khách phía trước bị vô hiệu hóa và sẽ không bung ra trong trường hợp có va chạm. Đèn báo điều khiển  bật sáng liên tục. Bạn có thể lắp đặt hệ thống ghế trẻ em theo ảnh mẫu.

 = túi khí hành khách phía trước được kích hoạt. Không được lắp đặt hệ thống ghế trẻ em.



Khi đèn báo điều khiển  không bật sáng, hệ thống túi khí cho ghế hành khách phía trước sẽ bung ra khi có va chạm.

Chỉ thay đổi trạng thái khi ô tô dừng với khóa điện ở trạng thái tắt.

Trạng thái giữ nguyên cho đến lần thay đổi tiếp theo.

Đèn báo điều khiển cho túi khí ⇨
Đèn bật/tắt túi khí ⇨ 64.

Ghế trẻ em

Hệ thống ghế trẻ em

Khi sử dụng hệ thống ghế trẻ em cần chú ý phần hướng dẫn sử dụng và lắp ráp sau đây cũng như các bộ phận đi cùng hệ thống ghế trẻ em.

Luôn tuân thủ các quy định tại địa phương hay quốc gia. Tại một số quốc gia, việc sử dụng hệ thống ghế trẻ em bị cấm trên các vị trí ghế nhất định.



⚠ Cảnh báo

KHÔNG BAO GIỜ lắp ghế trẻ em hướng mặt về sau trên ghế được bảo vệ bằng TÚI KHÍ ĐANG HOẠT ĐỘNG phía trước, vì TRẺ EM có thể gặp THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG.

⚠ Cảnh báo

Khi sử dụng hệ thống ghế trẻ em ở ghế hành khách phía trước, bạn phải tắt hệ thống túi khí dành cho ghế hành khách phía trước, nếu không việc túi khí triển khai có thể dẫn tới nguy cơ gây ra chấn thương tử vong đối với trẻ.

Đặc biệt là trong trường hợp hệ thống ghế quay mặt về phía sau cho trẻ em được sử dụng trên ghế hành khách phía trước.

Vô hiệu túi khí ⇨ Công tắc bật/tắt túi khí ⇨ 39.

Chọn đúng chủng loại

Trẻ em nên ngồi quay mặt về phía sau càng lâu càng tốt khi đi trên xe. Điều này giúp đảm bảo cho cột sống của trẻ, vẫn còn rất yếu, bị ít biến dạng nhất trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Trẻ em dưới 12 tuổi hoặc có chiều cao dưới 150 cm (5 ft) chỉ nên ngồi trên ghế an toàn thích hợp cho trẻ em.

Không được bế trẻ em trong khi xe đang chạy. Khi gặp va chạm việc giữ trẻ em là rất khó khăn.

Khi chở trẻ em, sử dụng hệ thống ghế trẻ em phù hợp với trọng lượng của bé.

Đảm bảo hệ thống ghế trẻ em được lắp đặt phù hợp với loại xe.

Đảm bảo vị trí lắp của hệ thống ghế trẻ em trên xe là đúng.

Chỉ cho phép trẻ em ra/vào xe ở phía không có xe cộ qua lại.

Nếu không sử dụng hệ thống ghế trẻ em, buộc chặt ghế bằng đai an toàn hoặc tháo ghế ra khỏi xe.

Lưu ý

Không được dán bất cứ thứ gì lên ghế trẻ em và cũng không bọc lại ghế trẻ em bằng vật liệu khác.

Ghế trẻ em đã chịu áp lực do tai nạn cần được thay thế.

Đảm bảo rằng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ được ngồi ở hàng ghế sau có lắp ghế trẻ em.

Cho đến khi trẻ em có thể sử dụng được đai an toàn, hãy lựa chọn ghế trẻ em phù hợp với từng lứa tuổi và bảo đảm rằng trẻ sẽ sử dụng ghế đó. Hãy xem những hướng dẫn liên quan đến sản phẩm ghế trẻ em.

42 Ghế và bộ phận giữ

Vị trí lắp ghế trẻ em

Các tùy chọn lắp hệ thống ghế trẻ em

Phân loại theo cân nặng và tuổi	Trên ghế bên phụ		Trên ghế ngoài hàng sau	Trên ghế giữa hàng sau
	Bật túi khí	Tắt túi khí		
Nhóm 0: đến 10kg hoặc khoảng 10 tháng tuổi	X	U1	U2	U
Nhóm 0+: đến 13kg hoặc khoảng 2 tuổi	X	U1	U2	U
Nhóm I: 9 đến 18kg hoặc xấp xỉ 8 tháng tuổi đến 4 tuổi	X	U1	U2	U
Nhóm II: 15 đến 25kg hoặc xấp xỉ 3 đến 7 tuổi	X	X	U	U
Nhóm III: 22 đến 36kg hoặc xấp xỉ 6 đến 12 tuổi	X	X	U	U

1 : Chỉ khi tắt hệ thống túi khí của ghế hành khách phía trước. Nếu hệ thống ghế trẻ em được giữ chặt bằng đai an toàn ba điểm, hãy đảm bảo rằng đai an toàn xe đi lên phía trên từ điểm neo giữ phía trên.

2 : Ghế có các giá lắp ISOFIX và loại đai phía trên.

U : Phù hợp với đai an toàn ba điểm

X : Không được phép sử dụng hệ thống ghế trẻ em ở nhóm cân nặng này.

Các tùy chọn cho phép lắp hệ thống ghế trẻ em ISOFIX

Nhóm trọng lượng	Nhóm kích thước	Cơ cấu kẹp	Trên ghế bên phụ	Trên ghế ngoài hàng sau	Trên ghế giữa hàng sau
Nhóm 0: đến 10kg	E	ISO/R1	X	IL (1)	X
Nhóm 0+: đến 13kg	E	ISO/R1	X	IL (1)	X
	D	ISO/R2	X	IL (1)	X
	C	ISO/R3	X	IL (1)	X
Nhóm I: 9 đến 18kg	D	ISO/R2	X	IL (1)	X
	C	ISO/R3	X	IL (1)	X
	B	ISO/F2	X	IL, IUF	X
	B1	ISO/F2X	X	IL, IUF	X
	A	ISO/F3	X	IL, IUF	X

(1) Di chuyển ghế hành khách phía trước lên vị trí trên cùng hoặc dịch lên phía trước cho đến khi hệ thống ghế trẻ em không bị chạm vào tựa lưng ghế trước.

IL : Phù hợp với một số hệ thống ghế ISOFIX trong các loại "xe cụ thể", "hạng chế" hoặc "bán vận năng".

Hệ thống ghế trẻ em phải được chấp thuận cho loại xe cụ thể.

IUF : Phù hợp cho các hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước ISOFIX loại phổ biến được chấp thuận sử dụng trong nhóm cân nặng này.

X : Không được phép sử dụng hệ thống ghế trẻ em ISOFIX ở nhóm cân nặng này.

Nhóm kích cỡ và thiết bị ghế ISOFIX

A - ISO/F3 : Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước dành cho trẻ em với kích cỡ lớn nhất trong nhóm cân nặng từ 9 đến 18kg.

B - ISO/F2 : Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước dành cho trẻ em nhỏ hơn trong nhóm cân nặng từ 9 đến 18kg.

B1 - ISO/F2X : Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước dành cho trẻ em nhỏ hơn trong nhóm cân nặng từ 9 đến 18kg.

C - ISO/R3 : Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía sau dành cho trẻ em với kích cỡ lớn nhất trong nhóm cân nặng đến 13kg.

D - ISO/R2 : Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía sau dành cho trẻ em nhỏ hơn trong nhóm cân nặng đến 13kg.

E - ISO/R1 : Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía sau dành cho trẻ nhỏ trong nhóm cân nặng đến 13kg.

Hệ thống ghế trẻ em lắp rời ISOFIX



Trước đây, ghế trẻ em được gắn vào ghế ô tô bằng đai an toàn. Do vậy, ghế trẻ em thường được gắn không chính xác hoặc quá lỏng để bảo vệ đầy đủ cho con cái của bạn.

Hiện tại, trên xe của bạn, chúng tôi trang bị các neo dưới ISOFIX ở hai vị trí ghế ngồi bên ngoài phía sau, cùng với các neo giữ đai phía Trên ở lưng ghế ngồi phía sau (xe ba khoang-mặt sau của tựa đầu/xe có cửa sập-mặt sau của tấm tựa lưng ghế sau) để gắn ghế trẻ em vào ghế sau.

Để lắp ghế trẻ em được trang bị cùng đồ gá neo dưới ISOFIX và đai phía Trên, hãy làm theo các hướng dẫn kèm theo ghế trẻ em.

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn và thực hiện tất cả nội dung được trình bày ở các trang sau cũng như những hướng dẫn đi kèm với ghế trẻ em.

Sự an toàn cho con của bạn phụ thuộc vào điều đó!

Nếu có bất cứ câu hỏi hay thắc mắc về việc liệu bạn đã lắp đặt ghế trẻ em đúng cách chưa, hãy liên hệ với nhà sản xuất ghế trẻ em. Nếu bạn vẫn gặp trục trặc khi lắp ghế trẻ em vào xe, chúng tôi khuyến nghị bạn nên hỏi ý kiến của xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn.

Cách lắp đặt hệ thống ghế trẻ em ISOFIX:

1. Chọn một trong các vị trí ngồi phía sau bên ngoài để lắp ghế trẻ em.



2. Định vị hai vị trí neo giữ thấp hơn. Vị trí của mỗi neo giữ thấp bên dưới được xác định bằng dấu tròn trên cạnh dưới của tựa lưng ghế sau.
3. Hãy đảm bảo rằng không có bất kỳ vật lạ nào xung quanh các neo giữ thấp bên dưới, bao gồm cả đai an toàn hay khóa cài đai an toàn. Các vật lạ có thể ảnh hưởng tới việc ghế trẻ em cố định vào móc khóa.

4. Đặt ghế trẻ em trên ghế qua hai neo giữ thấp bên dưới và gắn nó với các neo giữ đó theo hướng dẫn đi kèm với ghế trẻ em.
5. Điều chỉnh và thắt chặt ghế trẻ em theo hướng dẫn đi kèm với ghế trẻ em.

Chú ý

Có thể di chuyển về phía trước hệ thống ghế trẻ em không sử dụng.

Tháo hệ thống ghế trẻ em nếu không sử dụng hoặc cố định ghế bằng đai an toàn.

Lưu ý

Do đai an toàn hoặc hệ thống ghế trẻ em có thể trở nên rất nóng nếu ở trong xe đóng kín, hãy đảm bảo và kiểm tra lớp vỏ bọc ghế và khóa cài trước khi đặt trẻ vào ghế.

⚠ Cảnh báo

Chỉ sử dụng tất cả các neo dưới ISOFIX và neo đai phía trên theo đúng mục đích thiết kế.

Các neo dưới ISOFIX và neo đai phía trên được thiết kế để chỉ giữ ghế trẻ em có trang bị các đồ gá neo trên và dưới.

Không sử dụng các neo dưới ISOFIX và neo đai phía trên để giữ đai an toàn cho người lớn, bó dây, các đồ hoặc thiết bị khác trong xe của bạn.

Việc sử dụng các neo dưới ISOFIX và neo đai phía trên để giữ đai an toàn cho người lớn, bó dây, các đồ hoặc thiết bị khác trong xe của bạn sẽ không đem đến khả năng bảo vệ đầy đủ trong trường hợp xe bị va chạm và có thể gây ra thương tích hoặc thậm chí tử vong.

⚠ Cảnh báo

Hệ thống ghế trẻ em được đặt ở ghế trước có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc chết người.

Không bao giờ lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước của xe có trang bị túi khí cho hành khách phía trước.

Trẻ ngồi trong ghế trẻ em quay mặt về phía sau được lắp trên ghế trước có thể bị thương nặng nếu túi khí cho hành khách phía trước bung ra.

Hãy cố định ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế sau.

Bạn nên lắp ghế trẻ em quay mặt ra trước trên ghế sau bất cứ khi nào có thể.

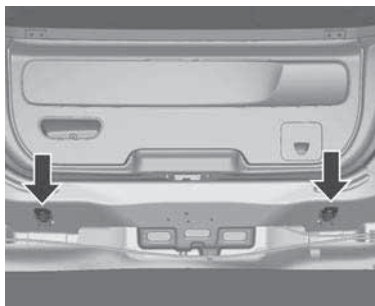
Nếu lắp loại ghế này ở ghế hành khách phía trước, hãy điều chỉnh để ghế lùi ra phía sau càng xa càng tốt.

Chú ý

Ghế trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ đầy đủ có thể không phù hợp với việc lắp đặt trên xe. Hãy liên hệ với nhà bán lẻ để biết thêm thông tin về hệ thống ghế trẻ em phù hợp.

Lắp đặt ghế trẻ em với các đồ gá neo dưới ISOFIX và neo đai phía trên.

Hệ thống ghế trẻ em có đai giữ trên



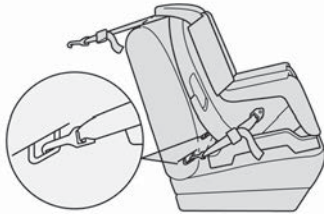
Để tiếp cận các điểm neo giữ Đai phía trên, hãy thực hiện những thao tác sau:

1. Loại bỏ các đồ vật ngoại lai xung quanh neo đai phía trên. Notchback: Mở nắp đậy và kéo neo lên phía trên. Hatchback: Tháo nắp khoang chứa đồ.
2. Gắn kẹp ở dây đai của ghế trẻ em vào neo đai phía trên, bảo đảm rằng bạn gỡ mọi nút xoắn trong dây đai. Nếu vị trí bạn đang sử dụng có tựa đầu có thể điều chỉnh được và bạn sử dụng đai đơn, hãy nâng tựa đầu lên và luồn đai bên dưới tựa đầu, giữa hai trụ của tựa đầu.

Nếu vị trí bạn đang sử dụng có tựa đầu có thể điều chỉnh được và bạn sử dụng đai kép, hãy luồn đai vòng qua tựa đầu.

Nếu vị trí bạn đang sử dụng có tựa đầu có thể điều chỉnh được và bạn sử dụng đai đơn, hãy nâng tựa đầu lên và luồn đai bên dưới tựa đầu, giữa hai trụ của tựa đầu.

3. Thắt chặt dây đai ghế trẻ em theo hướng dẫn đi kèm với ghế trẻ em.
4. Đẩy và kéo ghế trẻ em sau khi lắp đặt để đảm bảo ghế đã được lắp chặt và an toàn.



⚠ Cảnh báo

Hãy đảm bảo kẹp trên đai trên của ghế trẻ em đã được gắn chính xác vào neo giữ đai trên.

Việc gắn kẹp không chính xác có thể làm cho đai trên và neo giữ đai trên không hoạt động hiệu quả.

Chứa đồ

Khoang chứa đồ

Khoang chứa đồ	48
Hộc chứa trên bảng táp lô	48
Hộp găng tay	49
Đế đặt cốc	49

Vị trí đặt đồ/hành lý

Khoang chứa đồ	50
----------------------	----

Tính năng chứa đồ bổ sung

Lưới tiện lợi	52
Tam giác báo nguy hiểm	52
Bình cứu hỏa	52

Hệ thống giá hành lý nóc xe

Hệ thống giá hành lý nóc xe ...	52
---------------------------------	----

Thông tin về việc chất hàng lên xe

Thông tin về việc chất hàng lên xe	53
--	----

Khoang chứa đồ

⚠ Cảnh báo

Không đặt vật nặng hoặc sắc trong ngăn chứa đồ. Nếu không, trong trường hợp xe bị phanh gấp, đổi hướng bất ngờ hoặc gặp tai nạn, nắp ngăn chứa đồ có thể bật mở và các vật thể văng ra có thể làm bị thương người ngồi trên xe.

Hộc chứa trên bảng táp lô

Khoang chứa đồ dưới bảng táp lô



Khoang chứa đồ này được dùng để chứa các vật nhỏ, v.v.

Hộp găng tay

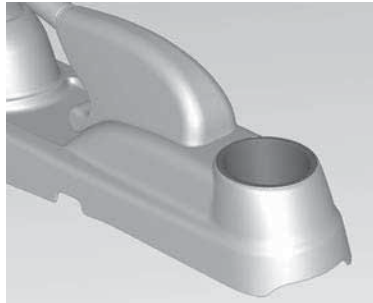


Kéo tay cầm để mở.

Cảnh báo

Để giảm bớt nguy cơ gặp thương tích nếu xe bị tai nạn hay phải dừng đột ngột, hãy luôn đóng cửa hộp găng tay khi bạn đang lái xe.

Để đặt cốc



Các khay giữ cốc được đặt ở bảng điều khiển trước và phần sau của bảng điều khiển trung tâm.

Cảnh báo

Không để cốc đựng đồ uống nóng, không có nắp vào để đặt cốc khi xe đang chạy. Nếu nước nóng tràn ra có thể gây bỏng. Trong trường hợp lái xe bị bỏng có thể sẽ không điều khiển được xe.

Để giảm thiểu rủi ro và các chấn thương khi dừng đột ngột hoặc va chạm, không được để các chai lọ, kính, đồ hộp không đậy nắp hoặc không chắc chắn vào khay đựng cốc khi xe chạy.

Vị trí đặt đồ/hành lý

Khoang chứa đồ

Gập tựa lưng của tựa lưng sau xuống

Cảnh báo

Không để hành lý hoặc hàng hóa khác cao hơn ghế trước.

Không cho phép hành khách ngồi trên các tựa tay ghế đã gập trong khi xe đang di chuyển.

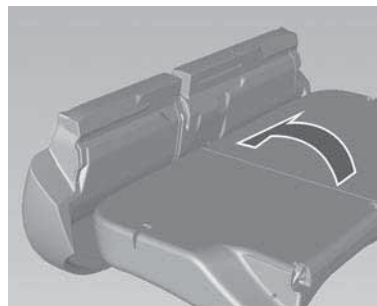
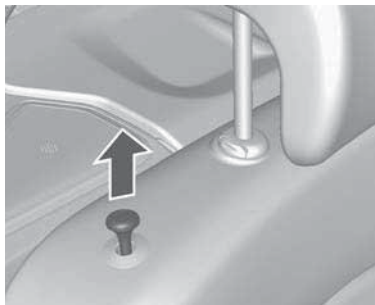
Hàng hóa hoặc hành khách không được giữ chặt trên tựa tay ghế đã gập có thể bị quăng quật trong xe hoặc bắn ra khỏi xe trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc dừng đột ngột. Việc này có thể dẫn tới việc bị chấn thương nghiêm trọng hoặc chết người.

Để gập tựa lưng phía sau xuống một cách riêng rẽ:

1. Kéo phần trước của đệm ghế sau lên để tháo nó. Nếu ô tô của bạn được trang bị các tấm tựa đầu cho ghế sau, chúng phải được tháo ra.
2. Hướng đệm ghế sau đã tháo tới vị trí thẳng đứng.

Lưu ý

Để đảm bảo đủ khoảng trống cho hoạt động của đệm ghế sau, hãy trượt ghế trước lên phía trước và điều chỉnh tựa ghế trước thẳng đứng lên.



3. Kéo núm điều khiển tháo ở phía trên cùng của tựa lưng ghế sau và gập nó xuống về phía trước.
4. Điều chỉnh ghế trước tới vị trí mong muốn.

Để đưa tựa lưng trở về vị trí thẳng đứng, hãy nhấc nó lên rồi đẩy nó vào đúng vị trí.

Hãy đảm bảo các đai an toàn không thắt chốt cài khóa.

Để lắp đệm ghế sau trở lại, hãy đặt phần sau của đệm ghế về vị trí ban đầu và đảm bảo các đai cài khóa đai an toàn không bị xoắn hoặc bị lấp dưới đệm ghế, rồi đẩy mạnh phần trước của đệm ghế xuống cho đến khi nó chốt lại.

Chú ý

Khi xoay tựa tay ghế sau về vị trí thẳng đứng, đặt đai an toàn ghế sau và khóa cài giữa tựa lưng ghế sau và một đệm ghế. Hãy đảm bảo đai an toàn ghế sau và khóa cài không bị xoắn dưới đệm ghế sau.

Hãy đảm bảo rằng các đai an toàn không bị xoắn hoặc bị nhét trong tựa lưng và được đặt ở đúng vị trí của chúng.

 **Cảnh báo**

Đảm bảo rằng tay tựa ghế sau nằm hoàn toàn ở phía sau và được khóa chốt vào đúng vị trí trước khi vận hành xe khi có hành khách ngồi ở ghế sau.


Không kéo tay nắm nhà khớp ở phía trên cùng của tay tựa ghế khi xe đang di chuyển.

Nó có thể gây ra thương tích hoặc thiệt hại cho những người ngồi trên ghế.

Chú ý

Gập ghế phía sau khi đai an toàn vẫn cài có thể là nguyên nhân làm cho ghế hoặc đai an toàn bị hỏng.

Hãy luôn nhớ tháo đai an toàn và để chúng vào vị trí gọn gàng trước khi gập ghế phía sau.

 **Cảnh báo**

Không bao giờ cho phép hành khách ngồi trên phần đầu tựa tay đã được gập xuống, trong khi xe đang di chuyển vì đây không phải là vị trí ngồi phù hợp và không có đai an toàn có sẵn để sử dụng ở đó.

Điều này có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc chết người trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc dừng đột ngột.

Các đồ vật để trên tựa tay đã được gập xuống không nên cao hơn phần đầu ghế trước. Vì các đồ vật có thể trượt về phía trước và gây ra các chấn thương hoặc hư hỏng khi xe dừng đột ngột.

Tính năng chứa đồ bổ sung

Lưới tiện lợi

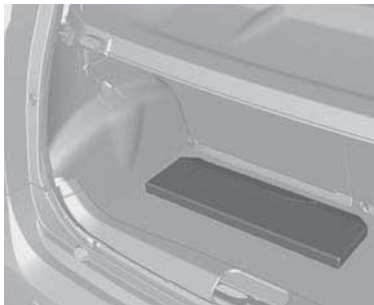
Bạn có thể mang tải trọng nhỏ với lưới tiện lợi tùy chọn.

Để lắp lưới, treo mỗi vòng ở góc phía trên lưới vào hai móc neo giữ trên bảng phía sau.

Chú ý

Lưới tiện lợi được thiết kế để chứa các hàng hóa nhỏ. Không được để các đồ vật nặng trong lưới tiện lợi của bạn.

Tam giác báo nguy hiểm



Xếp gọn tam giác báo nguy hiểm trong khoang chứa đồ.

Bình cứu hỏa

Bình cứu hỏa được đặt dưới chân ngay phía trước ghế bên cạnh hành khách.

Bình cứu hỏa được đặt dưới chân ngay phía trước ghế bên cạnh lái xe.

Hệ thống giá hành lý nóc xe

Giá hành lý nóc xe

Vì các lý do an toàn và tránh gây hư hỏng cho nóc xe, hãy dùng hệ thống giá hành lý nóc xe đúng cho loại xe này.

Nếu bạn cố mang vật gì đó trên nóc xe dài hơn hoặc rộng hơn giá hành lý nóc xe, gió có thể cản nó trong khi bạn lái xe. Điều này có thể dẫn tới việc bạn bị mất kiểm soát. Đồ vật bạn mang có thể bị xé rách và việc này có thể dẫn tới việc bạn hoặc những lái xe khác va chạm với nhau và tất nhiên điều đó sẽ làm hư hại xe của bạn. Không bao giờ chở bất cứ đồ vật gì dài hơn hoặc rộng hơn giá hành lý nóc xe phía trên nóc xe của bạn.

Tải trọng tối đa (bao gồm cả trọng lượng các thanh tiện ích trên nóc xe) đối với các ray giá hành lý nóc xe là 50 kg trên xe. Không vượt quá tải trọng tối đa của xe khi chất tải lên xe của bạn.

Tháo hành lý hay các thanh tiện ích trên nóc xe, tại cơ sở rửa xe tự động, trong trường hợp xe bạn có hành lý hay các thanh tiện ích trên nóc xe trên giá hành lý.

Chú ý
<p>Không vượt quá tổng trọng lượng xe (GVW) khi chất tải lên xe của bạn.</p> <p>Nếu GVW (Tổng trọng lượng xe) vượt quá 1.340 kg, thì khả năng khởi động trên đường dốc của xe sẽ bị ảnh hưởng</p>

Thông tin về việc chất hàng lên xe

- Những vật nặng trong khoang hành lý nên được đặt sát vào tựa lưng ghế. Đảm bảo rằng tựa lưng ghế đã vào khớp chắc chắn. Nếu có thể xếp chồng các vật, nên xếp vật nặng ở dưới.
- Chằng buộc các đồ vật trong khoang hành lý để tránh bị trượt qua lại.
- Khi vận chuyển đồ vật trong khoang hành lý, không ngả tựa lưng của ghế sau về phía trước.
- Không để đồ nhô cao hơn mặt trên của tựa lưng.
- Không để đồ trên nắp khoang chứa đồ hoặc bảng táp lô và không che khuất cảm biến trên đỉnh táp lô.
- Đồ không được cản trở việc điều khiển các bàn đạp, phanh tay, cần số hoặc cản trở việc cử động của lái xe. Không đặt đồ vật ở bên trong xe mà không chằng buộc.

- Không lái xe khi khoang hành lý vẫn mở.
- Tải trọng là chênh lệch giữa tổng trọng lượng xe được phép (xem thông tin này trên bảng nhận dạng ⇨ *Bảng nhận dạng* ⇨ 180) và trọng lượng không tải. Để có thông tin chi tiết về trọng lượng không tải của ô tô, hãy tham khảo mục thông số kỹ thuật.

Trọng lượng không tải bao gồm trọng lượng của lái xe (68kg), hành lý (7kg) và tất cả các loại chất lỏng (bình đầy 90%).

Các thiết bị và phụ kiện tùy chọn sẽ làm gia tăng trọng lượng không tải.

- Chở hàng trên nóc khi lái xe sẽ làm tăng ảnh hưởng của gió ngang và gây khó khăn cho việc điều khiển xe do trọng tâm của xe khi đó cao hơn. San đều hành lý và chằng buộc cẩn thận bằng dây. Điều chỉnh áp suất lốp và tốc độ của xe theo các điều kiện tải. Thường xuyên kiểm tra và buộc chặt lại các dây.

Các đồng hồ và bảng điều khiển

Bộ điều khiển

Điều chỉnh vô lăng	54
Bảng điều khiển trên vô lăng	55
Còi	55
Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió	55
Rửa kính/Gạt nước kính sau	57
Đồng hồ	58
Ổ cắm điện	58
Hốc châm thuốc	58
Gạt tàn	59

Đèn cảnh báo, đồng hồ và đèn báo

Đồng hồ đo tốc độ	60
Đồng hồ đo	60
Đồng hồ đo vòng tua	61
Đồng hồ nhiên liệu	61
Đèn báo điều khiển	61
Đèn	63
Đèn báo cài dây an toàn	63
Đèn báo túi khí và bộ căng đai an toàn	64
Đèn bật/tắt túi khí	64

Đèn báo hệ thống sạc	65
Đèn báo sự cố	65
Đèn cảnh báo hệ thống phanh	65
Đèn cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	65
Đèn báo tắt số vượt tốc	65
Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ	65
Đèn báo áp suất dầu động cơ	66
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp	66
Đèn cảnh báo động cơ vượt quá tốc độ	66
Đèn báo đèn pha bật	67
Đèn báo đèn sương phía trước	67
Đèn báo đèn sương phía sau	67
Đèn báo cửa mở	67

Bảng điều khiển hành trình

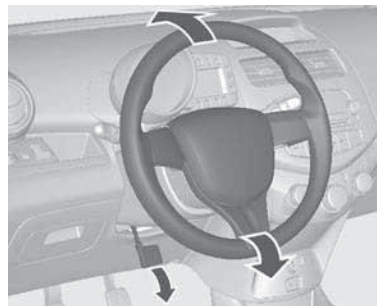
Bảng điều khiển hành trình	67
---------------------------------	----

Tùy chỉnh xe (Vehicle Personalization)

Tùy chỉnh xe (Vehicle Personalization)	69
--	----

Bộ điều khiển

Điều chỉnh vô lăng



Mở khóa cần điều chỉnh, điều chỉnh vô lăng, và cài cần điều chỉnh đến vị trí khóa hoàn toàn.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đang đứng yên.

Chú ý

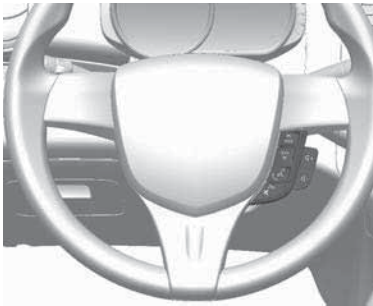
Nếu có tác động mạnh lên trụ lái khi vô lăng đã được điều chỉnh hoặc chốt khóa đã được khóa,

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Điều đó có thể gây ra các hư hỏng cho các bộ phận liên quan đến vô lăng.

Bảng điều khiển trên vô lăng



Hệ thống thông tin giải trí có thể được thao tác thông qua bảng điều khiển trên vô lăng.

Thông tin thêm có sẵn trong tài liệu hướng dẫn về hệ thống thông tin giải trí.

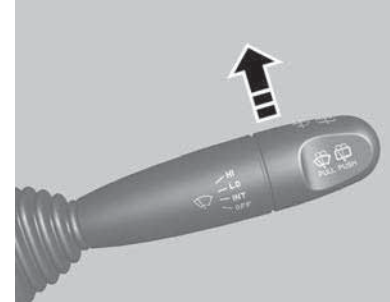
Còi



Nhấn .

Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió

Cần gạt nước



Để vận hành các cần gạt nước kính chắn gió, hãy BẬT khóa điện và di chuyển cần gạt rửa kính/gạt nước kính chắn gió lên phía trên.

TẮT : Tắt hệ thống.

INT (Gián đoạn) : Hoạt động gián đoạn.

LO (Thấp) : Gạt liên tục, tốc độ chậm.

HI (Cao) : Gạt liên tục, tốc độ nhanh.

Cần gạt nước kính chắn gió

Để vận hành các cần gạt nước kính chắn gió một lần trong trường hợp có mưa nhỏ hoặc có sương mù, di chuyển nhẹ cần rửa kính/gạt nước kính chắn gió về phía vị trí INT và thả ra.

Cần gạt sẽ tự động trở lại vị trí bình thường khi được thả ra. Các cần gạt sẽ vận hành qua một chu kỳ.

Chú ý

Nếu lái xe không có tầm nhìn rõ ràng, thì xe có thể bị tai nạn, dẫn đến thương tích cá nhân hoặc hư hỏng cho xe hay tài sản khác của bạn.

Không được bật gạt mưa khi kính chắn gió khô hoặc bị cản bởi băng hoặc tuyết.

Sử dụng cần gạt nước trên các kính chắn gió bị cản trở có thể làm hỏng các lưỡi gạt, mô-tơ cần gạt và kính.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Trong điều kiện thời tiết lạnh, cần kiểm tra lưới gạt mưa không bị kẹt trên kính do nước đóng băng trước khi bật gạt mưa. Vì bật gạt mưa khi lưới gạt mưa bị dính, kẹt trên kính do đóng băng có thể làm hỏng mô-tơ gạt mưa.

Rửa kính



Kéo cần điều khiển. Nước rửa kính được xịt lên kính chắn gió và cần gạt sẽ gạt vải lần.

Chú ý

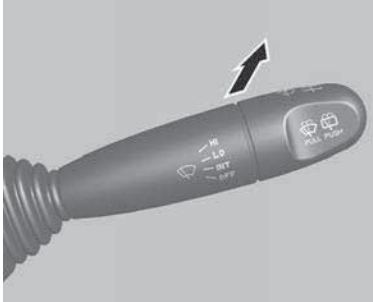
Không phun nước rửa kính liên tục lâu hơn vài giây hoặc khi bình nước rửa kính cạn. Điều này có thể làm cho bơm nước rửa kính bị quá nhiệt, dẫn đến tốn kém chi phí sửa chữa.

⚠ Cảnh báo

Không phun nước rửa kính vào kính chắn gió trong thời tiết lạnh. Sử dụng nước rửa kính và cần gạt nước trong thời tiết lạnh có thể gây ra tai nạn vì nước rửa kính có thể tạo băng trên mặt kính chắn gió bị đóng băng và cản trở tầm nhìn của bạn.

Rửa kính/Gạt nước kính sau

Gạt nước/rửa kính cửa sổ sau



Để vận hành cần gạt có nước rửa kính phía sau, hãy đẩy cần gạt hướng về phía bảng táp lô. Đẩy một lần: cần gạt nước sẽ hoạt động liên tục ở tốc độ thấp. Để phun nước rửa kính, đẩy cần gạt thêm một lần nữa.

Chú ý

Nếu lái xe không có tầm nhìn rõ ràng, thì xe có thể bị tai nạn, dẫn đến thương tích cá nhân hoặc hư hỏng cho xe hay tài sản khác của bạn.

Không vận hành cần gạt nước cửa kính phía sau khi cửa kính hậu khô hoặc bị cản trở như băng hoặc tuyết.

Sử dụng cần gạt nước trên cửa kính bị cản trở có thể làm hỏng các lưỡi gạt, mô-tơ cần gạt và kính.

Kiểm tra lưỡi gạt không bị đóng băng dính vào cửa kính trước khi hoạt động trong điều kiện thời tiết lạnh. Vì bật gạt mưa khi lưỡi gạt mưa bị dính, kẹt trên kính do đóng băng có thể làm hỏng mô tơ gạt mưa.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Không phun nước rửa kính vào cửa kính phía sau trong thời tiết lạnh. Hãy làm ấm cửa kính phía sau trước khi bạn vận hành bộ phận rửa cửa kính hậu.

Nước rửa kính có thể tạo thành băng trên cửa kính hậu bị đóng băng và cản trở tầm nhìn của bạn.

Không vận hành bộ phận rửa cửa kính phía sau liên tục trong hơn vài giây, hoặc khi bình nước rửa kính đã hết. Điều này có thể làm cho bơm nước rửa kính bị quá nhiệt, dẫn đến tổn kém chi phí sửa chữa.

Đồng hồ



Nhấn MENU cho đến khi vùng phía dưới của màn hình nháy sáng. Sử dụng Δ hoặc ∇ để cuộn qua các mục menu.

Khi phần giờ nháy sáng, hãy điều chỉnh giờ hiện thời bằng nút Δ hoặc ∇ .

Sau khoảng một giây, phần phút sẽ nháy sáng tự động, sau đó, điều chỉnh phút hiện thời bằng nút Δ hoặc ∇ .

Việc cài đặt sẽ kết thúc mà không cần bất kỳ thao tác nào sau khi điều chỉnh trong vài giây.

Ổ cắm điện



Ổ cắm điện 12 V được đặt ở bảng điều khiển phía trước.

Không được sử dụng vượt quá công suất tối đa 120 W.

Khi tắt khóa điện, ổ cắm điện cũng không hoạt động.

Ngoài ra, các ổ cắm điện cũng không hoạt động trong trường hợp điện áp ắc quy thấp.

Không kết nối với bất kỳ thiết bị mang điện nào, như thiết bị đang sạc điện hay ắc quy.

Tránh làm hỏng ổ cắm do sử dụng phích cắm không phù hợp.

Hốc châm thuốc


(Chỉ có ở một số khu vực)



Để vận hành hốc châm thuốc, hãy xoay công tắc khóa điện tới ACC hoặc ON và đẩy bật lửa hết cỡ.

Hốc châm thuốc sẽ tự động nhô ra khi nó sẵn sàng sử dụng.

Chú ý
<p>Châm thuốc quá nóng có thể làm hỏng phần sợi đốt và hỏng chính châm thuốc.</p> <p>Không ấn hốc châm thuốc khi nó đang nóng. Điều này có thể là nguyên nhân khiến cho châm thuốc bị quá nhiệt.</p> <p>Thử vận hành hốc châm thuốc bị hỏng có thể gây nguy hiểm. Nếu hốc châm thuốc bị nóng không bật lên trong 25 giây, hãy kéo nó ra và tham vấn với một xưởng sửa chữa để sửa hốc châm thuốc. Chúng tôi khuyên bạn tham vấn với xưởng sửa chữa được ủy quyền. Nó có thể gây thương tích và thiệt hại cho xe của bạn.</p>

 Cảnh báo
<p>Nếu bạn để xe cùng với các chất dễ cháy như bật lửa dùng một lần, bên trong xe vào mùa hè, nó có thể nổ và gây cháy do nhiệt độ gia tăng trong khoang hành khách và khoang chứa đồ. Cần đảm bảo rằng không có bất cứ chất dễ cháy nổ nào để trong xe.</p>

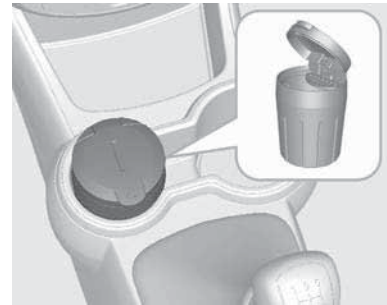
Chú ý
<p>Ổ châm thuốc chỉ nên được sử dụng với châm thuốc. Nếu các bộ nguồn 12V khác được cắm vào ổ châm thuốc, cầu chì sẽ bị lỗi hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố nhiệt.</p>

Chú ý
<p>Phần lõi của châm thuốc có thể sẽ rất nóng.</p> <p style="text-align: right;">(tiếp tục)</p>

Chú ý (tiếp tục)
<p>Vi vậy không được sờ vào lõi của châm thuốc và không cho phép trẻ nhỏ thao tác hoặc chơi với châm thuốc.</p> <p>Điều này có thể gây tổn thương cho con người và hư hỏng cho xe hoặc tài sản khác.</p>

Gạt tàn

(Chỉ có ở một số khu vực)



Chú ý

Thuốc lá và các vật liệu làm thuốc lá có thể làm vỏ bọc bị cháy.

Không để giấy hoặc các vật có thể phát cháy khác trong gạt tàn.

Lửa tàn cháy có thể dẫn tới tai nạn gây chấn thương, hỏng xe hoặc các tài sản khác.

Gạt tàn cầm tay có thể được đặt trong khay giữ cốc.

Để mở gạt tàn, nâng nhẹ nắp đậy của gạt tàn lên. Sau khi dùng xong, đóng chặt nắp lại.

Để đổ tàn thuốc đi, xoay nhẹ phần trên của gạt tàn ngược chiều kim đồng hồ rồi tháo ra.

Đèn cảnh báo, đồng hồ và đèn báo

Đồng hồ đo tốc độ



Cho biết tốc độ của xe.

Đồng hồ đo



Đồng hồ đo cho thấy ô tô của bạn đã đi được bao nhiêu ki-lô-mét hoặc dặm.

Có hai loại đồng hồ đo hành trình độc lập, để đo khoảng cách mà ô tô của bạn đã đi được kể từ lần cuối cùng bạn cài lại chức năng này.

Bạn có thể chuyển đổi đồng hồ công tơ mét, hành trình A và hành trình B bằng cách nhấn nút Δ hoặc ∇ ở bên phải của cụm đồng hồ.

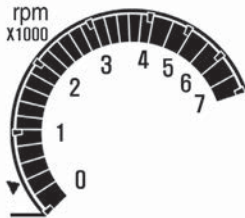
Nhấn MENU cho đến khi vùng phía trên của màn hình nhấp sáng. Bạn có thể chuyển đổi đồng hồ công tơ

mét, hành trình A và hành trình B bằng cách nhấn nút \triangle hoặc ∇ ở bên phải của cụm đồng hồ.

Lưu ý

Để cài lại từng đồng hồ đo hành trình về không, nhấn nút SET/CLR của cụm đồng hồ trong hơn 2 giây.

Đồng hồ đo vòng tua



Hiển thị số vòng quay của động cơ trên một phút.

Lái xe ở dải tốc độ càng thấp ở mỗi số càng tốt.

Đồng hồ nhiên liệu



Hiển thị lượng nhiên liệu còn trong bình.

Không bao giờ để cạn sạch nhiên liệu.

Do nhiên liệu có thể vẫn còn lại trong bình, nên lượng nhiên liệu đổ thêm cho đầy có thể sẽ ít hơn dung tích quy định của bình.

Sự di chuyển của nhiên liệu trong bình nhiên liệu làm cho kim chỉ trên đồng hồ đo nhiên liệu di chuyển khi bạn phanh, tăng tốc hoặc rẽ.

⚠️ Nguy hiểm
Trước khi nạp nhiên liệu, hãy dừng xe và tắt động cơ.

Đèn báo điều khiển

Các đèn báo điều khiển được mô tả sẽ không xuất hiện trên tất cả các loại xe. Phần mô tả áp dụng cho tất cả các phiên bản bảng táp lô. Khi khóa điện mở, hầu hết các đèn báo điều khiển sẽ phát sáng một lúc để kiểm tra các chức năng.

Ý nghĩa các màu của đèn báo điều khiển:

màu đỏ : nguy hiểm, đặc biệt lưu ý

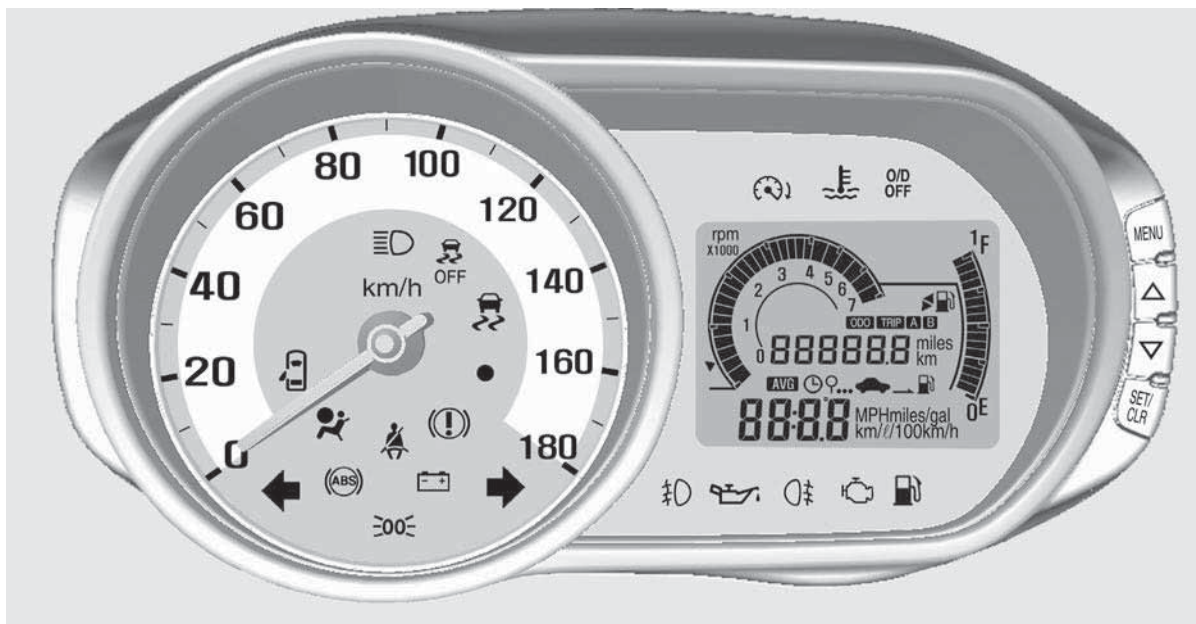
vàng : cảnh báo, thông tin, lỗi

xanh lá cây : xác nhận khởi động

màu xanh : xác nhận khởi động

62 Các đồng hồ và bảng điều khiển

Các đèn báo điều khiển trên cụm đồng hồ



Các đèn báo điều khiển trên bảng điều khiển trung tâm



Tổng quan

↻: Đèn ⇨ 63.

🚗: Đèn báo cài dây an toàn ⇨ 63.

🚗: Đèn báo túi khí và bộ căng đai an toàn ⇨ 64.

ON 🚗: Đèn bật/tắt túi khí ⇨ 64.

🔋: Đèn báo hệ thống sạc ⇨ 65.

🔧: Đèn báo sự cố ⇨ 65.

(!): Đèn cảnh báo hệ thống phanh ⇨ 65.

(ABS): Đèn cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) ⇨ 65.

🚗 OFF: Đèn báo tắt số vượt tốc ⇨ 65.

🌡️: Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ ⇨ 65.

🛢️: Đèn báo áp suất dầu động cơ ⇨ 66.

🛢️: Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp ⇨ 66.

🚗: Đèn cảnh báo động cơ vượt quá tốc độ ⇨ 66.

🚗: Đèn báo đèn pha bật ⇨ 67.

🚗: Đèn báo đèn sương phía trước ⇨ 67.

🚗: Đèn báo đèn sương phía sau ⇨ 67.

🚗: Đèn báo cửa mở ⇨ 67.

Đèn

↻ nháy màu xanh lá cây.

Nháy đèn

Đèn báo điều khiển nháy sáng khi xi nhan hoặc đèn cảnh báo nguy hiểm được bật lên.

Nháy sáng nhanh

Lỗi đèn báo xi nhan hoặc cầu chì có liên quan.

Thay bóng đèn ⇨ Đèn đầu ⇨ 146

Cầu chì ⇨ Cầu chì ⇨ 151

Xi nhan ⇨ Tín hiệu rẽ và chuyển làn ⇨ 73

Đèn báo cài dây an toàn

Đèn báo cài đai an toàn trên ghế trước

<Loại 1>

🚗 ở ghế lái phát sáng hoặc nháy màu đỏ.


🚗 ở ghế hành khách phía trước phát sáng hoặc nháy màu đỏ, khi ghế có người ngồi.

1. Sau khi khóa điện được chuyển sang vị trí ON, đèn báo điều khiển phát sáng cho đến khi đai an toàn được cài chặt.

64 Các đồng hồ và bảng điều khiển

2. Sau khi động cơ chạy, đèn báo điều khiển nháy sáng trong 100 giây rồi sau đó phát sáng cho đến khi đai an toàn được cài chặt.
3. Nếu xe di chuyển được hơn 250 m (0,15 dặm) hoặc đạt tốc độ trên 22 km/h (14 dặm/giờ) và đai an toàn không được cài chặt, thì đèn báo điều khiển sẽ nháy sáng và chuông báo sẽ vang lên trong 100 giây.
4. Sau 100 giây, đèn báo sẽ phát sáng cho đến khi đai an toàn được cài chặt và chuông báo sẽ tắt.

<Loại 2>

 ở ghế lái phát sáng hoặc nháy màu đỏ.

1. Sau khi khóa điện chuyển sang vị trí ON và đai an toàn của lái xe không được cài, đèn báo sẽ bắt đầu nháy sáng trong 20 giây rồi phát sáng cho đến khi đai an toàn được cài chặt.

Chuông báo cũng có thể vang lên trong 6 giây, đối với một số mẫu xe chuông báo bắt đầu

hoạt động 8 giây sau khi khóa điện được chuyển sang vị trí ON.


2. Sau khi lái xe 50 giây và đai an toàn chưa cài, nếu xe di chuyển hơn 250 m (0,15 dặm) hoặc đạt tốc độ trên 22 km/h (14 dặm/giờ), thì đèn báo sẽ lại nháy sáng trong 35 giây, rồi phát sáng cho đến khi đai an toàn được cài chặt.

Chuông báo cũng có thể vang lên trở lại và chỉ báo nháy sáng trong 35 giây đối với một số mẫu xe.

Đèn báo túi khí và bộ căng đai an toàn

 phát sáng màu đỏ.

Khi khóa điện được mở, đèn báo điều khiển sẽ phát sáng trong khoảng vài giây. Nếu đèn không phát sáng, không tắt sau vài giây hoặc vẫn tiếp tục sáng khi xe chạy, nghĩa là đang có lỗi ở hệ thống túi khí. Các hệ thống này có thể sẽ không kích hoạt được trong trường hợp có tai nạn.

Trực trực ô tô hoặc hoạt động của bộ chống căng đai an toàn hay túi khí được hiển thị bằng việc phát sáng liên tục của .

Cảnh báo

Hãy khắc phục ngay nguyên nhân gây ra tình trạng lỗi tại một xưởng sửa chữa.

Bộ chống căng đai an toàn, hệ thống túi khí ⇨ *Hệ thống túi khí trước* ⇨ 36 hoặc *Hệ thống túi khí* ⇨ 36

Đèn bật/tắt túi khí

^{ON}  phát sáng màu vàng.

Khi đèn báo điều khiển phát sáng túi khí hành khách phía trước được kích hoạt.

^{OFF}  phát sáng màu vàng.

Khi đèn báo điều khiển phát sáng túi khí hành khách phía trước bị vô hiệu.

Vô hiệu túi khí ⇨ *Công tắc bật/tắt túi khí* ⇨ 39

Đèn báo hệ thống sạc

 phát sáng màu đỏ.

Nó phát sáng khi khóa điện mở và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động một lúc.

Phát sáng khi động cơ đang chạy

Dừng xe, tắt máy. Ấc quy không được nạp. Hệ thống làm mát động cơ bị tạm dừng. Mang xe đến xưởng sửa chữa.

Đèn báo sự cố

 phát sáng màu vàng.

Nó phát sáng khi khóa điện mở và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động một lúc.

Đèn cảnh báo hệ thống phanh

 phát sáng màu đỏ.

Phát sáng khi nhả phanh tay, nếu mức dầu phanh quá thấp hoặc nếu hệ thống phanh bị lỗi. Dầu phanh ⇨ *Dầu phanh* ⇨ 142

Cảnh báo

Không lái xe khi đèn cảnh báo hệ thống phanh bật sáng.

Tình trạng đó có thể có nghĩa là phanh xe không hoạt động bình thường.

Lái xe với hệ thống phanh hoạt động sai có thể dẫn tới tai nạn gây chấn thương và hỏng hóc xe cộ hoặc các tài sản khác.

Phát sáng sau khi mở khóa điện nếu như đang sử dụng phanh tay. Phanh tay ⇨ *Phanh đỗ* ⇨ 127

Đèn cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

 phát sáng màu vàng.

Phát sáng trong vài giây sau khi mở khóa điện. Hệ thống sẵn sàng hoạt động khi đèn báo điều khiển tắt.

Nếu đèn báo điều khiển không tắt sau vài giây hoặc phát sáng khi xe chạy thì hệ thống ABS đang bị lỗi.

Hệ thống phanh vẫn tiếp tục hoạt động nhưng không có chức năng chống bó cứng.

Hệ thống chống bó cứng phanh ⇨ *Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)* ⇨ 126


Đèn báo tắt số vượt tốc

 phát sáng màu vàng.

Chỉ báo này bật sáng khi chức năng vượt tốc bị hủy.

Bấm nút số vượt tốc trên cạnh tay nắm cần số một lần nữa sẽ làm tắt đèn báo TẮT số vượt tốc và kích hoạt chức năng vượt tốc.

Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ

 phát sáng màu đỏ.

Đèn này cho bạn biết rằng nước làm mát động cơ bị quá nhiệt.

Nếu bạn đã vận hành ô tô trong các điều kiện lái xe bình thường, bạn nên dừng xe, tạt vào ven đường và để động cơ không tải trong vài phút.

Nếu đèn vẫn không tắt, bạn nên tắt động cơ và tham vấn với xưởng sửa chữa càng sớm càng tốt. Chúng tôi khuyên bạn tham vấn với xưởng sửa chữa được ủy quyền.

Đèn báo áp suất dầu động cơ


 phát sáng màu đỏ.

Nó phát sáng khi khóa điện mở và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động một lúc.

Phát sáng khi động cơ đang chạy

Chú ý
Quá trình bôi trơn động cơ bị gián đoạn. Việc này có thể dẫn đến hư hỏng cho xe và/hoặc tình trạng khóa bánh xe dẫn động.

Nếu đèn báo áp suất dầu động cơ sáng trong khi lái xe, hãy tạt xe vào lề đường và dừng động cơ và kiểm tra mức dầu.

 Cảnh báo
Khi tắt động cơ thì sẽ cần thêm lực để phanh và đánh lái. Không rút chìa khóa cho đến khi xe đứng yên, nếu không, khóa vô lăng có thể hoạt động không mong muốn.

Kiểm tra bình nhiên liệu trước khi đến xưởng sửa chữa. Dầu động cơ ⇨ *Dầu động cơ* ⇨ 137.

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

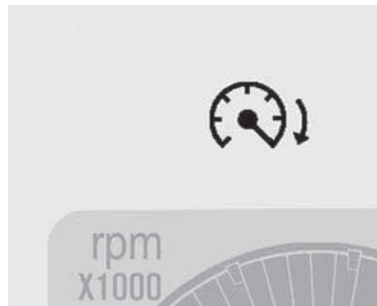
 phát sáng màu vàng.

Phát sáng khi mức nhiên liệu trong bình còn quá ít.

Chú ý
Không để xe của bạn hết nhiên liệu. Việc này có thể làm hỏng bầu xúc tác.

Bộ trung hòa khí thải ⇨ *Bộ chuyển đổi bằng xúc tác* ⇨ 119

Đèn cảnh báo động cơ vượt quá tốc độ



Phát sáng màu vàng.

Khi tốc độ xe vượt quá 120km/h (75 dặm/giờ), chuông cảnh báo quá tốc độ sẽ vang lên trong vài giây và đèn cảnh báo quá tốc độ sẽ nhấp sáng lên tục.

Nếu bạn nghe thấy âm cảnh báo hoặc nhìn thấy đèn cảnh báo, hãy giảm tốc độ xe xuống dưới 120km/h (75 dặm/giờ), sau đó, đèn cảnh báo và chuông cảnh báo sẽ dừng.

Đèn báo đèn pha bật

 phát sáng màu xanh.

Phát sáng khi đèn pha chiếu xa bật và trong khi đèn pha nháy.

Đèn pha/đèn cốt ⇨ *Thiết bị chuyển đèn cốt/pha* ⇨ 71.

Đèn báo đèn sương phía trước

 phát sáng màu xanh lá cây.

Phát sáng khi các đèn sương mù phía trước bật ⇨ *Đèn sương phía trước* ⇨ 73.

Đèn báo đèn sương phía sau

 phát sáng màu vàng.

Phát sáng khi đèn sương mù phía sau bật ⇨ *Đèn sương phía sau* ⇨ 73.

Đèn báo cửa mở



 phát sáng màu đỏ

Phát sáng khi cửa trước hay cửa hậu mở.

Bảng điều khiển hành trình



Đồng hồ hành trình cung cấp cho lái xe thông tin lái xe chẳng hạn như quãng đường đi được với lượng nhiên liệu còn lại, nhiệt độ môi trường xung quanh, tốc độ trung bình và thời gian lái xe.

Nhấn MENU cho đến khi vùng phía dưới của màn hình nháy sáng. Sử dụng  hoặc  để cuộn qua các mục menu.

Quãng đường đi được với lượng nhiên liệu còn lại



Chế độ này cho thấy quãng đường dự đoán đi được đối với mức nhiên liệu hiện tại trong bình nhiên liệu.

Phạm vi quãng đường là 50~999 km (31~620 dặm).

Đồng hồ hành trình có thể đăng ký mức nhiên liệu nạp lại ít nhất 4 lít hoặc nhiều hơn.

Nếu bạn nạp lại nhiên liệu và ngắt kết nối ắc quy hoặc ô tô bị nghiêng, đồng hồ hành trình có thể không hiển thị giá trị chính xác.

Khi quãng đường đi được với lượng nhiên liệu còn lại ở mức dưới 50 km (31 dặm), "—" sẽ được hiển thị và nhấp sáng.

Quãng đường đi được có thể khác nhau tùy thuộc vào mô hình lái xe.

Lưu ý

Là một thiết bị phụ trợ, đồng hồ hành trình có thể có sự khác biệt về quãng đường thực tế tính trên lượng nhiên liệu còn lại tùy theo trường hợp.

Quãng đường đi được tính trên lượng nhiên liệu còn lại có thể thay đổi theo người lái, đoạn đường và tốc độ xe vì quãng đường này được tính theo hiệu suất nhiên liệu thay đổi.

Tốc độ trung bình



Chế độ này cho thấy tốc độ trung bình.

Tốc độ trung bình được tích lũy trong khi động cơ đang chạy ngay cả khi không điều khiển ô tô.

Khoảng tốc độ trung bình là 0~180 km/h (0~111 dặm/giờ).

Để đặt lại tốc độ trung bình về không, hãy nhấn nút SET/CLR trong hơn 1 giây.

Thời gian lái xe



Chế độ này cho thấy tổng thời gian lái xe.

Để đặt lại thời gian lái xe về không, hãy nhấn nút SET/CLR trong hơn 1 giây.

Thời gian lái xe được tích lũy trong khi động cơ đang chạy ngay cả khi không điều khiển ô tô.

Thời gian lái xe sẽ được khởi tạo từ 0:00 sau khi được hiển thị tới 99:59.

Lưu ý

Quãng đường đi được tính trên lượng nhiên liệu còn lại và tốc độ trung bình có thể khác với khoảng cách thực tế, tùy theo các điều kiện lái xe, kiểu lái hay tốc độ của xe.

Nhiệt độ môi trường xung quanh



Hiển thị nhiệt độ bên ngoài.

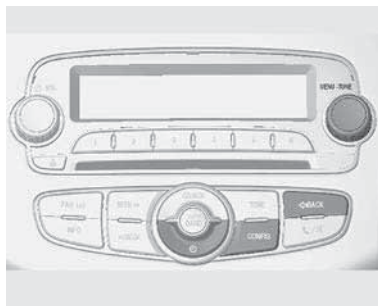
Tùy chỉnh xe (Vehicle Personalization)

Tùy chỉnh xe (Vehicle Personalization)



Có thể tùy chỉnh xe bằng cách thay đổi thiết lập trong Màn hình Bảng Thông tin (BID).

Tùy thuộc vào loại xe, một vài trong số các chức năng được mô tả dưới đây có thể không có.



Nhấn nút CONFIG, khi bật khóa điện và hệ thống thông tin giải trí được kích hoạt.

Các menu thiết lập được hiển thị.

Để chuyển đổi giữa các menu thiết lập, hãy xoay núm MENU.

Để chọn menu thiết lập, hãy nhấn nút MENU.

Để đóng hoặc quay trở lại mục trước đó, hãy nhấn nút BACK.

Có thể hiển thị các menu sau:

- ngôn ngữ
- giờ ngày
- Thiết lập radio
- Thiết lập xe

Thiết lập Ngôn ngữ

Thay đổi ngôn ngữ.

Cài đặt Thời gian và Ngày tháng

Hệ thống thông tin giải trí.

Thiết lập Radio

Hệ thống thông tin giải trí.

Phục hồi lại Thiết lập ban đầu của nhà sản xuất

Tất các thiết lập đều được khôi phục về thiết lập ban đầu.

Chiếu sáng

Chiếu sáng bên ngoài

Bộ điều khiển đèn ngoài	71
Thiết bị chuyển đèn cốt/pha	71
Nháy đèn xin vượt	72
Đèn pha khi lái xe ra nước ngoài	72
Đèn chạy ban ngày (DRL)	72
Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm	72
Tín hiệu rẽ và chuyển làn	73
Đèn sương phía trước	73
Đèn sương phía sau	73
Đèn lùi xe	73

Chiếu sáng bên trong

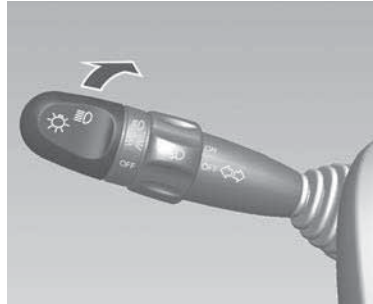
Bộ điều khiển chiếu sáng bảng táp lô	74
Đèn trong xe	74

Tính năng chiếu sáng

Bảo vệ điện ắc quy	75
--------------------	----


Chiếu sáng bên ngoài


Bộ điều khiển đèn ngoài



Để bật hoặc tắt đèn pha và đèn hậu, xoắn phần cuối của cần công tắc kết hợp. Điều khiển đèn ngoài có ba vị trí để kích hoạt các chức năng đèn như sau:

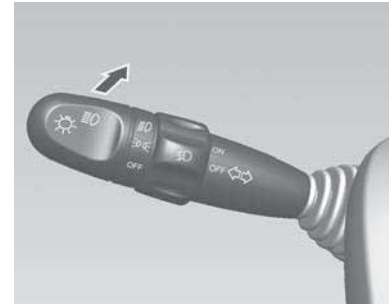
TẮT: Tắt cả các đèn đều tắt.

 : Đèn hậu, đèn biển số và đèn bảng táp lô đều bật sáng.

 : Đèn cốt và tắt cả các đèn trên đều bật sáng.

Đèn pha sẽ tự động tắt khi cửa phía người lái mở, sau khi công tắc khóa điện được xoay về vị trí LOCK.

Thiết bị chuyển đèn cốt/pha



Đẩy cần gạt để chuyển đèn pha từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa.

Để chuyển về chế độ chiếu gần, đẩy cần gạt một lần nữa hoặc kéo cần gạt.

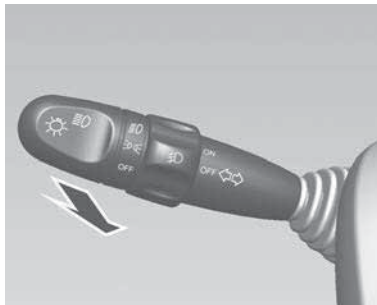
Lưu ý

Đèn báo đèn pha sáng khi đèn pha cốt hoạt động ở chế độ đèn pha.

⚠ Cảnh báo

Luôn chuyển từ đèn pha sang đèn cốt khi có xe ngược chiều đang tiến gần bạn hay bạn đang đến gần xe phía trước. Ánh sáng của đèn pha có thể khiến người lái khác bị lóa mắt tạm thời, điều đó có khả năng dẫn đến va chạm.

Nháy đèn xin vượt



Cần gạt sẽ trở lại vị trí bình thường khi bạn thả nó ra. Đèn báo đèn pha bật sẽ vẫn sáng chừng nào bạn vẫn còn giữ cần công tắc kết hợp về phía bạn.

Đèn pha khi lái xe ra nước ngoài

Chùm sáng đèn pha được thiết kế không đối xứng giúp tăng tầm nhìn rõ ở lề đường phía ghế phụ lái.

Do vậy, khi bạn lái xe qua các nước có quy định lề đường đi khác nhau, bạn phải điều chỉnh đèn pha để tránh gây lóa cho người đi đối diện.

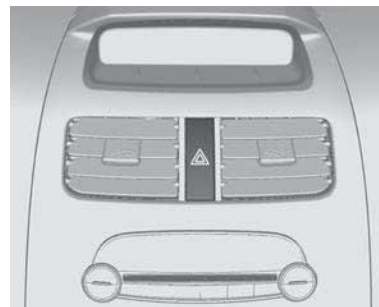
Điều chỉnh đèn pha tại xưởng sửa chữa.

Đèn chạy ban ngày (DRL)

Đèn chạy ban ngày tăng khả năng nhìn thấy của xe trong ban ngày.

Đèn hậu không bật.

Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm

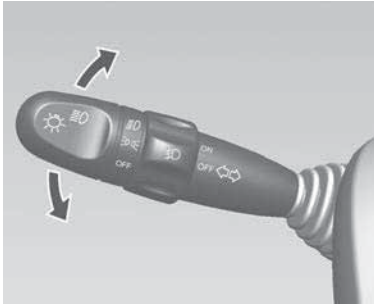


Được vận hành bằng .

Để kích hoạt nháy đèn cảnh báo nguy hiểm, đẩy nút này.

Để tắt các đèn nháy đó, hãy đẩy vào nút đó lần nữa.

Tín hiệu rẽ và chuyển làn

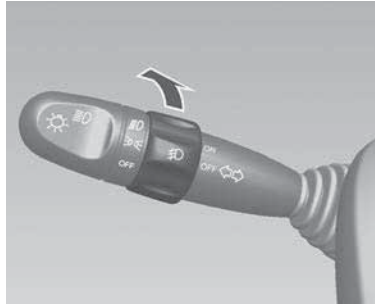


Kéo cần lên : Chỉ báo bên phải

Gạt cần xuống : Chỉ báo bên trái

Nếu gạt cần gạt qua điểm ngưỡng, xi nhan sẽ nháy liên tục. Khi bạn quay vô lăng trở lại, đèn xi nhan sẽ tự động tắt.

Đèn sương mù phía trước



Để bật đèn sương mù, hãy đảm bảo rằng các đèn cốt được bật sáng.

Xoay đai tròn ở phần giữa của cần công tắc kết hợp tới vị trí ON. Để tắt đèn sương mù, hãy xoay đai tròn về vị trí OFF.

Đèn sương mù phía sau



Để bật đèn sương mù phía sau, xoắn phần cuối của cần gạt nước kính chắn gió khi đèn cốt bật sáng.

Để tắt đèn sương mù phía sau, xoắn phần cuối của cần gạt nước kính chắn gió lần nữa.

Đèn lùi xe

Đèn lùi sẽ bật sáng khi khóa điện bật và cài số lùi.

Chiếu sáng bên trong

Bộ điều khiển chiếu sáng bảng táp lô



Xoay núm và giữ đến khi đạt được độ sáng bạn muốn.

Đèn trong xe

Đèn bên trong



Đèn trợ giúp

Bật công tắc:

○ : Luôn tắt

☑ : Tự động bật và tắt

| : Luôn bật

Lưu ý

Ắc quy có thể bị xả điện nếu các đèn luôn bật trong khoảng thời gian dài.

⚠ Cảnh báo

Tránh sử dụng đèn cửa xe trong khi lái trong trời tối.

Ánh sáng ở trong xe làm giảm tầm nhìn của lái xe vào ban đêm, và có thể là nguyên nhân dẫn đến va chạm.

Tính năng chiếu sáng

Bảo vệ điện ắc quy

Tắt các đèn điện

Tắt đèn điện Để ắc quy không bị xả điện, nếu bạn mở cửa phía người lái khi khóa điện chuyển sang vị trí LOCK hoặc ACC, một vài đèn sẽ tự động tắt.

Đèn cửa xe sẽ không được áp dụng với chức năng này.

Hệ thống thông tin giải trí

Giới thiệu

Giới thiệu	76
Tổng quan	77
Hoạt động	81

Radio

Đài AM-FM	84
Cột ăng ten cố định	85

Đầu phát âm thanh

Đầu phát CD (chỉ dành cho Loại A/B)	86
Thiết bị phụ trợ	91

Tùy chỉnh

Tùy chỉnh (Personalization) . . .	96
-----------------------------------	----

Điện thoại

Bluetooth (chỉ dành cho Loại A)	98
Điện thoại rảnh tay (chỉ dành cho Loại A)	101

Giới thiệu chung

Một số loại âm thanh không sử dụng được trên xe của bạn do sự khác biệt về kiểu xe, thông số kỹ thuật của quốc gia, v.v...

Hệ thống thông tin giải trí cung cấp Thông tin giải trí trong xe của bạn, bằng công nghệ mới nhất.

Bạn có thể dễ dàng sử dụng radio bằng cách đăng ký tối đa 36 đài AM hoặc FM với các nút **1** đến **6** trên từng trang trong số sáu trang.

Đầu phát CD tích hợp có thể phát đĩa CD âm thanh hoặc MP3 (WMA) và đầu phát USB có thể phát các thiết bị lưu trữ USB hoặc các sản phẩm iPod được kết nối (chỉ dành cho Loại A/B).

Chức năng kết nối điện thoại Bluetooth cho phép bạn gọi điện rảnh tay không dây, cũng như sử dụng trình phát nhạc trên điện thoại (chỉ dành cho Loại A).

Kết nối máy nghe nhạc cầm tay với đầu vào âm thanh bên ngoài và thường thức âm thanh phong phú của hệ thống Thông tin giải trí.

Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số sẽ cung cấp một số chế độ cân bằng âm thanh đặt trước để tối ưu hóa chất lượng âm thanh.

- Công suất đầu ra tối đa: 25 W x 4 kênh
- Trở kháng của loa: 4 ohm

Có thể dễ dàng điều chỉnh hệ thống với thiết bị điều chỉnh được thiết kế cẩn thận, bộ hiển thị thông minh và bộ điều chỉnh quay số menu đa chức năng.

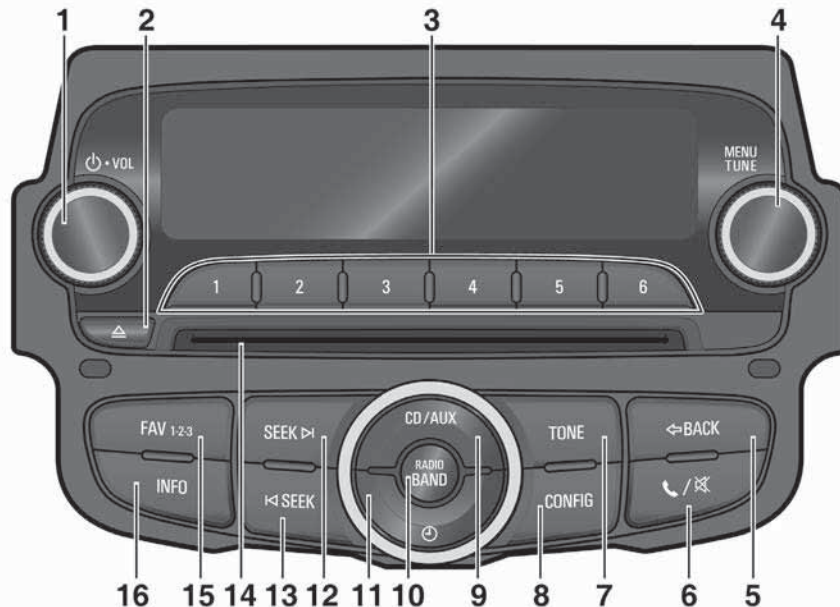
- Phần "**Tổng quan**" cung cấp thông tin tổng quan đơn giản về các chức năng của hệ thống Thông tin giải trí và phần tóm tắt về tất cả các thiết bị điều khiển.
- Phần "**Hoạt động**" giải thích các cách điều khiển cơ bản dành cho hệ thống Thông tin giải trí.



Tổng quan




Loại A: Radio + CD/MP3 + AUX + USB/iPod + Bluetooth

Loại B: Radio + CD/MP3 + AUX + USB/iPod


Loại C: Radio + AUX





1.  /VOL (nguồn/âm lượng)
 - Bật hoặc tắt hệ thống.
 - Điều chỉnh âm lượng.
2.  (đẩy ra)

Đẩy đĩa ra khỏi khe CD.
3. Các nút 1 - 6
 - Lưu và chọn các đài ưa thích.
 - Chọn kênh được liên kết với nút đó.
4. MENU/TUNE
 - Chọn nội dung thiết lập và giá trị thiết lập.
 - Radio : Chọn thủ công đài radio.
 - CD/MP3, USB/iPod: Chọn bài.
5.  TRỞ LẠI
 - Menu : Quay lại menu trước.
 - Nhập ký tự: Xóa ký tự cuối cùng.
6.  /  (điện thoại/tắt tiếng)
 - Nhấn để mở menu Điện thoại (chỉ dành cho kiểu Loại A).
 - Nhấn và giữ để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng (chỉ dành cho kiểu Loại A).
 - Nhấn để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng (chỉ dành cho kiểu Loại B/C).
7. TONE (Âm báo)

Mở chế độ thiết lập âm thanh.
8. CONFIG (cấu hình)

Mở menu Cấu hình.
9. CD/AUX hoặc AUX
Chọn chức năng âm thanh CD/MP3/AUX hoặc USB/iPod/Bluetooth (chỉ dành cho kiểu Loại A).
10. RADIO/BAND (Radio/dải tần)
 - Thay đổi dải tần AM hoặc FM khi đang nghe radio.
 - Chọn radio khi đang nghe nguồn âm thanh khác.
11.  (đồng hồ)

Truy cập menu Cài đặt ngày và giờ.
12. SEEK (Tìm tăng dần)
 - Radio : Tìm đài phát tiếp theo.
 - CD/MP3, USB/iPod, Bluetooth: Chọn bài tiếp theo hoặc tua đi nhanh trong bài.
13.  SEEK (Tìm tăng dần)
 - Radio : Tìm đài phát trước.
 - CD/MP3, USB/iPod, Bluetooth: Chọn bài trước hoặc tua lại trong bài.
14. Khe CD
Đây là khe cắm đĩa compact để đưa đĩa vào hoặc lấy ra.
15. FAV1-2-3 (Kênh ưa thích)
Chọn trang chứa các kênh ưa thích được lưu.

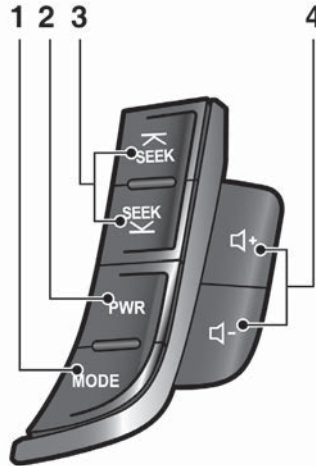
16. INFO (thông tin)

- Radio : Hiển thị thông tin có sẵn về đài phát hiện tại.
- CD/MP3, USB/iPod: Hiển thị thông tin có sẵn về bài hiện tại.

Bộ điều khiển âm thanh trên vô lăng

(Chỉ có ở một số khu vực)



Tùy chọn 1: chỉ dành cho Loại B/C






1. MODE (Chế độ)
Chọn chế độ phát âm thanh.
2. PWR (nguồn)
 - Nhấn để bật hệ thống Thông tin giải trí.
 - Nhấn và giữ để tắt hệ thống Thông tin giải trí.
3. \blacktriangleright SEEK hoặc SEEK \blacktriangleleft (dò tìm)
 - Nhấn để chuyển đến đài phát tiếp theo hoặc đài trước, bản nhạc đang phát.
 - Nhấn và giữ để dò tìm đài radio hoặc để tua đi nhanh/tua lại trong bài hát đang phát.
4. \square + hoặc \square - (âm lượng)
 - Nhấn nút để tăng/giảm âm lượng.
 - Nhấn và giữ nút để tăng/giảm nhanh âm lượng.

Tùy chọn 2: chỉ dành cho Loại A










1.  /  (tắt tiếng/gác máy)
 - Nhấn để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng.

2.  (gọi)
 - Nhấn để nhận cuộc gọi hoặc vào chế độ chọn gọi lại.
 - Nhấn và giữ để truy cập lịch sử cuộc gọi.
3.  SEEK hoặc SEEK  (dò tìm)
 - Nhấn để chuyển đến đài phát tiếp theo hoặc đài trước, bản nhạc đang phát.
 - Nhấn và giữ để dò tìm đài radio hoặc để tua đi nhanh/ tua lại trong bài hát đang phát.

Tùy chọn 3: chỉ dành cho Loại A



1.  /  (tắt tiếng/gác máy)
 - Nhấn để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.

- Nhấn và giữ để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng.
2.  (gọi)
- Nhấn để nhận cuộc gọi hoặc vào chế độ chọn gọi lại.
 - Nhấn và giữ để truy cập lịch sử cuộc gọi.
3. Nút  SEEK hoặc SEEK  (dò tìm)
- Nhấn để chuyển đến đài phát tiếp theo hoặc đài trước, bản nhạc đang phát.
 - Nhấn và giữ để dò tìm đài radio hoặc để tua đi nhanh/ tua lại trong bài hát đang phát.
4.  + hoặc  - (âm lượng)
- Nhấn nút để tăng/giảm âm lượng.
 - Nhấn và giữ nút để tăng/giảm nhanh âm lượng.

Hoạt động

Các nút và thiết bị điều khiển

Hệ thống Thông tin giải trí được vận hành bằng các nút chức năng, nút đa chức năng và menu được chỉ báo trên màn hình hiển thị.

Các nút và thiết bị điều khiển sau được sử dụng trong hệ thống:


- các nút và đĩa quay của hệ thống Thông tin giải trí
- các nút điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng

Mã AF



Nếu "AF_" được hiển thị trên cửa sổ, thì bạn phải nhập mã khu vực.

Để nhập mã Khu vực:

1. Xoay khóa điện tới vị trí on (bật) hoặc accessory (phụ kiện).
2. Nhấn  /VOL để bật hệ thống.
"AF_" sẽ được hiển thị trên cửa sổ.
3. Nhập mã AF (tần số khu vực) vào hệ thống bằng các nút **1** đến **6** như bên dưới.

1 : tăng AF

2 : giảm AF

6: Nhập

AF 1: FM 87,7 ~ 107,9 MHz/AM 530 ~ 1.710 KHz

Chile, Aruba, Barbados, Bermuda, Bahamas, Belize, Costa Rica, Dominican, Cộng hòa Guatemala, Honduras, Jamaica, Nicaragua, Panama, Cộng hòa Trinidad và Tobago, Đảo Virgin thuộc Anh. Mexico

AF 2: FM 87,7 ~ 107,9 MHz/AM 530 ~ 1.710 KHz

Peru, Argentina, Uruguay, Antigua, Bonaire, Đảo Cayman, Curacao, El Salvador. Grenada, Guyana, Haiti, ST, Kitts và Nevis, ST Lucia, Surinam, ST Maarten, Đảo Turks và Caicos, ST. Vincent và Grenadines

AF 3: FM 87,5 ~ 108 MHz/AM 531 ~ 1.602 KHz

Tây Samoa, Bangladesh, Sri Lanka, Vanuatu, FUI Brunei New Caledonia, Tahiti Algeria, Benin, Burundi, Burkina, Đảo Cape Verde, Nước Cộng hòa Dân chủ Công-gô, Djibouti, Ethiopia, Eritrea, Gambia, Bờ Biển Ngà, Liberia, Mali, Rwanda, Senegal, Sierra Leone, Somalia, Tanzania, Uganda, Tunisia, Ai-Cập, Iraq

AF 4: FM 87,5 ~ 108 MHz/AM 531 ~ 1.602 KHz

Pakistan, Malaysia, Cambodia, Lào, Indonesia, Singapore, Việt Nam, Nigeria, Angola, Gabon, Guinea, Ghana, Guinea-Bissau, Libya, Madagascar, Mauritania, Morocco, Niger, Togo, Cameroon, Yemen

AF 5: FM 87,5 ~ 108 MHz/AM 531 ~ 1.602 KHz

Chad

AF 6: FM 87,5 ~ 108 MHz/AM 522 ~ 1.629 KHz


Philippines, Lebanon, Syria

AF 7: FM 87,5 ~ 108 MHz/AM 522 ~ 1.629 KHz


Dubai, Bahrain, Oman, Qatar, Cô-ôét, Jordan, Các Tiểu Vương Quốc Ả-Rập, Saudi Arabia

AF 8: FM 87,5 ~ 108 MHz/AM 530 ~ 1.710 KHz

Colombia, Ecuador


- NẾU bạn không nhập mã AF chính xác, mức tần số không chính xác có thể được chọn và việc nhận tín hiệu radio có thể bị ảnh hưởng.
- NẾU điều này xảy ra, thì sau khi tắt radio, hãy đặt lại hệ thống âm thanh bằng cách nhấn cùng lúc **FAV1-2-3** +  /VOL + 5, rồi nhập lại mã AF.



Bật/tắt hệ thống

Nhấn  /VOL để bật hoặc tắt hệ thống.

- Bật nguồn sẽ phát đài phát thanh hoặc bài hát đã được chọn trước đó.

Điều khiển âm lượng

Xoay  /VOL để điều chỉnh âm lượng.

- Sử dụng bộ điều khiển âm thanh trên vô lăng, nhấn  + hoặc  - để điều chỉnh âm lượng.
- Âm lượng âm thanh hiện tại được chỉ báo.
- Bật nguồn Hệ thống thông tin giải trí sẽ cài mức âm lượng về lựa chọn trước đó của nó (khi nó thấp hơn âm lượng tối đa khi khởi động).

Giới hạn âm lượng ở nhiệt độ cao

Nếu nhiệt độ bên trong radio quá cao, Hệ thống thông tin giải trí sẽ giới hạn âm lượng tối đa có thể kiểm soát.

Nếu cần, âm lượng sẽ tự động được giảm xuống.

Điều chỉnh âm thanh

Từ menu Điều chỉnh âm thanh, các tính năng âm thanh có thể được thiết lập khác nhau, tùy theo radio AM hoặc FM và chức năng của mỗi đầu phát âm thanh.

1. Nhấn **TONE** khi sử dụng chế độ chức năng thích hợp.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn chế độ điều khiển âm thanh mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
3. Xoay **MENU/TUNE** để chọn giá trị điều khiển âm thanh mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Menu điều chỉnh âm thanh

- **Âm trầm:** Điều chỉnh mức âm trầm từ -12 đến +12.
- **Âm trung:** Điều chỉnh mức âm trung từ -12 đến +12.
- **Âm bổng:** Điều chỉnh mức âm bổng từ -12 đến +12.

- **Bộ chỉnh âm lượng:** Điều chỉnh sự cân bằng loa trước hoặc sau từ trước 15 đến sau 15 trong kiểu xe có hệ thống sáu loa.
- **Cân bằng:** Điều chỉnh sự cân bằng loa trái hoặc phải từ bên trái 15 đến bên phải 15.
- **EQ (Cân bằng):** Chọn hoặc tắt phong cách âm thanh (TẮT ↔ Pop ↔ Rock ↔ Classical ↔ Talk ↔ Country).

Chọn chức năng

Đài AM-FM

1. Nhấn **RADIO/BAND** để chọn đài AM hoặc FM.
2. Để mở Menu AM hoặc FM, nhấn **MENU/TUNE**.


Phát âm thanh CD/MP3/USB/iPod (chỉ dành cho Loại A/B) hoặc đầu vào âm thanh bên ngoài (AUX)

1. Nhấn **AUX** (chỉ dành cho Loại C) để chọn đầu vào âm thanh bên ngoài hoặc nhấn nhiều lần **CD/AUX** (chỉ dành cho Loại A/B) để chuyển đổi chức năng CD cho đĩa CD/MP3 hoặc đầu

phát âm thanh USB/iPod được kết nối. (CD/MP3 → AUX → USB/ iPod → CD/MP3 →...)

- Từ bộ điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng, nhấn **MODE** để chọn chế độ mong muốn.
2. Để mở menu với các tùy chọn cho chức năng có liên quan hoặc menu của thiết bị có liên quan, nhấn **MENU/TUNE**.

Thiết bị gọi điện rảnh tay Bluetooth (chỉ dành cho Loại A)

1. Nhấn  để chọn chức năng gọi điện rảnh tay Bluetooth.
2. Để mở Menu Bluetooth, nhấn **MENU/TUNE**.

Radio

Đài AM-FM

Nghe đài phát thanh

Chọn chế độ radio

Nhấn nhiều lần **RADIO/BAND** để chọn dải tần phát sóng AM hoặc FM.

- Hệ thống sẽ nhận đài phát đã chọn trước.

Tự động tìm kiếm đài radio

Nhấn **◀ SEEK** hoặc **SEEK ▶** để tự động tìm kiếm các đài radio hiện có tín hiệu tốt.

Tìm kiếm đài radio

Nhấn và giữ **◀ SEEK** hoặc **SEEK ▶** để nhanh chóng thay đổi tần số, rồi nhả nút khi đến tần số mong muốn.

Tinh chỉnh đài radio theo cách thủ công

Xoay thủ công **MENU/TUNE** để dò tìm tần số phát sóng mong muốn.

Sử dụng danh sách kênh ưa thích

Lưu đài phát làm kênh ưa thích

1. Nhấn **FAV1-2-3** để chọn trang bạn muốn lưu kênh ưa thích.
2. Nhấn và giữ bất kỳ nút nào từ **1** đến **6** nào để đăng ký đài radio hiện tại vào nút đó của Trang ưa thích đã chọn.
 - Bạn có thể lưu tối đa sáu trang Ưa thích và mỗi trang có thể lưu tới sáu đài radio.
 - Bạn có thể thiết lập số lượng trang Ưa thích được sử dụng trong "Cấu hình hệ thống → Cài đặt radio → Radio ưa thích (Số lượng trang ưa thích tối đa)".
 - Nếu có một đài radio mới được đăng ký vào một nút từ **1** đến **6** đã đăng ký trước đây, thì nội dung trước của nút đó sẽ bị xóa và được thay bằng đài radio mới được lưu.

Chọn mục thiết lập sẵn

1. Nhấn nhiều lần **FAV1-2-3** để chọn trang FAV (Mục ưa thích) thiết lập sẵn mong muốn.

Thông tin phát sóng số 1 của trang FAV (mục ưa thích) thiết lập sẵn đã chọn sẽ được hiển thị.
2. Nhấn các nút **1** đến **6** để nghe trực tiếp đài radio đã lưu vào nút đó.

Sử dụng menu radio

1. Nhấn **MENU/TUNE** để hiển thị Menu radio.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chuyển tới mục menu mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để chọn mục thích hợp hoặc để hiển thị menu chi tiết của mục.

Menu AM-FM → Danh sách kênh ưa thích

1. Từ Menu AM, FM, xoay **MENU/TUNE** để chọn Danh sách kênh ưa thích, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Thông tin về Danh sách kênh ưa thích sẽ được hiển thị.

2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn Danh sách kênh ưa thích mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để nhận được kênh phát sóng thích hợp.

Menu AM-FM → Cập nhật danh sách đài AM-FM

1. Từ Menu AM, FM, xoay **MENU/TUNE** để chọn Danh sách đài AM, FM, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Thông tin về danh sách Đài sẽ được hiển thị.

2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn danh sách mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để nhận được kênh phát sóng thích hợp.

Menu FM → Danh sách danh mục FM

1. Từ Menu FM, xoay **MENU/TUNE** để chọn Danh sách danh mục FM, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Danh sách danh mục FM sẽ được hiển thị.

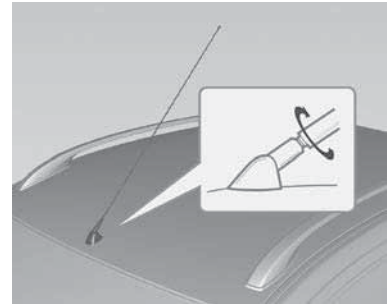
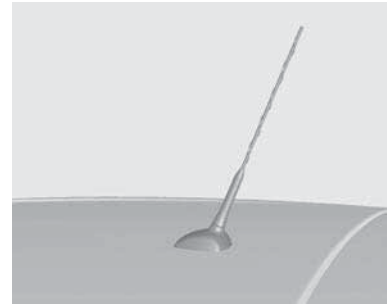
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn danh sách mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để nhận được tần số phát sóng thích hợp.

Menu AM-FM → Cập nhật danh sách đài AM-FM

Từ Menu AM, FM, xoay **MENU/TUNE** và di chuyển đến Cập nhật danh sách đài AM, FM, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

- Việc cập nhật danh sách phát thanh AM, FM sẽ được tiến hành.
- Trong khi cập nhật danh sách phát thanh AM, FM, nhấn **MENU/TUNE** hoặc **BACK** để dừng việc lưu các thay đổi.

Cột ăng ten cố định



Để tháo gỡ an ten trên trần xe, hãy xoay nó ngược chiều kim đồng hồ.

Để lắp an ten trên trần xe, hãy xoay nó theo chiều kim đồng hồ.

Chú ý

Đảm bảo rằng bạn tháo ăng ten trước khi đi vào nơi có trần thấp, nếu không, bộ phận đó có thể bị hư hỏng.

Nếu bạn lắp ăng ten trên trần xe và đưa xe vào cửa hàng rửa xe tự động, việc đó có thể làm hư hại ăng ten hoặc trần xe. Hãy chắc chắn tháo ăng ten trước khi đưa xe vào cửa hàng rửa xe tự động.

Lắp an ten chặt hoàn toàn và điều chỉnh nó tới vị trí thẳng đứng để đảm bảo thu nhận sóng radio chính xác.

Đầu phát âm thanh

Đầu phát CD (chỉ dành cho Loại A/B)

Đầu phát CD/MP3 của hệ thống này có thể phát các loại đĩa âm thanh CD và MP3 (WMA).

Trước khi sử dụng đầu phát CD

Thông tin quan trọng về các loại đĩa âm thanh CD và đĩa MP3 (WMA)

Chú ý

Trong bất kỳ trường hợp nào, không lắp đĩa DVD, đĩa mini có đường kính 8 cm hoặc đĩa có bề mặt không bình thường vào đầu phát CD/MP3 (WMA) này.

Không dán bất kỳ nhãn dán nào lên bề mặt đĩa. Các đĩa đó có thể bị kẹt trong đầu phát CD và làm hỏng thiết bị đầu đọc. Nếu điều đó xảy ra, thiết bị đó sẽ phải được thay thế với chi phí lớn.

- Đĩa âm thanh CD có chức năng chống vi phạm bản quyền, không tương thích với chuẩn âm thanh CD có thể không hoạt động bình thường hoặc không mở được.
- Các đĩa CD-R và CD-RW được ghi thủ công dễ xử lý hơn các đĩa CD gốc. Các đĩa CD-R và CD-RW được ghi thủ công nên đặc biệt cẩn thận khi sử dụng. Vui lòng tham khảo dưới đây.
- Các đĩa CD-R và CD-RW được ghi thủ công có thể không phát chính xác hoặc không mở được. Đây không phải là vấn đề với thiết bị trong các trường hợp như vậy.
- Khi thay đổi đĩa, cẩn thận để không bôi bất kỳ dấu tay nào lên mặt phát.
- Sau khi tháo đĩa ra khỏi đầu phát CD/MP3, đảm bảo rằng cho đĩa ngay lập tức vào trong vỏ đĩa để tránh bị hỏng hoặc dính bụi bẩn.

- Nếu đĩa bị dính bụi bẩn hoặc chất lỏng, điều này có thể gây ra tình trạng nhiễm bẩn thấu kính của đầu phát CD/MP3 ở trong thiết bị.
- Bảo vệ đĩa tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.

Loại đĩa có thể sử dụng

- Sản phẩm này có thể phát các đĩa Âm thanh CD/MP3 (WMA).
 - CD-DA: CD-R/CD-RW
 - MP3 (WMA): CD-R/CD-RW/CD-ROM
- Không thể phát các tệp MP3 (WMA) dưới đây.
 - Tệp được mã hóa trong MP3i (MP3 tương tác) hoặc tiêu chuẩn MP3 PRO
 - Tệp MP3 (WMA) được mã hóa không theo chuẩn
 - Các tệp MP3 không ở định dạng MPEG1 Lớp 3

Lưu ý khi sử dụng đĩa

- Không sử dụng bất kỳ đĩa nào được mô tả dưới đây. Sử dụng quá nhiều các đĩa này trong đầu phát có thể gây ra trục trặc.
 - Không sử dụng bất kỳ đĩa nào được mô tả dưới đây. Sử dụng quá nhiều các đĩa này trong đầu phát có thể gây ra trục trặc.
 - Đĩa được gắn với nhãn in bằng máy in phun
 - Đĩa được tạo bởi tính năng ghi vượt ngưỡng, do đó dữ liệu lưu giữ vượt quá dung lượng tiêu chuẩn
 - Đĩa bị nứt, trầy xước hoặc bị uốn cong sẽ không phát được chính xác.
 - Đĩa 8 cm hoặc đĩa không tròn (tứ giác, ngũ giác, hình bầu dục)
- Không đặt bất cứ thứ gì khác ngoài đĩa vào trong khe hút đĩa vì điều này có thể gây ra trục trặc hoặc hỏng hóc.

- Đầu phát đĩa có thể hoạt động không chính xác nếu bộ sấy được bật trong thời tiết lạnh do tạo ra độ ẩm bên trong thiết bị. Nếu đây là mối quan ngại, hãy để sản phẩm tắt trong khoảng một giờ trước khi sử dụng.
- Việc phát có thể bị dừng lại do xe lắc trong khi lái xe trên đường gồ ghề.
- Không rút ra hoặc đưa đĩa vào mạnh tay hoặc dùng tay chặn đĩa trong khi đĩa đang được đẩy ra.
- Đưa đĩa vào với mặt có nhãn in hướng lên trên. Không thể phát nếu đĩa bị lắp ngược.
- Không dùng tay chạm vào mặt ghi trong khi cầm đĩa (phía mặt không có bất kỳ nhãn in hoặc trang trí nào).
- Cất đĩa vào hộp khi không sử dụng và giữ chúng ở nơi không tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp hoặc nhiệt độ cao.

- Không để dây bất kỳ hóa chất nào lên đĩa. Lau sạch bụi bẩn trên đĩa bằng miếng vải ẩm, mềm, lau từ trong tâm ra tới cạnh đĩa.

Chú ý khi sử dụng đĩa CD-R/RW

- Khi sử dụng đĩa CD-R/CD-RW, bạn chỉ có thể dùng các đĩa đã được "hoàn thiện".
- Đĩa được tạo bằng máy tính có thể không phát được tùy theo môi trường và cài đặt của chương trình ứng dụng.
- Đĩa CD-R/CD-RW, đặc biệt là đĩa dung lượng lớn, có thể không làm việc nếu chúng bị tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng trực tiếp hoặc nhiệt độ cao, hoặc nếu chúng được lưu giữ trong xe của bạn một thời gian dài.
- Tiêu đề và thông tin văn bản khác ghi trên đĩa CD-R/CD-RW có thể không được hiển thị trên thiết bị này.
- Đĩa CD-RW có thể có thời gian tải lâu hơn so với đĩa CD hoặc đĩa CD-R.

- Các tệp nhạc bị hỏng có thể không phát được hoặc sẽ bị ngắt trong khi đang phát
- Một số đĩa chống vi phạm bản quyền có thể không phát được.
- Đĩa MP3 (WMA) có thể chứa tối đa 512 tệp cho từng cấp độ thư mục (10 cấp độ) và tối đa 999 tệp có thể được phát.
- Hệ thống này chỉ có thể nhận ra đĩa MP3 (WMA) được tạo ở dạng ISO-9660 mức 1/2 hoặc tạo trong hệ thống tệp Joliet. Hệ thống không hỗ trợ hệ thống tệp UDF.
- Tệp MP3/WMA không tương thích với truyền tải dữ liệu ghi theo gói.
- Đĩa ghi các tệp MP3/WMA và dữ liệu âm thanh (CDDA) có thể không phát được nếu nó là đĩa CD-Extra (CD bổ sung thêm dữ liệu khác) hoặc CD Mixed-Mode (CD chế độ pha trộn).

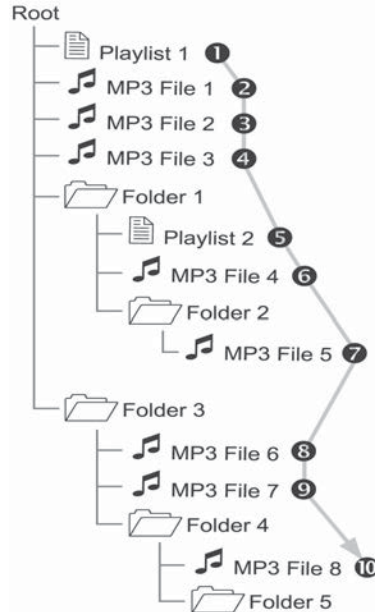
- Tên tệp/thư mục có thể được dùng cho từng kiểu lưu trữ đĩa là những tên sau đây, bao gồm cả phần mở rộng tên tệp có bốn ký tự (.mp3).
 - ISO 9660 mức 1: Tối đa 12 ký tự
 - ISO 9660 mức 2: Tối đa 31 ký tự
 - Joliet : Tối đa 64 ký tự (1 byte)
 - Tên tệp dài của Windows : Tối đa 128 ký tự (1 byte)

Chú ý khi sử dụng các tệp nhạc MP3/WMA

- Sản phẩm này có thể phát các tệp MP3 (WMA) với phần mở rộng tên tệp là mp3, .wma (chữ thường) hoặc .MP3 và .WMA (chữ hoa).
- Sản phẩm này có thể phát các tệp MP3 như sau.
 - Tốc độ bit: 8 kbps ~ 320 kbps
 - Tần số mẫu: 48 kHz, 44,1 kHz, 32 kHz (cho MPEG-1), 24 kHz, 22,05 kHz, 16 kHz (cho MPEG-2)

- Mặc dù sản phẩm này có thể phát các tệp nhạc với tốc độ bit trong khoảng 8 kbps ~ 320 kbps, nhưng các tệp có tốc độ bit cao hơn 128 kbps sẽ cho âm thanh chất lượng cao.
- Sản phẩm này có thể hiển thị thông tin Thẻ ID3 (phiên bản 1.0, 1.1, 2.2, 2.3 hoặc 2.4) cho các tệp MP3, chẳng hạn như tên album và nghệ sĩ.
- Để hiển thị thông tin album (tiêu đề đĩa), bản nhạc (tiêu đề bản nhạc) và nghệ sĩ (bài hát của nghệ sĩ), tệp đó phải tương thích với định dạng Thẻ ID3 V1 và V2.
- Sản phẩm này có thể phát các tệp MP3 sử dụng VBR. Khi đang phát một tệp MP3 loại VBR này, thời gian còn lại được hiển thị có thể khác với thời gian còn lại thực sự.

Trình tự phát các tệp nhạc



Phát CD/MP3

Lắp và phát đĩa CD/MP3


Cho đĩa để phát với vào mặt có nhãn in hướng lên trên trong khe lắp đĩa.

- Sau khi việc đọc thông tin đĩa được hoàn tất, đĩa sẽ tự động phát từ bản nhạc số 1.
- Khi bạn lắp một đĩa không đọc được, đĩa sẽ tự động bị đẩy ra và thông báo lỗi đĩa xuất hiện, sau đó, hệ thống sẽ chuyển sang chức năng đã sử dụng trước đó hoặc radio FM.

Khi bạn đã lắp đĩa sẽ phát, hãy nhấn nhiều lần **CD/AUX** để chọn phát CD/MP3.



- Nếu không có đĩa để phát, "**No CD Inserted**" (Không có đĩa CD được lắp) sẽ được hiển thị trên màn hình và chức năng sẽ không được lựa chọn.
- Bản nhạc đã phát trước đó sẽ tự động phát.



Đẩy đĩa ra

Để kết thúc chức năng phát, hãy nhấn  để lấy đĩa ra.

- Khi đĩa chạy ra, thiết bị tự động chuyển sang chức năng đã sử dụng trước đó radio FM.
- Đĩa sẽ tự động được đưa trở lại lần nữa nếu nó không được lấy ra trong một khoảng thời gian.



Thay đổi bản nhạc đang phát

Nhấn  **SEEK** hoặc **SEEK**  trong chế độ phát để phát bài trước hoặc tiếp theo.

- Bạn có thể dễ dàng thay đổi bài với bộ điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng, bằng cách nhấn  **SEEK** hoặc **SEEK** .

Hoặc xoay **MENU/TUNE** để chuyển tới danh sách phát bài, rồi nhấn **MENU/TUNE** để thay đổi ngay.

Thay đổi vị trí phát

Nhấn và giữ  **SEEK** hoặc **SEEK**  trong chế độ phát để tua lại hoặc tua đi nhanh trong bài hát.

Thả nút ra để tiếp tục phát bài hát ở tốc độ bình thường.

- Âm lượng được giảm nhẹ trong tua đi và tua lại và thời gian phát sẽ được hiển thị.

Xem thông tin về bản nhạc đang phát

Nhấn **INFO** trong chế độ phát để hiển thị thông tin về bài đang được phát.

- Nếu không có thông tin gì về bài đang phát của CD âm thanh, hệ thống sẽ hiển thị "**No Information**" (Không có thông tin).

Đối với bài MP3 (WMA), bạn có thể xem thêm thông tin bằng cách xoay **MENU/TUNE** từ màn hình thông tin bài.

- Thông tin hiển thị bao gồm tên tệp, tên thư mục và thông tin Thẻ ID3 được lưu cùng bài hát.

Nếu thông tin Thẻ ID3 (ví dụ nghệ sĩ, tiêu đề bài hát) đã được thêm vào các tệp MP3 (WMA) trước khi chúng được ghi vào

đĩa không chính xác, thông tin này sẽ được Hệ thống thông tin giải trí hiển thị nguyên trạng.

Thông tin Thẻ ID3 không chính xác không thể thay đổi hoặc sửa chữa được trên Hệ thống thông tin giải trí (Thẻ ID3 chỉ có thể được sửa chữa trên máy tính).

- Thông tin về các bài hát được thể hiện bằng các ký hiệu đặc biệt hoặc các ngôn ngữ không khả dụng có thể xuất hiện dưới dạng "—" hay không xuất hiện.

Sử dụng menu CD

Thay đổi chế độ phát lại

1. Từ chế độ phát CD/MP3, nhấn **MENU/TUNE** để mở Menu CD.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn chức năng phát lại Trộn lẫn bài hát hoặc Lặp lại, rồi nhấn **MENU/TUNE** để bật hoặc tắt các chức năng liên quan.

Menu CD → Danh sách bài

1. Đối với đĩa CD âm thanh, xoay **MENU/TUNE** từ Menu CD để chọn Danh sách bài, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Xoay **MENU/TUNE** để tìm Danh sách bài mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để phát bài được chọn.

Menu CD → Thư mục

1. Đối với đĩa MP3 (WMA), xoay **MENU/TUNE** từ Menu CD để chuyển tới Thư mục, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn thư mục mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
3. Xoay **MENU/TUNE** để tìm bài mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để phát bài được chọn từ thư mục được chọn.

Menu CD → Tìm kiếm...

1. Đối với đĩa MP3 [WMA], xoay **MENU/TUNE** từ Menu CD để chuyển tới Tìm kiếm..., rồi nhấn **MENU/TUNE**.
 - Sau khi hệ thống đọc thông tin đĩa, bài hát đầu tiên của danh sách phát [iP] sẽ được hiển thị.
 - Nếu không có tệp nhạc nào trong danh sách phát [iP], bài hát đầu tiên cho từng nghệ sĩ [iA] sẽ được hiển thị.
 - Tuy nhiên, tùy vào số lượng các tệp nhạc mà thời gian để đọc đĩa có thể dài.
2. Nhấn **MENU/TUNE** lần nữa và từ mục tìm kiếm được hiển thị, xoay **MENU/TUNE** để chọn mục tìm kiếm mong muốn.
 - Số bài hát thích hợp sẽ được hiển thị theo Danh sách phát [iP], Nghệ sĩ [iA], Album [iL], Tiêu đề [iS] hoặc Thể loại [iG].

3. Xoay **MENU/TUNE** để chọn mục phân loại mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
4. Xoay **MENU/TUNE** để tìm tiêu đề/bài mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để phát bài được chọn.

Thiết bị phụ trợ

Đầu phát USB (chỉ dành cho Loại A/B)

Lưu ý khi sử dụng thiết bị USB

- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động nếu thiết bị lưu trữ USB có tích hợp HDD hoặc thẻ nhớ SD hoặc CF được kết nối bằng bộ điều hợp USB. Sử dụng USB hay thiết bị lưu trữ loại thẻ nhớ flash.
- Chú ý tránh hiện tượng phóng điện tĩnh khi cắm hoặc rút USB. Nếu việc cắm vào và rút ra lặp lại quá nhiều lần trong một thời gian ngắn, điều này sẽ dẫn đến trục trặc khi sử dụng thiết bị.

- Để tháo thiết bị USB, hãy sử dụng "Menu USB → Tháo USB" bằng **MENU/TUNE** để thực hiện việc tháo USB.
- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động nếu đầu kết nối của thiết bị USB không phải là kim loại.
- Kết nối với các thiết bị lưu trữ USB dạng i-Stick có thể bị lỗi do rung chấn của xe, do đó chúng tôi không đảm bảo hoạt động của các thiết bị đó.
- Chú ý không để đầu kết nối của USB chạm vào bất kỳ vật nào hay phần nào trên cơ thể của bạn.
- Thiết bị lưu trữ USB có thể chỉ được nhận dạng khi nó được định dạng trong định dạng tệp FAT16/32. Chỉ có thể sử dụng các thiết bị với kích cỡ đơn vị được phân bổ là 512 byte/cung hoặc 2.048 byte/cung. NTFS và các hệ thống tệp khác có thể không nhận dạng được.
- Tùy theo loại và dung lượng của thiết bị lưu trữ USB và loại của tệp được lưu, thời gian để nhận

dạng tệp có thể khác nhau. Trong trường hợp này đây không phải trục trặc, vì vậy hãy vui lòng chờ trong khi các tệp được xử lý.

- Tệp trong một số thiết bị lưu trữ USB có thể không nhận dạng được do vấn đề tương thích và kết nối với một đầu đọc bộ nhớ hoặc bộ chia cổng USB không được hỗ trợ. Vui lòng kiểm tra hoạt động của thiết bị trong xe trước khi sử dụng.
- Khi các thiết bị như đầu phát MP3, điện thoại di động, hoặc máy ảnh kỹ thuật số được kết nối thông qua một đĩa di động, thiết bị có thể không hoạt động bình thường.
- Không tháo thiết bị lưu trữ USB khi đang phát thông tin trên đó. Điều này có thể gây hỏng sản phẩm hoặc ảnh hưởng tới hiệu suất của thiết bị USB.
- Tháo thiết bị lưu trữ USB được kết nối khi tắt khóa điện của xe. Nếu khóa điện bật trong khi thiết bị lưu trữ USB đã được kết nối,

thiết bị lưu trữ USB có thể bị hỏng hoặc có thể không hoạt động bình thường trong một số trường hợp.

Chú ý

Bạn chỉ có thể cắm thiết bị lưu trữ USB vào sản phẩm này để phát tệp nhạc.

Bạn không nên dùng đầu cắm USB của sản phẩm để sạc thiết bị phụ kiện USB, vì nhiệt lượng tỏa ra khi sử dụng đầu cắm USB có thể gây ra các vấn đề về hiệu suất hoặc dẫn đến hư hỏng cho sản phẩm.

- Khi ổ lô-gic được tách khỏi thiết bị lưu trữ USB dung lượng lớn, chỉ các tệp ở ổ lô-gic cấp trên cùng là có thể được phát dưới dạng tệp nhạc trên USB. Đây là lý do nên lưu các tệp nhạc được phát trong ổ cấp trên cùng của thiết bị. Các tệp nhạc trên một số thiết bị lưu trữ USB nhất định cũng có thể không phát được bình thường nếu có ứng dụng

được tải bằng cách phân vùng một ổ riêng bên trong thiết bị USB.

- Không thể phát được các tệp nhạc áp dụng DRM (Quản lý Quyền Kỹ thuật số).
- Sản phẩm này có thể hỗ trợ thiết bị lưu trữ USB có dung lượng lên tới 16 Gigabytes với giới hạn 999 tệp, 512 thư mục và 10 cấp cấu trúc thư mục. Chúng tôi không thể đảm bảo hoạt động bình thường của các thiết bị lưu trữ vượt quá giới hạn này.

Chú ý khi sử dụng các tệp nhạc trên USB

- Các tệp nhạc bị hỏng có thể bị ngắt trong khi phát lại hoặc có thể không phát được gì cả.
- Các thư mục và tệp nhạc được hiển thị theo thứ tự Biểu tượng → Số → Thứ tự chữ cái.
- Hệ thống có thể nhận dạng tối đa 64 ký tự tiếng Anh/Hàn đối với tên thư mục hoặc tệp được ghi trong hệ thống tệp Joliet.

Giới thiệu về tệp nhạc MP3 (WMA)

- Các tệp MP3 có thể được phát như sau:
 - Tốc độ bit: 8 kbps ~ 320 kbps
 - Tần số mẫu: 48 kHz, 44,1 kHz, 32 kHz (cho MPEG-1)
24 kHz, 22,05 kHz, 16 kHz (đối với MPEG-2)
- Sản phẩm này hiển thị các tệp MP3 (WMA) với phần phần mở rộng tên tệp là mp3, .wma (chữ thường) hoặc .MP3 hoặc .WMA (chữ hoa).
- Sản phẩm này có thể hiển thị thông tin thẻ ID3 (phiên bản 1.0, 1.1, 2.2, 2.3, 2.4) về album, nghệ sĩ, v.v. cho các tệp MP3.
- Tên tệp/thư mục có thể được sử dụng theo kiểu lưu trữ như sau, bao gồm phần mở rộng tên tệp có bốn ký tự (.mp3).
 - ISO 9660 mức 1: Tối đa 12 ký tự
 - ISO 9660 mức 2: Tối đa 31 ký tự
 - Joliet : Tối đa 64 ký tự (1 byte)

- Tên tệp dài của Windows: tối đa 128 ký tự (1 byte)

- Sản phẩm này có thể phát các tệp MP3 sử dụng VBR. Khi một tệp MP3 loại VBR được phát, thời gian còn lại được hiển thị có thể khác với thời gian còn lại thực sự.

Kết nối thiết bị lưu trữ USB

Kết nối thiết bị lưu trữ USB có các tệp nhạc để phát vào đầu cuối kết nối USB.

- Sau khi sản phẩm hoàn tất việc đọc thông tin trên thiết bị lưu trữ USB, nhạc sẽ tự động được phát.
- Nếu bạn cắm một thiết bị lưu trữ USB không đọc được, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện và sản phẩm sẽ tự chuyển sang chức năng đã sử dụng trước đó hoặc chức năng radio FM.

Nếu thiết bị lưu trữ USB sẽ phát đã được kết nối, hãy nhấn nhiều lần **CD/AUX** để chọn đầu phát USB.

- Nó sẽ tự động phát từ điểm đang phát trước đó. Sau đó, các chức năng của đầu phát USB được vận hành tương tự như phát lại CD/MP3.

Sau đó, các chức năng của đầu phát USB được vận hành tương tự như phát lại CD/MP3.

Kết thúc phát lại các tệp nhạc trên USB

Nhấn **RADIO/BAND** hoặc **CD/AUX** để chọn các chức năng khác.

- Để kết thúc phát và rút thiết bị lưu trữ USB ra, sử dụng chức năng Menu USB → Tháo USB để tháo thiết bị lưu trữ USB ra một cách an toàn.

Sử dụng menu USB

Các hướng dẫn dành cho "Trộn lẫn bài hát, Lặp lại, Thư mục, Tìm kiếm..." từ menu USB tương tự như Menu CD của đầu phát CD/MP3, chỉ có mục "Tháo USB" được thêm.

Tham khảo *các chức năng của đầu phát CD/MP3 từ Menu CD.*

Menu USB → Tháo USB

1. Nhấn **MENU/TUNE** từ chế độ phát để hiển thị Menu USB.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chuyển tới Tháo USB, rồi nhấn **MENU/TUNE** để hiển thị thông báo rằng bạn có thể tháo thiết bị USB một cách an toàn.
3. Tháo thiết bị USB khỏi đầu cuối kết nối USB.
 - Trở lại chức năng đã sử dụng trước đó.

Đầu phát iPod (chỉ dành cho Loại A/B)

Kết nối đầu phát iPod

Kết nối iPod có các tệp nhạc để phát vào đầu cuối kết nối USB.

- Một số kiểu sản phẩm iPod hoặc iPhone có thể không được hỗ trợ.
- Chỉ kết nối iPod với sản phẩm này bằng cáp kết nối được các sản phẩm iPod hỗ trợ. Bạn không thể sử dụng các dây cáp kết nối khác.

- Trong một số trường hợp, sản phẩm iPod có thể bị hỏng nếu khóa điện tắt khi nó đang được kết nối với sản phẩm.

Khi sản phẩm iPod không được sử dụng, hãy tháo thiết bị khỏi sản phẩm này với khóa điện tắt.

- Sau khi sản phẩm hoàn tất việc đọc thông tin trên thiết bị iPod, nhạc sẽ tự động phát.
- Nếu bạn cắm một thiết bị iPod không đọc được, một thông báo lỗi thích hợp sẽ xuất hiện và sản phẩm sẽ tự chuyển sang chức năng đã sử dụng trước đó hoặc chức năng radio FM.

Nếu thiết bị iPod sẽ phát đã được kết nối, hãy nhấn nhiều lần **CD/AUX** để chọn đầu phát iPod.

- Nó sẽ tự động phát từ điểm đã phát trước đó.
- Chức năng phát lại và các mục hiển thị thông tin của đầu phát iPod được dùng với sản phẩm này có thể khác với iPod về trình tự, phương pháp phát và thông tin hiển thị.

- Hãy tham khảo *bảng dưới đây để có các mục phân loại liên quan tới chức năng tìm kiếm được sản phẩm iPod cung cấp.*

	Step 1	Step 2	Step 3	Step4
Playlist	Playlist	Song		
Genre	Genre	Artist	Album	Song
Artist	Artist	Album	Song	
Composer	Composer	Album	Song	
Album	Album	Song		
Audiobooks	Song			
Songs	Song			
Podcasts	Program	Episode		

Sau đó, các chức năng để phát iPod được vận hành tương tự như phát lại CD/MP3.

Kết thúc phát lại iPod

Để kết thúc phát lại, hãy nhấn **RADIO/BAND** hoặc **CD/AUX** để chọn các chức năng khác.

Sử dụng menu iPod

Từ Menu iPod, các hướng dẫn dành cho "Trộn lẫn bài hát, Lặp lại, Thư mục, Tìm kiếm..." (bao gồm

Sách nói và Người soạn nhạc) tương tự như Menu CD của đầu phát CD/MP3; chỉ có mục "Tháo iPod" được thêm.

Tham khảo *từng mục của CD/MP3 để biết cách sử dụng.*

Menu iPod → Tháo iPod ra

1. Nhấn **MENU/TUNE** từ chế độ phát để hiển thị Menu iPod.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chuyển tới chức năng Tháo iPod ra, rồi nhấn **MENU/TUNE** để hiển thị thông báo rằng bạn có thể tháo thiết bị một cách an toàn.
3. Rút thiết bị iPod ra khỏi đầu cuối kết nối USB.
 - Trở lại chức năng đã sử dụng trước đó.


Đầu vào âm thanh bên ngoài (AUX)

Các nút điều khiển/quay số

Các nút và bảng điều khiển chính được sử dụng để thưởng thức âm thanh phong phú của Hệ thống

thông tin giải trí từ đầu ra âm thanh của thiết bị âm thanh bên ngoài được kết nối.

Kết nối với nguồn âm thanh bên ngoài

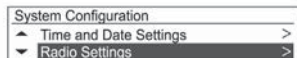
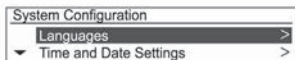
1. Kết nối đầu ra âm thanh của thiết bị âm thanh bên ngoài với đầu vào AUX.
 - Hệ thống thông tin giải trí sẽ tự chuyển sang chế độ đầu vào âm thanh bên ngoài (AUX) khi thiết bị âm thanh bên ngoài được kết nối.
2. Nhấn **CD/AUX** (chỉ dành cho Loại A/B) hoặc **AUX** (chỉ dành cho Loại C) để chuyển sang chế độ đầu vào âm thanh bên ngoài, nếu hệ thống âm thanh bên ngoài đã được kết nối.
3. Xoay  /VOL để điều chỉnh âm lượng.

Tùy chỉnh (Personalization)

Cách sử dụng menu thiết lập cho việc tùy chỉnh

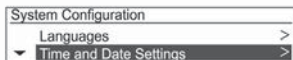
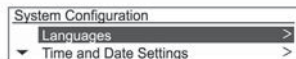
- Các menu cài đặt và các chức năng có thể khác nhau tùy theo kiểu xe.
- *Tham khảo bảng Thông tin cho các cài đặt ở trang tiếp theo.*

[Ví dụ] Cấu hình hệ thống → Cài đặt ngày và giờ → Thiết lập thời gian: 25/05/2015

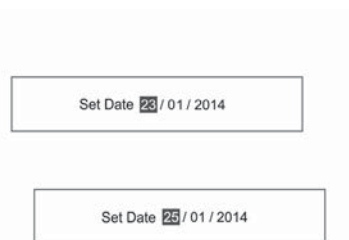


1. Nhấn **CONFIG** để hiển thị menu Cấu hình hệ thống.

2. Sau khi tham khảo bảng thông tin cho các cài đặt trên trang tiếp theo, xoay đĩa quay để chuyển tới menu thiết lập mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE**.



- Chỉ ra danh sách chi tiết cho menu cài đặt có liên quan hoặc trạng thái hoạt động.
- Nếu có danh sách chi tiết khác từ danh sách chi tiết liên quan, bạn có thể lặp lại thao tác này.



3. Xoay **MENU/TUNE** để đạt được giá trị thiết lập hoặc trạng thái hoạt động mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Set date 25 / 05 / 2014

Set date 25 / 05 / 2015

- Nếu danh sách chi tiết liên quan được tạo từ vài mục, lặp lại thao tác này.

Đặt hoặc nhập giá trị thiết lập thích hợp hoặc trạng thái hoạt động sẽ thay đổi.

Bảng thông tin cho cấu hình hệ thống

[Ngôn ngữ]

Lựa chọn ngôn ngữ mong muốn.

[Time and date settings] (Cài đặt ngày và giờ)

Set time (Đặt thời gian): Đặt giờ và phút cho thời gian hiện tại bằng tay.

Set date (Đặt ngày): Đặt thủ công năm, tháng hoặc ngày hiện tại.

Set time format (đặt định dạng giờ): Chọn chế độ hiển thị giờ theo 12h hoặc 24h.

Set date format (Đặt định dạng ngày): Đặt định dạng hiển thị ngày.
 YYYY/MM/DD: 2015/05/25
 DD/MM/YYYY: 25/05/2015
 DD/MM/YYYY: 05/25/2015

[Radio settings] (Cài đặt radio)

Maximum startup volume (Âm lượng tối đa lúc bật lên): Đặt thủ công giới hạn tối đa cho âm lượng lúc khởi động.

Radio favorites (Kênh radio ưa thích): Đặt thủ công số trang ưa thích của bạn.

[Bluetooth settings] (Cài đặt Bluetooth) (chỉ dành cho Loại A)

Bluetooth : Nhập menu Bluetooth.

- **Kích hoạt :** Chọn Bật hoặc Tắt.
- **Device list (Danh sách thiết bị):** Chọn thiết bị mong muốn và chọn, kết nối, tháo hoặc xóa.

- **Pair device (Ghép nối thiết bị):** Thủ ghép nối một thiết bị Bluetooth mới.

- **Change Bluetooth code (Thay đổi mã Bluetooth):** Thay đổi hoặc đặt thủ công mã Bluetooth.

Return to factory settings (Khôi phục cài đặt gốc): Khôi phục các giá trị ban đầu về cài đặt mặc định.

Điện thoại

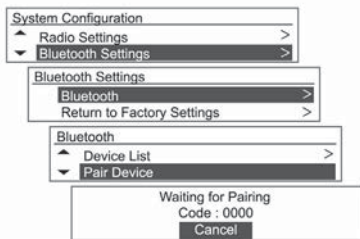
Bluetooth (chỉ dành cho Loại A)

Kết nối Bluetooth

Đăng ký thiết bị Bluetooth

Đăng ký thiết bị Bluetooth sẽ kết nối với hệ thống Thông tin giải trí khi khóa điện của xe ở vị trí tắt.

- Trước tiên, cài đặt thiết bị Bluetooth sẽ được kết nối từ menu cài đặt Bluetooth để cho phép các thiết bị khác tìm kiếm thiết bị Bluetooth.



1. Nhấn **CONFIG** và sử dụng **MENU/TUNE** để chuyển tới Cấu hình hệ thống → Cài đặt Bluetooth → Bluetooth → Ghép nối thiết bị, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
 - Bạn có thể đăng ký thiết bị Bluetooth không chỉ bằng **CONFIG**, mà còn bằng Menu điện thoại → Cài đặt Bluetooth → Bluetooth → Thêm thiết bị.
 - Nếu đã có một thiết bị Bluetooth được kết nối với hệ thống Thông tin giải trí, thì thông báo "**Bluetooth Busy**" (Bluetooth đang bận) sẽ xuất hiện.
 - Chế độ chờ kết nối sẽ được hiển thị với một thông báo và một mã bảo mật. Giá trị ban đầu là 0000, và bạn có thể thay đổi giá trị này từ mục Cấu hình hệ thống → Cài đặt Bluetooth → Bluetooth → Thay đổi mã Bluetooth.
2. Hệ thống thông tin giải trí có thể được tìm thấy bằng cách tìm kiếm thiết bị Bluetooth được kết nối.
3. Nhập mã an ninh cho Hệ thống thông tin giải trí thông qua thiết bị Bluetooth.

Nếu việc đăng ký thiết bị được kết nối với hệ thống Thông tin giải trí được thực hiện thành công, thì màn hình sẽ hiển thị các thông tin của thiết bị Bluetooth.

 - Hệ thống thông tin giải trí có thể đăng ký tối đa năm thiết bị Bluetooth.

Kết nối/xóa/tháo thiết bị Bluetooth

Chú ý

Nếu có một thiết bị Bluetooth đã được kết nối, trước tiên cần ngắt kết nối thiết bị đó.

Trước tiên, cài đặt thiết bị Bluetooth sẽ được kết nối từ menu cài đặt Bluetooth để cho phép các thiết bị khác tìm kiếm thiết bị Bluetooth.

1. Nhấn **CONFIG** và sử dụng **MENU/TUNE** để chuyển tới Cấu hình hệ thống → Cài đặt Bluetooth → Bluetooth → Danh sách thiết bị, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Sử dụng **MENU/TUNE** để chuyển từ thiết bị Bluetooth đã đăng ký đến thiết bị sẽ kết nối, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
3. Bạn có thể đăng ký bằng **MENU/TUNE**, di chuyển để chọn mục, di chuyển để xóa mục cần xóa, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
 - Ngắt kết nối Thiết bị Bluetooth hiện được kết nối, từ màn hình danh sách thiết bị, chọn thiết bị đã kết nối, mục Ngắt kết nối sẽ xuất hiện, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Chú ý khi đăng ký/kết nối Bluetooth

- Khi không thể kết nối với Bluetooth, xóa toàn bộ danh sách thiết bị khỏi Bluetooth được kết nối và thử lại. Nếu


thao tác xóa toàn bộ danh sách thiết bị không có tác dụng, hãy tháo ắc quy và nối lại.

- Nếu có sự cố sau khi thiết bị Bluetooth được kết nối, hãy sử dụng nút **MENU/TUNE** để thực hiện Cấu hình hệ thống → Cài đặt Bluetooth → Khôi phục cài đặt gốc.
 Khởi chạy thiết bị với vấn đề gây ra lỗi với kết nối của thiết bị Bluetooth và Hệ thống thông tin giải trí.
- Đôi khi, Bluetooth chỉ có thể được kết nối qua chức năng rảnh tay hoặc phát nhạc qua Bluetooth mặc dù tai nghe stereo đã được kết nối. Trong trường hợp này, thử và kết nối lại Hệ thống thông tin giải trí bằng thiết bị Bluetooth.
- Đối với thiết bị Bluetooth không hỗ trợ tai nghe stereo, chức năng phát nhạc qua Bluetooth có thể không sử dụng được.

- Không thể nghe được nhạc qua Bluetooth nếu iPhone được kết nối thông qua đầu nối USB. Điều này là do thông số kỹ thuật duy nhất của điện thoại di động.

Âm thanh qua Bluetooth

Cách phát âm thanh qua Bluetooth

- Điện thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth có hỗ trợ A2DP (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) phiên bản 1.2 trở lên phải được đăng ký và kết nối với sản phẩm.
- Từ điện thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth, tìm loại thiết bị Bluetooth để đặt/ kết nối mục đó dưới dạng tai nghe stereo.
 (biểu tượng nốt nhạc) sẽ xuất hiện ở dưới cùng bên phải của màn hình nếu tai nghe stereo được kết nối thành công.
- Không nối điện thoại di động với đầu kết nối Bluetooth. Có thể xảy ra lỗi nếu nó được kết nối trong chế độ phát âm thanh qua CD/MP3 và Bluetooth.

Phát âm thanh qua Bluetooth

1. Nhấn **CD/AUX** nhiều lần để chọn chế độ phát âm thanh qua Bluetooth đã kết nối.
 - Nếu thiết bị Bluetooth không được kết nối, thì bạn không thể chọn chức năng này.
2. Kích hoạt điện thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth sẽ phát các tệp nhạc.
 - Âm thanh do thiết bị Bluetooth phát được chuyển qua Hệ thống thông tin giải trí.
 - Để phát âm thanh qua Bluetooth, nhạc ít nhất phải được phát một lần từ chế độ trình phát nhạc của điện thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth sau khi kết nối như là tai nghe stereo. Sau khi phát nhạc ít nhất một lần, trình phát nhạc sẽ tự động phát khi bạn bật chế độ phát và sẽ tự động dừng khi bạn thoát khỏi chế độ trình phát nhạc. Nếu điện

thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth không ở chế độ màn hình chờ, một số thiết bị có thể không tự động phát trong chế độ phát âm thanh qua Bluetooth.

3. Nhấn các nút **SEEK** hoặc **SEEK** để chuyển sang bài trước hoặc tiếp theo, nhấn và giữ các nút này để tua đi nhanh hoặc tua lại.
 - Chức năng này chỉ hoạt động với các thiết bị Bluetooth hỗ trợ AVRCP (Cấu hình điều khiển từ xa video âm thanh) phiên bản 1.0 trở lên. Tùy theo tùy chọn của thiết bị Bluetooth, một số thiết bị có thể hiển thị AVRCP được kết nối cho kết nối ban đầu.
 - Thông tin về bản nhạc đang phát và vị trí bản nhạc sẽ không được hiển thị trên màn hình Hệ thống thông tin giải trí.

Lưu ý khi phát âm thanh qua Bluetooth

- Không thay đổi bản nhạc quá nhanh khi đang phát âm thanh qua Bluetooth.
Cần một ít thời gian để truyền dữ liệu từ điện thoại di động tới Hệ thống thông tin giải trí.
- Hệ thống thông tin giải trí truyền lệnh phát nhạc từ điện thoại di động trong chế độ phát âm thanh qua Bluetooth. Nếu thao tác này được thực hiện ở chế độ khác, thì thiết bị sẽ truyền yêu cầu dừng. Tùy theo tùy chọn của điện thoại di động, quá trình kích hoạt yêu cầu phát/dừng này sẽ mất một lúc.
- Nếu điện thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth không ở chế độ màn hình chờ, thiết bị có thể không tự động phát dù đã được thực hiện từ chế độ phát âm thanh qua Bluetooth.
Nếu chức năng phát lại âm thanh qua Bluetooth không hoạt động, khi đó hãy kiểm tra xem

liệu điện thoại di động có đang ở trong chế độ màn hình chờ không.

- Đôi khi, âm thanh có thể bị ngắt trong quá trình phát lại âm thanh qua Bluetooth.

Hệ thống thông tin giải trí xuất âm thanh từ điện thoại di động hoặc thiết bị Bluetooth khi nó được truyền tới.

Thông báo lỗi và các biện pháp của Bluetooth

- **Vô hiệu hóa Bluetooth**

Kiểm tra xem kích hoạt Bluetooth có được cài đặt là BẬT không. Có thể sử dụng chức năng Bluetooth khi bật kích hoạt Bluetooth.

- **Bluetooth đang bận**

Kiểm tra xem có bất kỳ thiết bị Bluetooth nào được kết nối không. Để kết nối thiết bị khác, đầu tiên ngắt kết nối bất kỳ thiết bị nào khác đã kết nối và sau đó kết nối lại.

- **Danh sách thiết bị đã đầy**

Kiểm tra xem có dưới 5 thiết bị được đăng ký không. Không thể có nhiều hơn 5 thiết bị được đăng ký.

- **Không có sẵn danh bạ điện thoại**

Thông báo này sẽ được hiển thị nếu điện thoại di động không hỗ trợ truyền danh bạ. Nếu thông báo này xuất hiện sau vài lần thử, thì thiết bị không hỗ trợ truyền danh bạ.

Chú ý
Thông báo sẽ được hiển thị khi truyền tải danh bạ được hỗ trợ trong khi thông tin với một lỗi thiết bị cũng được truyền tải. Cập nhật thiết bị lần nữa nếu điều này xảy ra.

- **Danh bạ điện thoại trống**

Thông báo này sẽ xuất hiện nếu không có số điện thoại nào được lưu trữ trong điện thoại di động.


Thông báo này cũng sẽ hiển thị nếu truyền nhật ký điện thoại được hỗ trợ, nhưng theo cách không được Hệ thống thông tin giải trí hỗ trợ.

Điện thoại rảnh tay (chỉ dành cho Loại A)




Thực hiện cuộc gọi

Khi có cuộc gọi đến điện thoại di động Bluetooth được kết nối, thì bài đang phát sẽ dừng lại, điện thoại sẽ đổ chuông và thông tin có liên quan được hiển thị.

Chú ý
Có thể chuyển nhạc chuông của bạn tùy vào điện thoại di động. Điều chỉnh âm lượng nhạc chuông của điện thoại di động đó nếu âm lượng quá nhỏ.

1. Để nói chuyện trên điện thoại, hãy nhấn  trên bộ điều khiển từ xa trên vô lăng hoặc xoay


MENU/TUNE để chuyển tới chức năng Nhận cuộc gọi, rồi nhấn **MENU/TUNE**.


- Để từ chối cuộc gọi, hãy nhấn   trên bộ điều khiển âm thanh trên vô lăng hoặc chọn Từ chối bằng **MENU/TUNE**.
- Trong khi trò chuyện, bạn có thể chặn âm thanh được truyền bằng cách chọn mục Tắt tiếng micrô.
- Trong khi trò chuyện, hãy nhấn và giữ  trong bộ điều khiển âm thanh trên vô lăng để đổi sang chế độ gọi riêng tư (một số điện thoại có thể không hỗ trợ chế độ gọi riêng tư, tùy theo tùy chọn của điện thoại).
- Khi Hệ thống thông tin giải trí nhận được cuộc gọi và Bluetooth đang được kết nối, một số điện thoại di động không tự động đổi sang chế độ gọi riêng tư.

Điều này tùy vào thông số kỹ thuật ban đầu của mỗi loại điện thoại di động.

- Khi có thể sử dụng các dịch vụ liên quan đến một cuộc hội thoại của bên thứ ba được hỗ trợ bởi nhà cung cấp dịch vụ truyền thông thông qua một ứng dụng, bạn có thể thực hiện các cuộc gọi trong một cuộc gọi thông qua Hệ thống thông tin giải trí.
- Trong các cuộc hội thoại ba bên trở lên, nội dung hiển thị có thể khác với thông tin thực tế.

Gọi bằng chức năng gọi lại


1. Từ bộ điều khiển âm thanh trên vô lăng, nhấn  để hiển thị màn hình hướng dẫn gọi lại hoặc nhấn và giữ nút để hiển thị màn hình nhật ký người gọi.

2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn Có hoặc số liên lạc, rồi nhấn **MENU/TUNE** hoặc  để thực hiện cuộc gọi.


- Nếu điện thoại di động không ở chế độ chờ, điện thoại của bạn có thể không hỗ trợ chức năng gọi lại. Điều này tùy vào tùy chọn của điện thoại di động.
- Khi gọi lại cho một số, số điện thoại được kết nối sẽ không được hiển thị.
- Tùy vào điện thoại di động, có trường hợp cuộc gọi được thực hiện thông qua lịch sử các cuộc gọi đã nhận hoặc bị nhớ thay vì chế độ gọi lại. Điều này tùy vào tùy chọn của điện thoại di động.





3. Nhấn **MENU/TUNE** trong khi điện thoại được kết nối để hiển thị chức năng kết nối như minh họa ở trên.

4. Sử dụng **MENU/TUNE** để sử dụng các chức năng trong menu hiện ra.

- Trong khi nói chuyện trên điện thoại, nhấn và giữ  trên bộ điều khiển từ xa trên vỏ lưng để chuyển sang Chế độ riêng tư.

Gọi bằng cách nhập số

1. Để thực hiện cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại, hãy nhấn **MENU/TUNE** và xoay **MENU/TUNE** để chọn Nhập số, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn ký tự mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để nhập số.
 - Lặp lại mục này để nhập tất cả các số điện thoại.
 - Nhấn  **BACK** để xóa từng ký tự một hoặc nhấn và giữ nút để xóa toàn bộ nội dung đã nhập.
 - Tham khảo *các nội dung sau để chỉnh sửa nội dung nhập*.

-  (**Di chuyển**): Di chuyển vị trí nhập.
 - **Delete** (Xóa): Xóa ký tự nhập.
 -  (**Danh bạ điện thoại**): Tìm kiếm số liên lạc (dùng được sau khi cập nhật số điện thoại).
 -  (**Quay số**): Bắt đầu quay số.
3. Sau khi số điện thoại được nhập đầy đủ, hãy xoay **MENU/TUNE** để chọn , rồi nhấn **MENU/TUNE** để thực hiện cuộc gọi.
 4. Để kết thúc cuộc gọi, hãy xoay **MENU/TUNE** để chọn chức năng kết thúc cuộc gọi, rồi nhấn **MENU/TUNE**.

Sử dụng menu điện thoại

Menu điện thoại → **Danh bạ điện thoại** → **Tim kiếm**

1. Nhấn **MENU/TUNE**, xoay **MENU/TUNE** để chọn **Danh bạ điện thoại**, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
 - Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình với không có danh bạ để sử dụng và bạn sẽ được trở lại menu trước đó.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn **Tim kiếm**, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
3. Xoay **MENU/TUNE** để chọn **Tên hoặc Họ**, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
4. Xoay **MENU/TUNE** để chọn từ/ khoảng tìm kiếm, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
5. Xoay **MENU/TUNE** từ màn hình kết quả tìm kiếm để chọn mục mong muốn, rồi nhấn **MENU/TUNE** để xem chi tiết cho mục đó.

6. Để gọi số thích hợp, hãy nhấn **MENU/TUNE**.

- Để biết thêm các hướng dẫn, hãy tham khảo mục *thực hiện các cuộc gọi điện thoại*.

Menu điện thoại → Danh bạ điện thoại → Cập nhật

Cập nhật danh bạ của điện thoại di động đã kết nối vào danh bạ của hệ thống.

1. Sử dụng **MENU/TUNE** để chọn Menu điện thoại → Danh bạ điện thoại → Cập nhật, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn Có hoặc Không, rồi nhấn **MENU/TUNE** để kích hoạt hoặc hủy bỏ việc cập nhật.

Thông báo về việc cập nhật danh bạ

- Chức năng này có thể được sử dụng với các điện thoại di động hỗ trợ chức năng cập nhật danh bạ và truyền lịch sử cuộc gọi. Nếu sản phẩm được kết nối với điện thoại di động không hỗ trợ

các chức năng này, thì lịch sử cuộc gọi có thể được hiển thị thông qua hệ thống Thông tin giải trí.

- Không hỗ trợ cập nhật nhiều hơn 1.000 số liên lạc.
- Hãy lưu ý rằng tính năng gọi điện rảnh tay và phát lại âm thanh qua Bluetooth sẽ bị cắt trong quá trình cập nhật danh bạ.

Các chức năng khác, trừ gọi điện rảnh tay và phát lại âm thanh qua Bluetooth, có thể được sử dụng.

- Để cập nhật danh bạ, bạn có thể được yêu cầu chứng nhận truyền tải dành cho danh bạ. Nếu màn hình chờ không thay đổi trong một thời gian dài, bạn có thể kiểm tra xem điện thoại di động có đang yêu cầu chứng nhận không. Khi yêu cầu cho chứng nhận của điện thoại di động, tất cả các kết nối Bluetooth sẽ bị ngắt nếu nó không được chấp nhận và sau đó thiết bị sẽ được kết nối lại.

- Khi nhận lịch sử cuộc gọi, nó có thể yêu cầu chứng nhận truyền tải cho lịch sử cuộc gọi từ điện thoại di động. Nếu màn hình chờ không thay đổi trong một thời gian dài, hãy kiểm tra xem điện thoại di động có đang yêu cầu chứng nhận không.

Khi yêu cầu cho chứng nhận của điện thoại di động, tất cả các kết nối Bluetooth sẽ bị ngắt nếu nó không được chấp nhận và sau đó thiết bị sẽ được kết nối lại.

- Nếu có vấn đề trong thông tin đã lưu trữ của điện thoại di động, danh bạ có thể không được cập nhật.
- Hệ thống thông tin giải trí chỉ sử dụng thông tin đã mã hóa ở định dạng UTF-8.
- Nếu các hoạt động khác (trò chơi, tìm kiếm bản đồ, dẫn hướng, v.v.) được kích hoạt trong khi tiến hành cập nhật danh bạ hoặc truyền tải lịch sử cuộc gọi, tiến trình cập nhật/truyền tải có thể không hoạt động.

Điều này là bởi vì các hoạt động khác đang chạy trên điện thoại di động đã ảnh hưởng đến việc truyền tải dữ liệu.

- Khi cập nhật danh bạ hoặc truyền tải lịch sử cuộc gọi đã hoàn tất, tất cả các chế độ rảnh tay và phát âm thanh qua Bluetooth sẽ được tự động ngắt kết nối và sau đó kết nối lại.
- Nếu Hệ thống thông tin giải trí bị tắt trong khi đang đàm thoại trên điện thoại, cuộc gọi sẽ được chuyển đến điện thoại di động. Tùy vào loại điện thoại, một số điện thoại có thể cần phải cài đặt chức năng chuyển cuộc gọi trước.
- Nếu người sử dụng ngắt kết nối của kết nối trực tiếp (bằng cách sử dụng Hệ thống thông tin giải trí hoặc điện thoại di động), chức năng kết nối tự động không diễn ra. Kết nối tự động: Chức năng này tự động tìm và kết nối thiết bị đã được kết nối lần gần đây nhất.

- Danh bạ có thể không luôn hiển thị tất cả các danh sách trên điện thoại khi được chọn. Hệ thống thông tin giải trí chỉ hiển thị những gì đã được truyền tải từ điện thoại di động.
- Bạn chỉ có thể nhận bốn số cho mỗi thư mục danh bạ qua chức năng cập nhật danh bạ: Điện thoại di động, Cơ quan, Nhà riêng và Khác.
- Thay đổi cài đặt ngôn ngữ trong khi cập nhật danh bạ sẽ xóa tất cả các cập nhật trước đó.
- Nếu điện thoại di động không được cài với màn hình chờ, các cuộc gọi có thể không thực hiện được với Hệ thống thông tin giải trí này
- Nếu Hệ điều hành của điện thoại di động đã được cập nhật, nó có thể làm thay đổi cách chức năng của điện thoại di động hoạt động.
- Các ký tự đặc biệt và các ngôn ngữ không được hỗ trợ sẽ được hiển thị thành "_____".

- Các cuộc gọi đã đăng ký trong danh bạ mà không có bất kỳ tên nào sẽ được chỉ báo là "No number in contact." (Không có số trong danh bạ).
- Hệ thống thông tin giải trí sẽ hiển thị danh bạ, lịch sử cuộc gọi và thông tin gọi lại như đã được truyền tải từ điện thoại di động.

Menu điện thoại → Danh bạ điện thoại → Xóa tất cả

Mỗi số điện thoại đơn đã được lưu trong danh bạ hệ thống sẽ bị xóa.

1. Sử dụng **MENU/TUNE** để chọn Menu điện thoại → Danh bạ điện thoại → Xóa tất cả, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Xoay **MENU/TUNE** để chọn Có hoặc Không, rồi nhấn **MENU/TUNE** để xóa tất cả danh bạ hoặc để hủy bỏ việc đó.

Menu Điện thoại → Danh sách cuộc gọi

Kiểm tra, sử dụng hoặc xóa danh bạ

1. Sử dụng **MENU/TUNE** để chọn Menu điện thoại → Danh sách cuộc gọi, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Sử dụng **MENU/TUNE** để chọn lịch sử cuộc gọi chi tiết, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
3. Xoay **MENU/TUNE** để kiểm tra lịch sử cuộc gọi và thực hiện cuộc gọi.
4. Nhấn **MENU/TUNE** để gọi số đã chọn từ lịch sử cuộc gọi.
 - Nếu màn hình "Please wait" (Vui lòng chờ) tiếp tục được hiển thị quá lâu sau khi chọn nhật ký cuộc gọi, kiểm tra xem điện thoại di động có đang yêu cầu xác thực của việc chuyển các số gọi không. Sau khi hoàn tất quy trình xác minh điện thoại di động, danh bạ và nhật ký cuộc gọi sẽ được truyền tới Hệ thống thông tin giải trí.

- Nhật ký cuộc gọi từ điện thoại di động và nhật ký được hiển thị trên Hệ thống thông tin giải trí có thể khác nhau.
- Hệ thống thông tin giải trí hiển thị nguyên trạng thông tin được chuyển từ điện thoại di động.

Menu điện thoại → Cài đặt Bluetooth

Chức năng cài đặt Bluetooth.

1. Sử dụng **MENU/TUNE** để chọn Menu điện thoại → Cài đặt Bluetooth, rồi nhấn **MENU/TUNE**.
2. Để kích hoạt chức năng Bluetooth, hãy đăng ký/kết nối/xóa thiết bị Bluetooth hoặc thay đổi mã Bluetooth, chọn Bluetooth bằng **MENU/TUNE**, rồi sử dụng **MENU/TUNE** để thiết lập mục mong muốn.
3. Để thiết lập nhạc chuông và âm lượng được dùng cho chức năng Bluetooth, hãy sử dụng **MENU/TUNE** để chọn Âm

thanh & tín hiệu, rồi thiết lập các mục mong muốn bằng **MENU/TUNE**.

- Tùy vào điện thoại di động, rất có thể nhạc chuông bạn có đã được chuyển tới Hệ thống thông tin giải trí. Đối với các điện thoại di động đó, bạn có thể không sử dụng được nhạc chuông đã chọn.
 - Đối với điện thoại di động chuyển nhạc chuông của bạn, âm lượng của nhạc chuông sẽ dựa trên âm lượng truyền tải từ điện thoại di động đó. Điều chỉnh âm lượng nhạc chuông của điện thoại di động đó nếu âm lượng quá nhỏ.
4. Để khởi chạy lại Cài đặt Bluetooth theo giá trị mặc định, hãy sử dụng **MENU/TUNE** để chọn mục khôi phục mục thiết lập ban đầu, rồi chọn Có bằng **MENU/TUNE**.

Điều hòa không khí

Hệ thống điều hòa không khí

Hệ thống sưởi và thông gió	107
Hệ thống điều hòa không khí	110

Cửa gió

Cửa gió có chớp chỉnh hướng	112
Cửa gió cố định	113

Bảo dưỡng


Cửa lấy gió	113
Bộ lọc gió cho khoang hành khách	113
Hoạt động điều hòa không khí thông thường	114
Dịch vụ	114


Hệ thống điều hòa không khí

Hệ thống sưởi và thông gió



Điều khiển các thông số:

- nhiệt độ
- phân phối gió
- tốc độ quạt
- sưởi
- làm tan băng kính chắn gió
- lấy gió trong 

- Cửa sổ sau có sậy ⇨ 27 

Nhiệt độ

Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách xoay núm.


màu đỏ : Sưởi


màu xanh : Làm mát


Chế độ sưởi sẽ chưa thể đạt được hiệu quả tối đa khi động cơ chưa đạt nhiệt độ làm việc.


Phân phối gió


Chọn hướng gió ra bằng cách xoay núm điều khiển ở trung tâm.

 : Hướng đến khu vực đầu và chân

 : Tới khu vực để chân, với một lượng gió nhỏ được hướng đến kính chắn gió, cửa sổ cửa trước và các cửa gió bên cạnh.

 : Đến vùng đầu, qua cửa gió có chớp chỉnh hướng

 : Tới kính chắn gió và khu vực để chân, với một lượng gió nhỏ được hướng đến cửa sổ cửa trước và các cửa gió bên cạnh.

 : Tới kính chắn gió và cửa kính cửa phía trước, với một lượng gió nhỏ được hướng đến các cửa gió bên cạnh.

Tốc độ quạt

Thay đổi lưu lượng gió bằng cách điều chỉnh quạt đến tốc độ mong muốn.

Sưởi


Sưởi bình thường

1. Xoay núm điều khiển nhiệt độ tới vùng có màu đỏ để sưởi.
2. Xoay núm điều khiển hướng gió.
3. Xoay núm điều khiển quạt tới tốc độ mong muốn.

Sưởi tối đa

Sử dụng chế độ sưởi tối đa để sưởi nhanh khu vực hành khách.

Không sử dụng chế độ này trong một thời gian dài. Điều đó có thể gây ra tai nạn vì không khí bên trong có thể bị ảnh hưởng và các cửa kính có thể bị bám hơi nước làm giảm tầm nhìn của lái xe.


Để làm sạch cửa kính, hãy xoay núm điều khiển hướng gió tới vị trí  và di chuyển cần tuàn hoàn không khí về chế độ không khí bên ngoài cho phép đưa không khí mới vào trong xe.

Đối với sưởi tối đa:

1. Nhấn nút tuàn hoàn không khí cho chế độ tuàn hoàn không khí. Đèn báo sẽ bật sáng để biểu thị chế độ tuàn hoàn đang bật.
2. Xoay núm điều khiển nhiệt độ lên hết khu vực có màu đỏ để sưởi.
3. Xoay núm điều khiển quạt tới tốc độ tối đa.



Làm tan băng trên kính chắn gió



1. Xoay núm điều khiển hướng gió tới chế độ SẤY KÍNH  và tuàn hoàn để đặt và cố định về chế độ không khí bên ngoài, một cách tự động.
2. Xoay núm điều khiển nhiệt độ sang vùng có màu đỏ cho không khí ấm.
3. Điều chỉnh núm điều khiển quạt lên tốc độ cao nhất để làm tan băng nhanh.
4. Mở các cửa gió bên và hướng các cửa gió vào kính.

Chú ý


Sự chênh lệch giữa không khí bên ngoài và nhiệt độ của kính chắn gió có thể làm cho cửa kính bị hấp hơi nước, do đó làm hạn chế tầm nhìn phía trước của bạn.

Không sử dụng tính năng SÀN/TAN BĂNG  hoặc TAN BĂNG  trong điều kiện thời tiết có độ ẩm cực cao khi nút điều khiển nhiệt độ được cài về vùng màu xanh.

Việc này có thể dẫn tới tai nạn, gây hỏng xe và thương tích cá nhân.

Hệ thống tuần hoàn không khí



Chế độ gió trong được kích hoạt bằng .

Đèn báo sẽ bật sáng để biểu thị chế độ tuần hoàn đang bật.

* Khi đang vận hành trong chế độ SẤY KÍNH, tuần hoàn được cố định về chế độ không khí bên ngoài để cung cấp nhanh điều kiện tầm nhìn rõ ràng cho kính chắn gió.


Cảnh báo

Lái xe ở chế độ tuần hoàn không khí trong thời gian dài có thể khiến bạn buồn ngủ. Hãy định kỳ chuyển sang chế độ gió ngoài để lấy không khí trong lành.

Quá trình trao đổi không khí trong lành giảm đi khi bạn sử dụng chế độ tuần hoàn.

Khi hoạt động mà không làm lạnh, độ ẩm không khí sẽ tăng dẫn đến kính xe có thể bị mờ. Chất lượng không khí trong khoang hành khách sẽ giảm đi và có thể khiến người ngồi trên xe cảm thấy uể oải.

Sấy kính sau

Kính sau có sấy được vận hành bằng .

Đèn báo sẽ bật sáng để biểu thị tính năng này đang bật.

Cửa sổ sau có sấy ⇨ 27.

Hệ thống điều hòa không khí



Cảnh báo

Không ngủ trên xe khi hệ thống sưởi hoặc điều hòa không khí được bật. Việc đó có thể khiến người ở trong xe bị tổn thương nghiêm hoặc tử vong, do lượng ôxi trong người và/hoặc nhiệt độ cơ thể giảm mạnh.



Điều khiển các thông số:

- nhiệt độ

- phân phối gió
- tốc độ quạt
- làm tan hơi nước đọng và tan băng
- lấy gió trong 
- làm mát 
- Cửa sổ sau có sẩy ⇨ 27

Nhiệt độ


Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách xoay nút.


màu đỏ : chế độ sưởi


màu xanh : chế độ làm mát


Phân phối gió


Chọn hướng gió ra bằng cách xoay nút điều khiển ở trung tâm.

 : Hướng đến khu vực đầu và chân

 : Tới khu vực để chân, với một lượng gió nhỏ được hướng đến kính chắn gió, cửa sổ cửa trước và các cửa gió bên cạnh.

 : Đến vùng đầu, qua cửa gió có chóp chỉnh hướng

 : Tới kính chắn gió và khu vực để chân, với một lượng gió nhỏ được hướng đến cửa sổ cửa trước và các cửa gió bên cạnh.


 : Tới kính chắn gió và cửa kính cửa phía trước, với một lượng gió nhỏ được hướng đến các cửa gió bên cạnh.

Tốc độ quạt

Thay đổi lưu lượng gió bằng cách điều chỉnh quạt đến tốc độ mong muốn.


Làm tan hơi nước trên kính chắn gió



1. Xoay núm điều khiển hướng gió tới chế độ SẤY KÍNH  và tuần hoàn để đặt và cố định về chế độ không khí bên ngoài, một cách tự động.
2. Công tắc A/C bật, tự động. Nhưng đèn báo hiển thị trước khi chế độ vận hành.
3. Chọn nhiệt độ mong muốn.
4. Điều chỉnh núm điều khiển quạt tới tốc độ mong muốn.

Hệ thống tuần hoàn không khí



Chế độ gió trong được kích hoạt bằng .

Đèn báo sẽ bật sáng để biểu thị chế độ tuần hoàn đang bật.

* Khi đang vận hành trong chế độ SẤY KÍNH, tuần hoàn được cố định về chế độ không khí bên ngoài để cung cấp nhanh điều kiện tâm nhìn rõ ràng cho kính chắn gió.

Cảnh báo


Lái xe ở chế độ tuần hoàn không khí trong thời gian dài có khiến bạn buồn ngủ. Hãy định kỳ chuyển sang chế độ gió ngoài để lấy không khí trong lành.

Quá trình trao đổi không khí trong lành giảm đi khi bạn sử dụng chế độ tuần hoàn.

Khi hoạt động mà không làm lạnh, độ ẩm không khí sẽ tăng dẫn đến kính xe có thể bị mờ.

Chất lượng không khí trong khoang hành khách sẽ giảm đi và có thể khiến người ngồi trên xe cảm thấy uể oải.

Chế độ làm mát

Kích hoạt bằng  và chỉ làm việc khi động cơ và quạt hoạt động.

Một đèn báo bật sáng để cho biết chức năng điều hòa nhiệt độ đã bật.

* Khi đang vận hành trong chế độ SẤY KÍNH, tuần hoàn được cố định về chế độ không khí bên ngoài để cung cấp nhanh điều kiện tâm nhìn rõ ràng cho kính chắn gió.

Hệ thống điều hòa không khí sẽ làm mát và làm khô không khí ngay khi nhiệt độ bên ngoài cao hơn chút so với điểm đóng băng. Vì vậy sự ngưng tụ có thể tạo ra nước nhỏ thành giọt ở khu vực gầm xe.

Nếu không cần thiết phải làm mát hoặc làm khô không khí, hãy tắt chế độ làm mát không khí để tiết kiệm nhiên liệu.

Hệ thống điều hòa không khí sẽ không hoạt động khi núm điều khiển quạt ở vị trí tắt.

Ngay cả khi điều hòa nhiệt độ bật, xe sẽ tạo ra không khí ẩm nếu núm điều khiển nhiệt độ được đặt ở vùng có màu đỏ.

Để tắt hệ thống điều hòa không khí, xoay núm điều khiển quạt về vị trí 0.

Chú ý

Chỉ sử dụng môi chất lạnh phù hợp.

⚠ Cảnh báo

Bạn phải để nhân viên có chuyên môn bảo trì riêng cho hệ thống điều hòa khí hậu. Phương thức bảo trì không thích hợp có thể dẫn đến thương tích cá nhân.

Chế độ làm mát bình thường

1. Vận hành hệ thống điều hòa không khí.
2. Xoay núm điều khiển nhiệt độ tới vùng có màu xanh để làm mát.
3. Xoay núm điều khiển hướng gió.
4. Điều chỉnh núm điều khiển quạt tới tốc độ mong muốn.

Làm mát tối đa



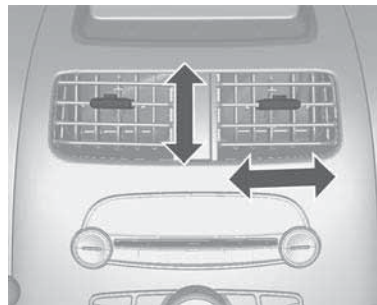
Để đạt được khả năng làm mát tối đa trong thời tiết nóng nực và khi xe của bạn tiếp xúc với ánh nắng trời trong thời gian dài.

1. Vận hành hệ thống điều hòa không khí.
2. Nhấn nút tuần hoàn không khí cho chế độ tuần hoàn không khí.
3. Xoay núm điều khiển nhiệt độ lên hết khu vực có màu xanh để làm mát.
4. Xoay núm điều khiển quạt tới tốc độ cao nhất.

Cửa gió

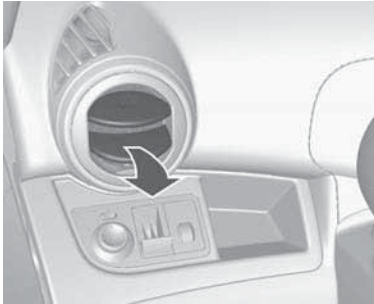
Cửa gió có chớp chỉnh hướng

Phải có ít nhất một cửa gió điều hòa mở khi bật chế độ làm mát để bảo vệ dàn lạnh không bị đóng băng do không có sự dịch chuyển của không khí.



Cửa sổ thông khí trung tâm không được đóng hoàn toàn.

Điều chỉnh hướng gió bằng cách nghiêng hoặc xoay các cánh hướng gió.



Bấm nắp của mỗi cửa sổ thông gió để mở các cửa sổ thông gió cạnh bên của xe và xoay nó theo hướng bạn muốn.

Nếu bạn không muốn luồng không khí thông gió đó, hãy đóng nắp của cửa sổ thông gió.

⚠ Cảnh báo

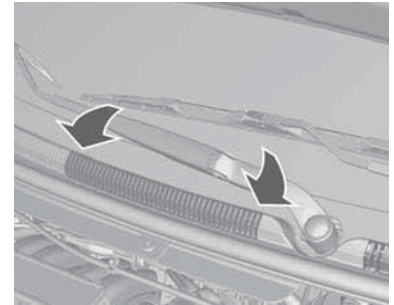
Không gắn bất kỳ vật gì lên cánh hướng gió của cửa gió. Bạn có thể bị thương và xe có thể bị hỏng nếu có tai nạn.

Cửa gió cố định

Các cửa gió bổ sung được lắp ở phía dưới kính chắn gió và cửa kính cửa phía trước và khu vực để chân.

Bảo dưỡng

Cửa lấy gió



Cửa lấy gió ở trước kính chắn gió trong khoang động cơ phải được giữ sạch sẽ để cho phép không khí đi vào. Dọn sạch hết lá cây, bụi bẩn hoặc tuyết.

Bộ lọc gió cho khoang hành khách

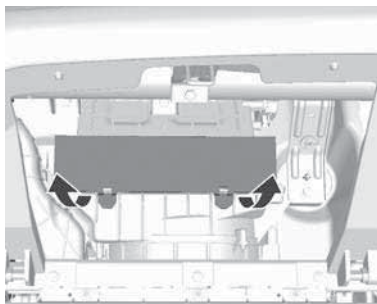
Bộ lọc làm sạch bụi bẩn, muối, phấn hoa, các bào tử từ không khí vào xe từ cửa lấy gió.



Thay thế bộ lọc:

1. Tháo hộp găng tay ra.

Để tháo hộp găng tay, hãy mở và kéo mỗi cạnh của hộp lên.



2. Tháo nắp đậy bộ lọc bằng cách kéo nắp đậy lên.
3. Thay bộ lọc điều hòa không khí.
4. Lắp nắp bộ lọc và hộp găng tay theo thứ tự ngược

Lưu ý

Chúng tôi khuyến nghị bạn tham vấn với xưởng sửa chữa được ủy quyền để thay thế bộ lọc.

Chú ý

Cần bảo dưỡng thường xuyên bộ lọc không khí nếu lái xe trong các điều kiện đường xá nhiều bụi bặm, các khu vực bị ô nhiễm và các đoạn đường không trải nhựa.

Hiệu quả của bộ lọc sẽ giảm xuống và phé quản sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Hoạt động điều hòa không khí thông thường

Để đảm bảo hiệu quả liên tục của hệ thống điều hoà, mỗi tháng nên bật hệ thống làm mát trong vòng vài

phút, với mọi loại thời tiết và thời điểm trong năm. Việc làm mát khi nhiệt độ bên ngoài thấp là không thể thực hiện được.

Dịch vụ

Để có hiệu suất làm mát tối ưu, chúng tôi khuyến nghị bạn định kỳ hàng năm kiểm tra hệ thống điều hòa không khí:

- kiểm tra chức năng và áp suất
- chức năng sưởi
- kiểm tra sự rò rỉ
- kiểm tra các đai truyền động
- vệ sinh giàn ngưng và
- thiết bị dẫn lưu giàn bay hơi
- kiểm tra công suất

Chú ý

Chỉ sử dụng môi chất lạnh phù hợp.

 **Cảnh báo**

Bạn phải để nhân viên có chuyên môn bảo trì riêng cho hệ thống điều hòa không khí. Phương thức bảo trì không thích hợp có thể dẫn đến thương tích cá nhân.

Vận hành và lái xe

Thông tin lái xe

Điều khiển xe 116

Khởi động và vận hành

Chạy rà xe mới 117

Vị trí của khóa điện 117

Khởi động động cơ 118

Đỗ xe 118

Khí xả động cơ

Khí xả động cơ 119

Bộ chuyển đổi bằng
xúc tác 119

Hộp số tự động

Hộp số tự động 120

Cần chọn số 120

Lỗi 122

Nguồn điện bị ngắt 123

Hộp số sàn

Hộp số sàn 125

Phanh

Phanh 125

Hệ thống chống bó cứng
phanh (ABS) 126

Phanh đỗ 127

Hệ thống phát hiện chướng ngại vật

Hỗ trợ đỗ xe 127

Nhiên liệu

Nhiên liệu cho động
cơ xăng 129

Nạp nhiên liệu 129

Thông tin lái xe

Điều khiển xe

Không bao giờ được lao xuống dốc khi động cơ không chạy

Vì có nhiều hệ thống không hoạt động trong trạng thái này (ví dụ trợ lực phanh, trợ lực lái). Cách lái xe này sẽ gây nguy hiểm cho bạn và người khác.

Các bàn đạp

Để đảm bảo hành trình của bàn đạp được tự do, không được để thảm trải sàn ở khu vực của bàn đạp.

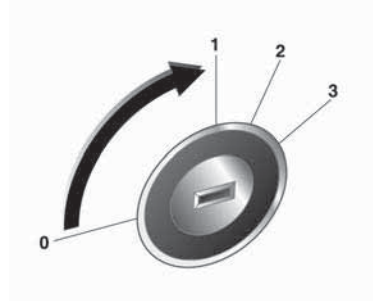
Khởi động và vận hành

Chạy rà xe mới

Sử dụng các biện pháp phòng ngừa sau đây trong vài trăm kilômét (dặm) đầu tiên để nâng cao hiệu quả và tính kinh tế của chiếc xe và nâng cao tuổi thọ của xe:

- Tránh khởi động với chế độ toàn tải.
- Không được ép tốc độ động cơ.
- Tránh dừng đột ngột, trừ những tình huống khẩn cấp. Điều này cho phép bạn thao tác phanh đúng trong tương lai.
- Tránh khởi động nhanh, đạp ga đột ngột và lái xe ở tốc độ cao trong thời gian dài để tránh những hư hỏng cho động cơ và tiết kiệm nhiên liệu.
- Tránh đạp hết chân ga ở số thấp.
- Không được kéo xe khác.

Vị trí của khóa điện



0 (KHÓA) : Tắt khóa điện

1 (ACC) : Khóa điện tắt, khoá vô lăng được nhà tự do

2 (BẬT) : Bật khóa điện

3 (START) (KHỞI ĐỘNG) : Khởi động

⚠️ Nguy hiểm

Không xoay chìa khóa sang vị trí 0 hoặc 1 trong khi lái xe.

Hỗ trợ phanh và xe không hoạt động, làm hỏng xe, thương tổn cá nhân hoặc có thể chết người.

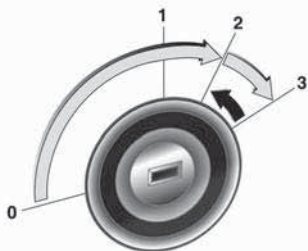
Chú ý

Không để chìa khóa ở vị trí 1 hoặc 2 trong khoảng thời gian dài trong khi động cơ không hoạt động.

Việc này sẽ xả điện ắc-quy.

Khởi động động cơ

Khởi động động cơ bằng chìa khoá



- Xoay chìa khoá về vị trí 1, xoay nhẹ vô lăng để mở khóa vô lăng
- Hộp số sàn: đạp ly hợp.
- Hộp số tự động : Di chuyển cần số đến vị trí P hoặc N.
- Không vận hành bàn đạp ga.
- Xoay chìa khoá đến vị trí 3 , nhấn bàn đạp ly hợp và phanh chân sau đó nhả ra khi động cơ chạy.

Trước khi khởi động lại hoặc để tắt động cơ, vận chìa khoá về vị trí 0.

Chú ý

Không vận hành mô-tơ đề dài hơn 10 giây mỗi lần.

Nếu động cơ không khởi động, hãy chờ 10 giây trước khi thử lại.

Điều này sẽ giúp tránh làm hỏng mô-tơ đề.

Đỗ xe

- Không được đỗ xe ở những bề mặt dễ cháy. Nhiệt độ cao của hệ thống xả có thể làm bén lửa bề mặt đường xe đang đỗ.
- Khi kéo phanh tay không được nhấn nút trên cần phanh tay. Kéo phanh tay hết cỡ khi xe ở trên dốc lên hoặc dốc xuống. Nhấn phanh chân cùng lúc để giảm lực kéo phanh đỗ.
- Tắt động cơ. Xoay vô lăng đến khi vô lăng được khóa lại.

- Nếu xe đỗ trên đường bằng hoặc trên dốc lên, cài số một trước khi tắt khóa điện. Trên dốc đi lên, xoay các bánh trước ra xa lề đường.

Nếu xe đỗ trên dốc xuống, cài số lùi trước khi tắt khóa điện. Xoay các bánh trước về phía lề đường.

- Đóng cửa kính.
- Khóa xe và bật hệ thống cảnh báo chống chộm.

Khí xả động cơ

Nguy hiểm

Khí xả động cơ có chứa khí độc cacbon ôxít, đây là loại khí không màu, không mùi và có thể gây hậu quả nghiêm trọng nếu hít phải.

Nếu khí xả này bay vào trong xe, hãy mở các cửa sổ ra. Nguyên nhân gây ra lỗi cần được tìm ra tại xưởng bảo dưỡng.

Tránh lái xe khi khoang chứa đồ mở, nếu không, khí xả có thể bay vào trong xe.

Bộ chuyển đổi bằng xúc tác

Bầu xúc tác làm giảm hàm lượng chất có hại trong khí xả.

Chú ý

Nhiên liệu có hạng khác với các mục được liệt kê trên các trang nhiên liệu cho động cơ xăng, thông số động cơ có thể gây hư hại cho bộ chuyển đổi bằng xúc tác và các thành phần điện tử.

Nhiên liệu cho động cơ xăng
 ⇨ 129, *Thông số động cơ* ⇨ 182.

Xăng chưa cháy hết sẽ trở nên quá nóng và làm hỏng bộ chuyển đổi bằng xúc tác. Vì vậy, tránh dùng mô-tơ đề quá nhiều, dùng hết nhiên liệu trong bình chứa hay khởi động động cơ bằng cách đẩy hoặc kéo xe.

Trong trường hợp động cơ bị bỏ lửa, động cơ nổ không đều, sẽ gây ra giảm hiệu suất động cơ hoặc những vấn đề bất thường khác, nguyên nhân của các lỗi này phải được khắc phục bởi xưởng sửa chữa ngay khi có thể. Trong trường hợp khẩn cấp, bạn có thể tiếp tục lái xe trong thời gian ngắn, bằng cách giữ cho tốc độ của xe và tốc độ động cơ thấp.

Hộp số tự động

(Chỉ có ở một số khu vực)

Hộp số tự động là hộp số bốn tốc độ được điều khiển điện tử.

Số bốn là số tốc độ cao.

Khởi động xe

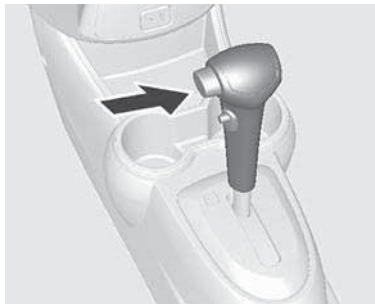
1. Sau khi làm ấm động cơ, tiếp tục nhấn bàn đạp phanh trong khi chuyển cần số tới vị trí R, D, 2 hoặc 1.

Chú ý

Không chuyển số giữa vị trí D (Lái) và R (Lùi) hoặc P (Đỗ xe) trong khi xe đang di chuyển. Điều này sẽ gây ra hỏng hóc cho hộp số và thương tổn cá nhân.

2. Nhả phanh tay và bàn đạp phanh.
3. Ấn chậm bàn đạp ga để đưa xe vào hoạt động.

Cần chọn số



P (ĐỖ) : Khóa các bánh trước. Chỉ chọn P khi xe đang đứng yên và có sử dụng phanh tay.

R (SỐ LÙI) : Chỉ chọn R khi xe đang đứng yên.

SỐ N (SỐ KHÔNG) : Vị trí số không của hộp số.

D : Vị trí lái này là dành cho tất cả các điều kiện lái xe bình thường. Cho phép hộp số chuyển vào tất cả bốn số tiến. Số bốn là số tốc độ cao làm sẽ giảm tốc độ và mức độ ồn của động cơ trong khi tăng tiết kiệm nhiên liệu.

2 : cho phép hộp số chuyển từ bánh răng thứ 1 đến bánh răng thứ 2 và ngăn việc tự động chuyển sang bánh răng thứ 3 hoặc số 4.

Chọn lái số 2 để có thêm xe có thêm sức mạnh khi leo dốc và để phanh động cơ khi lái xe xuống dốc.

1 : Vị trí này khóa hộp số ở bánh răng thứ nhất.

Chọn 1 để phanh động cơ tối đa khi lái xe xuống dốc có độ nghiêng cao.

Chú ý

Không được tăng tốc khi đang vào số.

Không được đạp ga và đạp phanh cùng lúc.

Khi số đã được cài, xe sẽ từ từ chuyển động khi nhả bàn đạp phanh.

Không sử dụng vị trí P (Đỗ xe) thay cho phanh tay.

Tắt động cơ, nhấn phanh tay và rút khóa điện khi rời khỏi xe.

(tiếp tục)

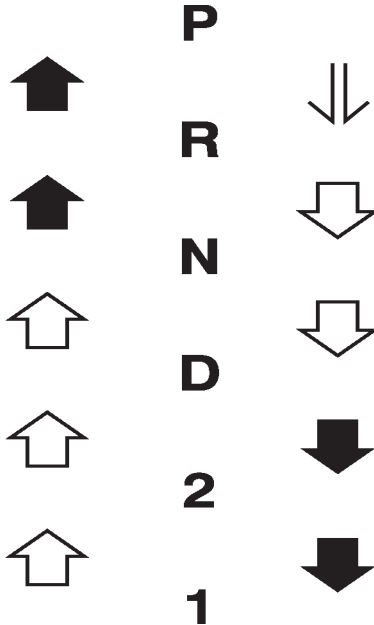
Chú ý (tiếp tục)

Không bao giờ rời khỏi xe trong khi động cơ đang chạy mà không có sự giám sát.

Chuyển giữa các vị trí số

Di chuyển giữa các vị trí số nhất định đòi hỏi bạn cần phải bấm nút nhả trên phần cạnh thân của cần số.

Làm theo các mô tả như chỉ dẫn của các mũi tên khi chuyển cần số.



Đẩy nút nhả để chuyển số. Các mũi tên cho thấy các số không đòi hỏi bạn phải đẩy vào nút nhả.



Nhấn bàn đạp ga và đẩy vào nút nhả để chuyển số.

Việc chuyển số đòi hỏi bạn phải đẩy vào nút nhả được hiển thị bằng các mũi tên.



Chuyển số tự do.

Phanh bằng động cơ

Để giúp sử dụng phanh hiệu quả nén động cơ khi lái xe xuống dốc dài:

Đối với hộp số tự động, hãy chọn phạm vi lái số "2" hoặc số "1" nếu cần.

Phanh bằng động cơ hiệu quả nhất trong phạm vi lái số "1". Nếu phạm vi lái số "1" được chọn ở tốc độ quá cao, hộp số sẽ giữ ở số hiện tại cho đến khi xe giảm tốc độ.

Chọn phạm vi lái số "2" để có hiệu quả phanh bằng động cơ thông thường. Để sử dụng khả năng chạy chậm hơn nữa, chọn "1". Đối với hộp số sàn, về số thấp hơn một cách tuần tự.

Cảnh báo

Không giảm số hộp số sàn qua hai hoặc nhiều vị trí số cùng một lúc.

Việc này để tránh làm hỏng hộp số hoặc mất kiểm soát và chấn thương cá nhân.

Lưu ý

Sử dụng nén động cơ trong khi xuống dốc núi dài có thể kéo dài tuổi thọ phanh xe.

Lấy đà cho xe

Việc lấy đà cho xe chỉ được thực hiện khi xe sa lầy và kẹt trong bùn cát, bùn hoặc tuyết.

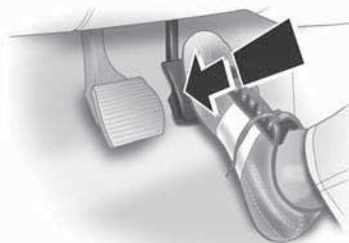
Di chuyển cần số qua lại giữa vị trí D và R.

Không được ép tốc độ động cơ và tránh đạp ga đột ngột.

Đỗ xe

Sau khi dừng xe bằng cách nhấn bàn đạp phanh, cài số về vị trí P và kéo mạnh cần số lên, sau đó rút chìa khóa điện.

Tính năng nhảy cóc



Để tăng tốc nhanh hơn, nhấn bàn đạp ga xuống và giữ nguyên. Hộp số sẽ chuyển sang số thấp hơn tùy thuộc vào tốc độ động cơ.

Lỗi

Trong trường hợp bị lỗi, đèn báo sự cố hoặc đèn cảnh báo hộp số tự động phát sáng. Hộp số sẽ không thể tự động chuyển số và cũng không chuyển số bằng tay được nữa, vì nó đã bị khóa cứng ở một số cố định.

Nguyên nhân gây lỗi cần được xử lý bởi xưởng sửa chữa.

Nguồn điện bị ngắt

Trong trường hợp nguồn điện bị ngắt, cần số sẽ không thể dịch chuyển khỏi vị trí số P.

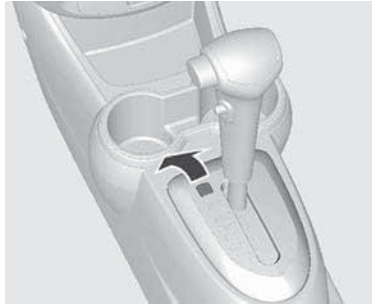
Nếu ắc quy đã xả hết điện, khởi động xe bằng dây sạc điện ắc quy.

Nếu ắc quy không phải là nguyên nhân gây ra lỗi, nhả cần số và rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa.

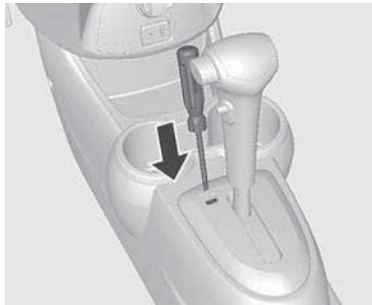
Nhả cần số

Xe của bạn có hệ thống khóa chuyển Phanh-Số (BTSI). Trước khi chuyển khỏi vị trí đỗ (P), khóa điện phải được BẬT và bạn phải nhấn hết cỡ bàn đạp phanh. Nếu bạn không thể chuyển khỏi vị trí P khi khóa điện ở vị trí BẬT và có nhấn bàn đạp phanh:

1. Tắt khóa điện
2. Nhấn và giữ bàn đạp phanh rồi kéo cần phanh tay lên.



3. Mở nắp.



4. Cắm một tô-vít vào lỗ càng xa càng tốt và di chuyển cần số khỏi vị trí P. Khởi động động cơ và chuyển vào số mà bạn muốn.

Nếu cần số lại được cài sang vị trí P, cần số sẽ lại bị khóa ở vị trí lần nữa.

5. Đậy ốp nhựa lại.
6. Hãy đưa xe của bạn đi sửa chữa ngay khi có thể.

Cảnh báo

Để giúp ngăn ngừa việc hỏng hóc hộp số, hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau đây:

Không nhấn bàn đạp ga trong khi chuyển từ P hoặc N tới R, D, 2 hoặc 1.

Làm như vậy có thể không chỉ hỏng hộp số, mà còn có thể làm bạn mất khả năng điều khiển xe.

Hãy sử dụng D nhiều nhất có thể.
(tiếp tục)

Cảnh báo (tiếp tục)

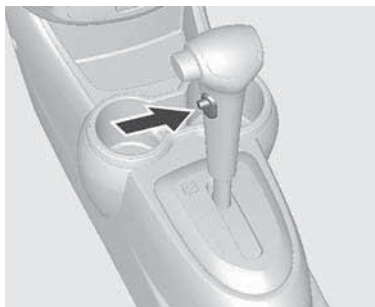
Không bao giờ chuyển tới P hoặc R trong khi xe đang di chuyển.

Khi dừng xe trên một triền dốc lên, không giữ xe tại chỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga. Hãy sử dụng phanh chân.

Hãy ấn bàn đạp phanh khi chuyển từ P hoặc N tới R hoặc một số tiến.

Nếu không hộp số có thể bị hư hỏng hoặc xe có thể di chuyển bất ngờ, khiến lái xe mất khả năng điều khiển xe, dẫn đến thương tích cá nhân hoặc thiệt hại cho xe hay tài sản khác.

Đèn báo tắt số vượt tốc



Số bốn của hộp số tự động của bạn là số tốc độ cao.

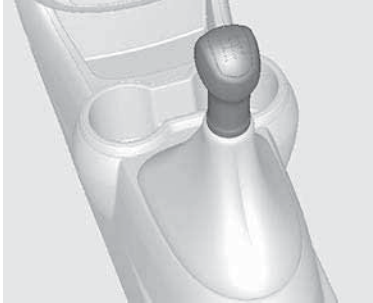
Để hủy chức năng tốc độ cao, bấm nút vượt tốc và đèn báo O/D OFF (Tắt chế độ vượt tốc) trong hộp báo hiệu cảnh báo sẽ BẬT.

Chức năng O/D OFF (Tắt chế độ vượt tốc) có thể được dùng khi việc chuyển số không mong muốn sang bánh răng số bốn xảy ra như trên một đoạn đường lên dốc dài.

Lưu ý

Trong các điều kiện lái xe bình thường, hãy lái xe với chức năng vượt tốc được kích hoạt để tiết kiệm nhiên liệu.

Hộp số sàn



Nếu không sang số được, kéo cần số về số không, nhả rồi nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó sang số lại.

Không tác động lên ly hợp khi không thực sự cần thiết. Khi sử dụng, nhấn bàn đạp ly hợp hoàn toàn. Không dùng bàn đạp làm nơi để chân.

Chú ý

Bạn không nên lái xe trong khi để tay trên cần số.

Phanh

Hệ thống phanh gồm có hai mạch phanh độc lập với nhau.

Nếu một mạch phanh bị hỏng, chiếc xe vẫn có thể được phanh bằng mạch phanh còn lại. Tuy nhiên, hiệu quả phanh chỉ đạt được khi bạn đạp phanh bị đạp mạnh. Cần có một lực phanh lớn hơn đáng kể cho việc này. Quãng đường phanh sẽ bị dài hơn. Yêu cầu sự trợ giúp của xưởng sửa chữa trước khi bạn tiếp tục chuyển đi.

Chú ý

Nếu một trong các mạch bị lỗi, bàn đạp phanh phải nhấn mạnh hơn và khoảng cách phanh có thể phải tăng lên. Hãy kiểm tra và sửa ngay hệ thống phanh tại xưởng sửa chữa. Chúng tôi khuyến nghị bạn tham vấn xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Nếu bàn đạp phanh phải nhấn xa hơn bình thường, hệ thống phanh có thể cần phải sửa chữa.

Tham vấn xưởng sửa chữa ngay lập tức. Chúng tôi khuyến nghị bạn tham vấn xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn.

⚠ Cảnh báo

Sau khi lái xe qua vùng nước sâu, rửa xe, hoặc sử dụng phanh quá nhiều khi lái xe xuống dốc, hệ thống phanh có thể tạm thời mất khả năng dừng xe. Điều này có thể là do các chi tiết của hệ thống phanh bị ướt hoặc bị quá nóng.

Nếu hệ thống phanh tạm thời bị mất khả năng dừng xe vì quá nóng. Chuyển về số thấp khi đi xuống đồi dốc. Không sử dụng phanh liên tục.

(tiếp tục)

Cảnh báo (tiếp tục)

Nếu hệ thống phanh tạm thời bị mất khả năng dừng xe vì các chi tiết của hệ thống phanh bị ướt, quy trình sau có thể giúp khôi phục khả năng hoạt động bình thường của chúng:

1. Hãy kiểm tra phía sau xe xem có xe nào khác không.
2. Giữ tốc độ an toàn phía trước với nhiều khoảng trống phía sau và hai cạnh bên của bạn.
3. Nhấn nhẹ phanh cho đến khi khả năng hoạt động bình thường của hệ thống phanh được khôi phục.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp cho các bánh xe không bị khóa cứng.

ABS sẽ bắt đầu điều chỉnh áp lực phanh ngay khi một bánh xe cho thấy xu hướng bị khóa. Chiếc xe vẫn có thể lái được, ngay cả khi phanh gấp.


Điều khiển ABS có thể nhận biết được bởi xung ở bàn đạp phanh và âm thanh của quá trình điều chỉnh.

Để tối ưu hóa hiệu quả phanh, giữ cho bàn đạp phanh được nhấn hoàn toàn trong suốt quá trình phanh, mặc dù lúc này bàn đạp phanh bị rung. Không được giảm lực đạp lên bàn đạp phanh.

Chức năng kiểm soát chống bó cứng phanh (ABS) có thể được nhận ra qua độ rung và tiếng ồn của quá trình ABS. Để phanh xe tối ưu, hãy liên tục nhấn phanh chân ngay cả khi bàn đạp phanh rung lên.

Không giảm bớt lực nhấn phanh chân.

Khi bạn khởi động xe sau khi bật khóa điện, bạn có thể nghe thấy tiếng va chạm cơ khí một lần. Điều này là bình thường vì ABS đã sẵn sàng.

Đèn báo điều khiển . Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) ⇨ 126.

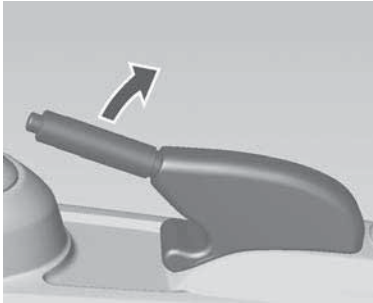
Lỗi

Cảnh báo

Nếu hệ thống ABS có lỗi, các bánh xe có thể bị khóa do lực phanh mạnh hơn bình thường. Lợi thế của ABS không còn nữa. Khi phanh gấp, bạn sẽ không thể đánh lái được nữa và xe có thể bị lệch.

Nguyên nhân gây lỗi cần được xử lý bởi xưởng sửa chữa.

Phanh đỗ



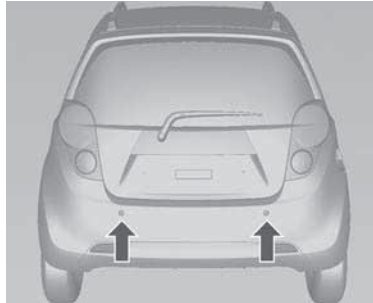
Luôn kéo phanh tay một cách chắc tay và không nhấn nút nhả, kéo phanh tay hết cỡ khi xe đỗ trên dốc lên và dốc xuống.

Để nhả phanh tay, kéo nhẹ cần phanh, nhấn nút nhả và hạ cần phanh xuống hoàn toàn.

Để giảm lực kéo cần phanh tay, cần đạp phanh chân đồng thời.

Hệ thống phát hiện chướng ngại vật

Hỗ trợ đỗ xe



Hệ thống hỗ trợ đỗ xe giúp người lái trong khi xe di chuyển lùi bằng tiếng chuông nếu cảm nhận thấy có bất kỳ chướng ngại vật nào đằng sau xe.

Hệ thống này có thể bật tự động bất cứ khi nào khóa điện bật và cần chọn số của cầu xe ở R.

Hệ thống này sẽ tắt khi tốc độ của xe lớn hơn khoảng 5 km/h (3 dặm/giờ).

Nếu âm thanh cảnh báo phát ra khi chuyển số tới vị trí R, điều đó cho thấy tình trạng bình thường.

Tại thời điểm này, bạn có thể đoán ra khoảng cách giữa xe bạn và chướng ngại vật bằng âm thanh cảnh báo.

Tuy nhiên, đừng nhầm lẫn với âm thanh phát ra liên tục khi xe va phải chướng ngại vật trong khoảng 40 cm (16 inch).

Chú ý

Nếu xảy ra tình trạng sau, điều đó cho thấy rằng có một sự cố trong hệ thống hỗ trợ đỗ xe. Âm thanh cảnh báo phát 3 lần liên tiếp khi không có chướng ngại vật nào xung quanh cần phía sau. Hãy tham khảo ý kiến của xưởng sửa chữa càng sớm càng tốt. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên sử dụng xưởng sửa chữa được ủy quyền.

Cảnh báo và việc cảm nhận khoảng cách	Báo động
Cảnh báo số 1 khoảng 0,8 ~ 1,5 m (30 ~ 60 inch) từ cản phía sau	–beep– beep–
Cảnh báo số 2 trong khoảng 80 cm (60 inch) từ cản phía sau	–beep beep beep beep
Cảnh báo số 3 khoảng 20 ~ 40 cm (8 ~ 16 inch) từ cản phía sau	Cảnh báo luôn bật

Chú ý

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chỉ được xem như chức năng phụ trợ. Lái xe phải kiểm tra phía sau.

Tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh có thể khác tùy vào vật cản.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh không thể kích hoạt trong trường hợp cảm biến bị đóng băng hoặc bị bám bụi bẩn hoặc bùn đất.

Không đẩy hoặc làm xước bề mặt của cảm biến. Điều này có thể làm hỏng lớp vỏ ngoài.

Có khả năng xảy ra hỏng hóc trong hệ thống hỗ trợ đỗ xe khi lái xe trên các bề mặt không bằng phẳng như gỗ, đường rải sỏi, đường lổm chổm hoặc dốc.

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể không nhận ra các vật sắc, quần áo mùa đông loại dày hoặc các vật liệu mềm và dày khác có thể hấp thụ tần số.

Chú ý

Khi nhận được tín hiệu siêu âm khác (âm kim khí hoặc tiếng ồn phanh hơi từ các loại xe thương

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

mại hạng nặng), hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể không hoạt động chính xác.

Vệ sinh sạch bụi các cảm biến bằng nước sạch và bọt biển mềm.

Hệ thống có thể không phát hiện được những vật như vậy ở phạm vi gần (khoảng 25 cm) và khoảng cách trong khoảng 1m.

Bạn nên tiếp tục quan sát gương hoặc xoay đầu về phía sau. Cần lưu ý khi quay ngược xe. Không ấn hoặc gây sốc cho các cảm biến bằng cách đập hoặc rửa bằng súng phun nước áp suất cao, nếu không cảm biến sẽ bị hỏng.

Chú ý
<p>Phần trên của xe có thể bị va chạm trước khi cảm biến hoạt động, vì vậy hãy kiểm tra bằng gương hậu bên ngoài hoặc quay đầu lại trong khi đỗ xe.</p> <p>Hệ thống hỗ trợ đỗ xe sẽ vận hành chính xác trên các bề mặt phẳng theo chiều dọc.</p>

Nhiên liệu

Nhiên liệu cho động cơ xăng

Chỉ sử dụng loại nhiên liệu không chì phù hợp với tiêu chuẩn DIN EN 228.

Có thể dùng loại nhiên liệu tiêu chuẩn tương đương với ethanol có hàm lượng thể tích tối đa 10%.

Sử dụng loại nhiên liệu có chỉ số octan được khuyến cáo. Việc sử dụng loại nhiên liệu có chỉ số ốc tan quá thấp có thể làm giảm công suất và mô men động cơ và làm tăng nhẹ mức tiêu hao nhiên liệu. *Thông số động cơ* ⇨ 182.

Chú ý
<p>Sử dụng nhiên liệu có chỉ số octan quá thấp dẫn đến mất kiểm soát quá trình cháy và hư hỏng động cơ.</p>

Nạp nhiên liệu



Chú ý
<p>Nếu sử dụng nhiên liệu không đúng hạng hoặc đổ thêm chất phụ gia sai vào bình nhiên liệu, động cơ và bầu xúc tác có thể sẽ bị hỏng nặng.</p> <p>Cần đảm bảo sử dụng loại nhiên liệu (xăng hoặc dầu diesel) phù hợp với xe khi đổ thêm. Nếu đổ xăng vào xe sử dụng động cơ diesel, chiếc xe có thể bị hỏng nặng. Nếu xe sử dụng động cơ</p> <p style="text-align: right;">(tiếp tục)</p>

Chú ý (tiếp tục)

diesel, cần xác nhận lại loại nhiên liệu chính xác bằng cách xem thông tin ghi trên nắp khóa bình nhiên liệu.

Vì mục đích an toàn, bình nhiên liệu, bơm và đường ống phải được nối mát thích hợp. Vì tĩnh điện tập trung trong bình xăng có thể mỗi lửa hơi xăng trong bình. Điều đó có thể khiến bạn bị bỏng và chiếc xe bị hỏng.

Nguy hiểm

Trước khi đổ nhiên liệu, tắt máy và bất cứ nguồn nóng bên ngoài nào có các buồng đốt. Tắt điện thoại di động.

Nhiên liệu bay hơi có thể phát nổ bởi các sóng điện từ hoặc tần số của điện thoại di động.

(tiếp tục)

Nguy hiểm (tiếp tục)

Nhiên liệu là chất dễ cháy và dễ nổ. Không hút thuốc. Cấm lửa. Làm theo các hướng dẫn về an toàn và cách vận hành của trạm bơm khi nạp lại nhiên liệu.

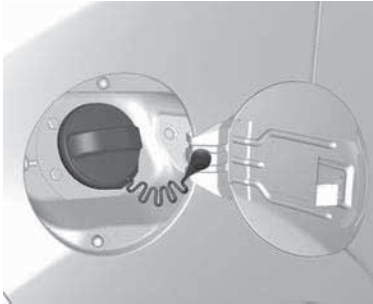
Tháo các vật tĩnh điện trên tay của bạn khi chạm vào bất kỳ thứ gì có thể giải phóng điện tĩnh khi bạn chạm hoặc mở nắp bình nhiên liệu hay ống nạp nhiên liệu.

Đừng làm bất cứ hành động nào tạo ra tĩnh điện như việc lên và xuống xe khi đang nạp nhiên liệu. Điện tĩnh có thể làm phát nổ nhiên liệu bay hơi.

Nếu thấy có mùi nhiên liệu trong xe, phải đến trạm bảo dưỡng để khắc phục ngay điều này.



1. Dừng động cơ.
2. Kéo cần mở cửa nạp nhiên liệu đặt trên sàn xe phía bên người lái.
3. Xoay chậm nắp nạp nhiên liệu ngược chiều kim đồng hồ. Nếu bạn nghe thấy có âm rít lên, hãy đợi cho nó dừng hẳn trước khi tháo nắp hoàn toàn. Cửa nạp nhiên liệu ở bằng phần tư phía sau bên phải.



4. Tháo nắp. Nắp được buộc gắn vào xe.
5. Sau khi nạp nhiên liệu, hãy lắp lại nắp đậy. Xoay nó theo chiều kim đồng hồ cho đến khi bạn nghe thấy vài tiếng click.
6. Đẩy cửa nạp nhiên liệu đóng lại cho đến khi nó được chốt chặt.

Lưu ý

Nếu, trong điều kiện thời tiết lạnh, cửa nạp nhiên liệu không mở, hãy gõ nhẹ vào cửa nạp nhiên liệu. Rồi thử mở lại nắp lần nữa.

Chú ý

Lau sạch nhiên liệu bị tràn ra ngay lập tức.

Chăm sóc xe

Thông tin chung

Phụ kiện và cải tạo xe	133
Cất giữ trong xe	133

Kiểm tra xe

Tự bảo trì xe	134
Mùi xe	134
Tổng quan về khoang động cơ	136
Dầu động cơ	137
Dầu hộp số tự động	138
Bộ lọc/Bầu lọc gió động cơ ...	139
Nước làm mát động cơ	140
Dầu trợ lực lái	141
Nước rửa kính	142
Dầu phanh	142
Ắc quy	144
Thay lưới gạt nước	145

Thay bóng đèn

Thay bóng đèn	145
Đèn đầu	146
Đèn đuôi	148
Đèn xi nhan sườn	149
Đèn dừng xe giữa gắn trên cao (CHMSL)	150
Đèn biển số	150
Đèn trong xe	150

Hệ thống điện

Cầu chì	151
Hộp cầu chì khoang động cơ	152
Hộp cầu chì bảng táp lô	154

Bộ đồ sửa xe

Dụng cụ	156
---------------	-----

Bánh xe và lốp xe

Bánh xe và lốp xe	156
Lốp dùng cho mùa đông	156
Ký hiệu trên lốp	156
Áp suất lốp	157
Chiều sâu bố lốp	157
Đào Lốp xe	158
Bánh xe và lốp có kích cỡ khác nhau	159
Nắp chụp bánh xe	159
Căn chỉnh bánh và cân bằng lốp	159
Thay bánh xe	160
Xích ngăn trượt	162
Lốp dự phòng nhỏ gọn	162
Lốp dự phòng với kích cỡ đầy đủ	163

Khởi động bằng ắc quy trên xe khác

Khởi động bằng ắc quy trên xe khác	164
---	-----

Kéo xe

Kéo xe	166
Kéo xe khác	167

Chăm sóc bên ngoài

Chăm sóc bên ngoài	168
Chăm sóc bên trong	170

Thông tin chung

Phụ kiện và cải tạo xe

Chúng tôi khuyên bạn sử dụng phụ tùng và phụ kiện chính hãng và các phụ tùng được nhà sản xuất phê duyệt cho đúng loại xe của bạn. Chúng tôi không đánh giá hay đảm bảo độ tin cậy của những sản phẩm không chính hãng - ngay cả khi chúng đáp ứng quy định hoặc được phê duyệt bởi tổ chức khác.

Không được thực hiện bất kỳ thay đổi nào với hệ thống điện, ví dụ như thay đổi bộ điều khiển điện tử (còi chirp).

Chú ý

Không được sửa đổi xe của bạn. Vì điều đó có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, độ bền và độ an toàn của xe, và sẽ không được bảo hành nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh do việc chỉnh sửa này.

Cất giữ trong xe

Cất giữ xe trong một thời gian dài

Cần thực hiện các bước sau nếu xe được lưu giữ trong vài tháng:

- Rửa và phủ sáp xe.
- Kiểm tra lớp sáp trong khoang động cơ và dưới gầm xe.
- Đổ đầy hoàn toàn bình nhiên liệu.
- Vệ sinh và bảo trì các mối ghép cao su.
- Thay dầu động cơ.
- Xả hết nước rửa kính.
- Kiểm tra chất chống đông nước làm mát và chống ăn mòn.
- Chỉnh áp suất lốp đến mức dành cho tải trọng lớn nhất.
- Để xe ở chỗ khô ráo, thông thoáng. Cài số một hoặc số lùi. Ngăn xe không bị trôi.
- Không kéo phanh tay.
- Mở nắp ca-pô, đóng tất cả các cửa và khóa xe.

- Tháo kẹp ra khỏi đầu cực âm của ắc quy xe. Chú ý rằng toàn bộ hệ thống ngừng hoạt động, ví dụ, hệ thống báo trộm.
- Đóng ca-pô.

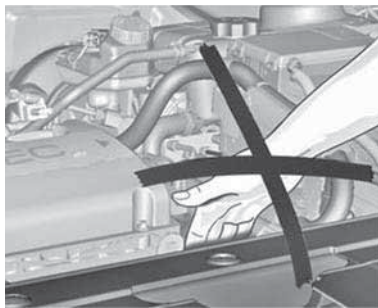
Đưa xe trở lại hoạt động

Khi xe được đưa trở lại sử dụng:

- Nối kẹp đầu dây âm trở lại cực âm của ắc quy trên xe. Kích hoạt bộ phận điện tử của các kính điện.
- Kiểm tra áp suất lốp.
- Đổ đầy nước rửa kính.
- Kiểm tra mức dầu động cơ.
- Kiểm tra mức nước làm mát.
- Gắn biển số nếu cần.

Kiểm tra xe

Tự bảo trì xe



Cảnh báo

Chỉ tiến hành kiểm tra khoang động cơ khi khóa điện tắt.

Quạt làm mát có thể bắt đầu quay ngay cả khi khóa điện tắt.

Nguy hiểm

Hệ thống đánh lửa sử dụng điện áp rất cao. Không chạm vào bộ phận này.

Mui xe

Mở



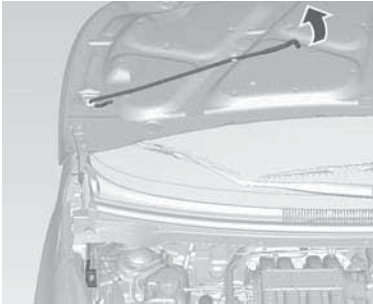
1. Kéo cần mở ca rô và trả nó về vị trí ban đầu.



2. Đẩy chốt khóa an toàn lên và mở ca-pô.

Cảnh báo

Khi động cơ đang nóng, chỉ được cầm vào phần đệm xốp trên thanh chống nắp ca rô.



3. Kéo nhẹ nhàng thanh đỡ lên từ bộ phận giữ thanh đỡ. Và sau đó cài nó vào móc bên cạnh trái của khoang động cơ.

Đóng

Trước khi đóng nắp ca rô, nhấn que chống vào vòng kẹp.

Hạ thấp nắp ca rô và để nó ăn khớp vào chốt. Kiểm tra sự ăn khớp của nắp ca rô.

⚠ Cảnh báo

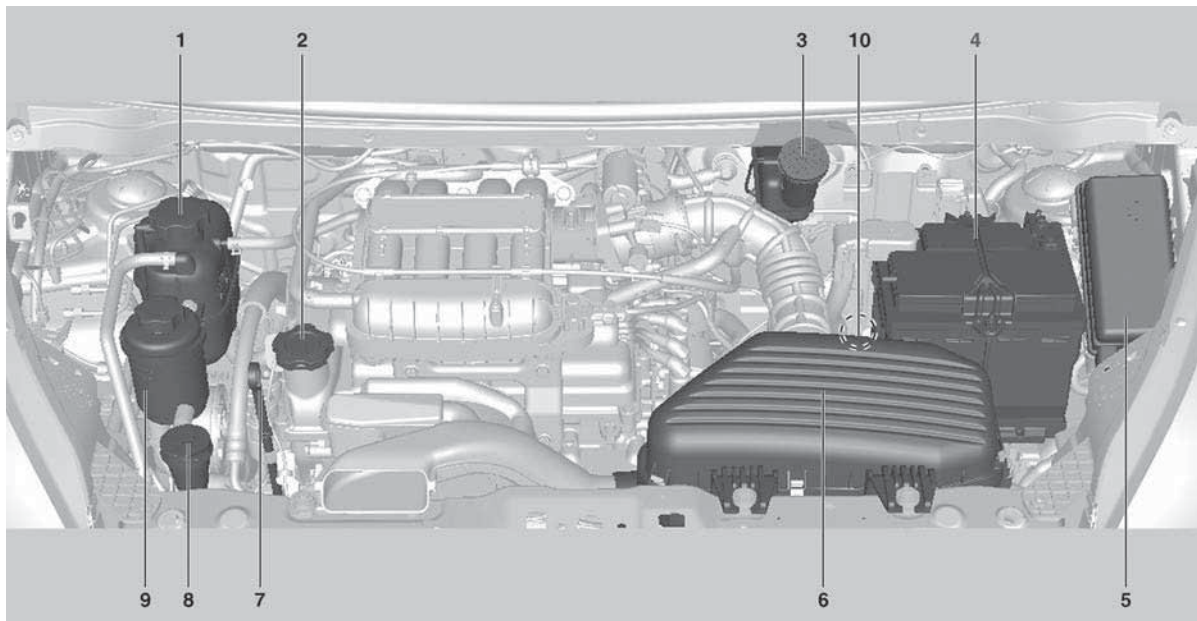
Luôn quan sát các điểm phòng ngừa sau: Kéo cạnh trước nắp ca rô để đảm bảo rằng nó đã được khóa an toàn trước khi bạn lái xe.

Không được kéo tay mở nắp ca rô khi xe đang chạy.

Không được lái xe khi nắp ca rô mở. Nắp ca rô mở sẽ làm hạn chế tầm nhìn của lái xe.

Lái xe khi nắp ca rô mở có thể gây ra va chạm, kết quả là hỏng xe và các đồ vật khác, gây chấn thương và thậm chí có thể chết người.

Tổng quan về khoang động cơ



1. Bình nước làm mát động cơ
2. Nắp dầu động cơ
3. Bình dầu phanh
- 4.Ắc quy
5. Khối cầu chì
6. Bầu lọc không khí
7. Que thăm dầu động cơ
8. Bình nước rửa kính
9. Bình dầu trợ lực lái
10. Que thăm nhớt mức dầu hộp số tự động

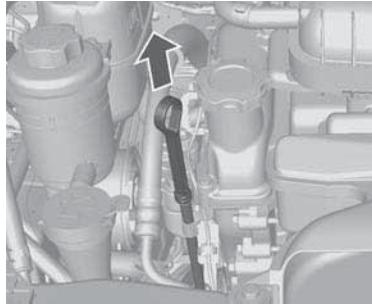
Dầu động cơ

Cần kiểm tra mức dầu động cơ trước khi bắt đầu một chuyến đi dài.

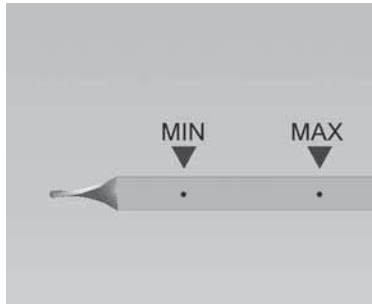
Kiểm tra mức dầu khi xe đỗ trên đường bằng. Động cơ phải đang ở nhiệt độ làm việc và đã được tắt sau ít nhất 5 phút.

Rút que thăm dầu lên, lau sạch, đưa que thăm dầu vào hết cỡ, rút ra và xem mức dầu động cơ trên que thăm.

Đưa que thăm dầu vào hết cỡ và xoay nửa vòng.

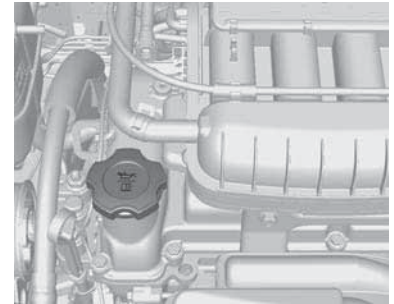


Khi mức dầu động cơ thấp hơn mức MIN , đổ thêm dầu động cơ.



Chúng tôi khuyến cáo sử dụng loại dầu động cơ giống loại được sử dụng ở lần thay dầu gần nhất.

Mức dầu động cơ không được vượt quá mốc MAX (Tối đa) trên que thăm dầu.



Nắp đỡ dầu động cơ đặt trên nắp trực cam.

Chú ý

Bạn phải thăm hết hoặc xả hết dầu động cơ bị tràn ra.

Dung lượng và độ nhớt. *Thông số kỹ thuật và thể tích ⇨ 185, Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng ⇨ 177.*

Cảnh báo

Dầu động cơ là chất gây rát và có thể khiến bạn bị bệnh hoặc tử vong nếu nuốt phải.

Giữ dầu tránh xa tầm với của trẻ em.

Tránh để dầu tiếp xúc với da kéo dài hoặc nhiều lần.

Rửa sạch vùng bị dính dầu bằng xà phòng và nước hoặc dung dịch rửa tay.

Cẩn trọng khi xả dầu động cơ, vì dầu còn nóng có thể khiến bạn bị bỏng!

Dầu hộp số tự động

Để đảm bảo chức năng, hiệu suất và độ bền của hộp số tự động, hãy đảm bảo rằng dầu hộp số luôn ở

mức thích hợp. Có quá nhiều hoặc quá ít dầu cũng có thể dẫn tới trục trặc.

Mức dầu phải được kiểm tra khi động cơ đang chạy và cần số ở vị trí P (Đỗ xe). Xe phải đạt mức nhiệt độ hoạt động bình thường và đỗ trên bề mặt bằng phẳng.

Dầu hộp số (70°C ~ 80°C (158°F ~ 176°F)) sẽ đạt mức nhiệt độ hoạt động bình thường sau khi lái xe.

Kiểm tra mức dầu hộp số tự động

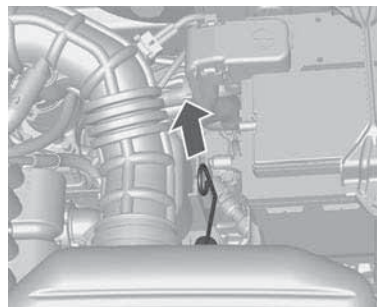
Nếu dầu bị bẩn hoặc đổi màu sau khi kiểm tra, hãy thay dầu hộp số tự động. Chỉ sử dụng dầu được chỉ định trong bảng danh sách dầu trình bày trong tài liệu hướng dẫn này.

Giảm mức dầu cho thấy tình trạng rò rỉ trong hộp số tự động. Nếu được ghi nhận, hãy tham vấn một xưởng sửa chữa để khắc phục vấn đề càng sớm càng tốt. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên sử dụng xưởng sửa chữa được ủy quyền.

Chú ý

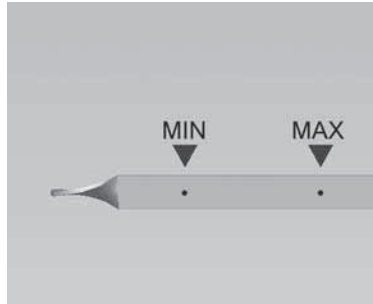
Chú ý không để bụi bẩn hoặc vật lạ làm nhiễm bẩn dầu hộp số.

Dầu bị nhiễm bẩn có thể làm cho hộp số tự động bị hỏng nghiêm trọng và dẫn tới việc phải sửa chữa xe khá tốn kém.



1. Khởi động động cơ.
2. Làm nóng động cơ cho đến khi nhiệt độ của dầu hộp số đạt xấp xỉ 70°C ~ 80°C (158°F ~ 176°F).

3. Di chuyển cần số từ vị trí "P" sang "1" và trở lại "P". Đợi trong vài giây tại mỗi vị trí đã chọn cho đến khi các số đã chọn được cài hoàn toàn.
4. Kéo que thăm nhót ra và lau sạch nó.
5. Lắp lại hoàn toàn que thăm nhót. Vào lúc này, nó không nên tiếp xúc với bất kỳ bộ phận nào khác.
6. Kéo que thăm nhót ra lần nữa.
7. Kiểm tra dầu trên que thăm nhót để đảm bảo rằng dầu không bị nhiễm bẩn.



8. Kiểm tra mức dầu. Dầu phải nằm giữa mức MIN (tối thiểu) và MAX (tối đa) trên que thăm nhót như hiển thị trong hình minh họa.
9. Nếu mức dầu ở dưới ngưỡng MIN, hãy thêm đủ ATF (dầu hộp số tự động) để nâng mức dầu lên mức MAX. Không đổ dầu quá mức MAX.

Chú ý

Lắp lại hoàn toàn que thăm nhót. Vào lúc này, nó không nên tiếp xúc với bất kỳ bộ phận nào khác.

Chú ý

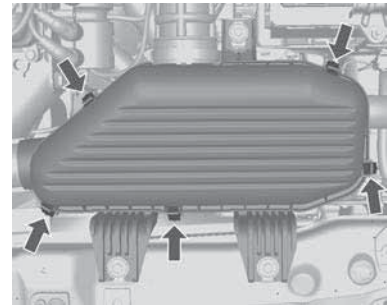
Quá nhiều dầu sẽ làm giảm khả năng hoạt động của xe.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Không đổ quá đầy dầu hộp số tự động.
Điều này có thể làm hỏng hộp số.

Bộ lọc/Bầu lọc gió động cơ



1. Tháo các kẹp gắn vào nắp bộ lọc không khí và mở nắp.
2. Thay bộ lọc không khí.
3. Khóa nắp với kẹp gắn vào nắp.

Chú ý

Động cơ cần không khí sạch để vận hành chính xác.

Không vận hành xe mà không lắp đặt chi tiết lọc không khí.

Lái xe không lắp chi tiết lọc không khí chính xác có thể làm hỏng động cơ xe của bạn.

Nước làm mát động cơ

Tại các quốc gia có khí hậu ôn hòa, nước làm mát mang đến ngưỡng bảo vệ đóng băng xuống khoảng -35°C.

Tại các quốc gia có khí hậu lạnh, nước làm mát cung cấp ngưỡng bảo vệ đóng băng xuống khoảng -50 °C.

Duy trì đủ nồng độ chất chống đóng băng.

Chú ý

Chỉ sử dụng chất chống đông đã được phê duyệt.

Mức nước làm mát

Chú ý

Mức nước làm mát quá thấp có thể làm cho động cơ bị hư hỏng.



Nếu hệ thống làm mát đang nguội, mức nước làm mát phải ở trên vạch đánh dấu để đổ. Đổ thêm nếu mức nước làm mát xuống thấp.

⚠ Cảnh báo

Hãy để động cơ nguội đi trước khi mở nắp. Mở nắp cẩn thận, để áp suất xả ra từ từ.

Đổ đầy hỗn hợp nước đã khử chất khoáng và chất chống đóng băng đã được phê duyệt dùng cho xe của bạn. Đóng chặt nắp. Đến xưởng sửa chữa để kiểm tra nồng độ chất chống đóng băng và khắc phục nguyên nhân gây tụt mức nước làm mát.

Lưu ý

Nếu mức nước làm mát giảm xuống dưới mức đánh dấu, hãy đổ đầy bộ tản nhiệt với hỗn hợp 50/50 nước đã khử khoáng và chất chống đóng băng phát-phát.

Để bảo vệ xe của bạn trong điều kiện thời tiết rất lạnh, hãy sử dụng hỗn hợp gồm 40% nước và 60% chất chống đóng băng.

Chú ý

Nước thường hoặc hỗn hợp không đúng tỉ lệ có thể làm hỏng hệ thống làm mát.

Không sử dụng nước thường, rượu hoặc chất chống đóng băng methanol trong hệ thống làm mát.

Động cơ có thể bị quá nóng hoặc phát cháy.

Chú ý

Nước làm mát có thể là chất liệu độc hại.

Tránh tiếp xúc lâu hoặc nhiều lần với nước làm mát.

Làm sạch da và móng tay của bạn với xà phòng và nước sau khi tiếp xúc với nước làm mát.

Giữ dầu tránh xa tầm với của trẻ em.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Nước làm mát có thể gây kích thích da và bạn có thể bị ốm hoặc tử vong nếu uống phải nước làm mát.

Chú ý

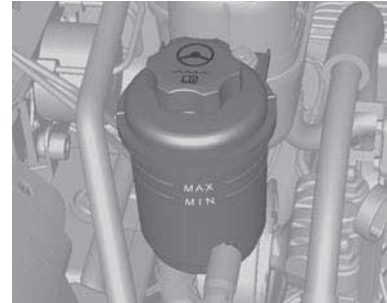
Không cần thiết phải nạp thêm nước làm mát thường xuyên hơn khoảng thời gian khuyến nghị.

Nếu bạn thêm nước làm mát thường xuyên, điều này cho thấy dấu hiệu động cơ của bạn cần bảo dưỡng.

Hãy liên hệ với xưởng sửa chữa để kiểm tra hệ thống làm mát.

Chúng tôi khuyến nghị bạn tham vấn xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn.

Dầu trợ lực lái



Mở nắp và tháo nó ra.

Mức dầu trợ lực lái phải nằm giữa mức MIN và MAX.

Đổ đầy nếu mức dầu trợ lực lái ở mức thấp.

Chú ý

Lượng chất bẩn rất nhỏ cũng có thể làm hỏng hệ thống đánh lái và khiến hệ thống này không hoạt động bình thường. Không để các

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

chất bẩn tiếp xúc với phía đổ dầu của nắp bình chứa/que thăm hoặc rơi vào bình chứa.

Chú ý

Không vận hành xe mà không có đủ lượng dầu trợ lực lái theo yêu cầu.

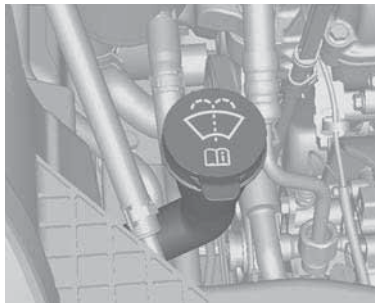
Làm như vậy có thể làm hỏng hệ thống trợ lực lái xe của bạn và dẫn tới việc phải sửa chữa xe khá tốn kém.

⚠ Cảnh báo

Dầu bị tràn có thể làm cho dầu bị cháy hoặc làm đổi màu các chi tiết sơn.

Không đổ quá đầy bình.

Cháy động cơ có thể gây ra thương tổn cá nhân, làm hỏng xe và các tài sản khác.

Nước rửa kính

Đồ đầy nước sạch trộn với một lượng nước rửa kính phù hợp chứa chất chống đóng băng. Để có tỉ lệ trộn chính xác, hãy tham khảo thông tin trên bình chứa nước rửa kính.

Chú ý

Chỉ có loại nước rửa kính có đủ nồng độ chống đóng băng mới mang đến sự bảo vệ tốt ở các mức nhiệt độ thấp hoặc khi nhiệt độ bất ngờ xuống thấp.

Để đổ đầy lại bình nước rửa kính chắn gió:

- Chỉ sử dụng nước rửa kính được hòa sẵn dành cho rửa kính bán trên thị trường.
- Không được sử dụng nước máy. Các khoáng chất có trong nước máy có thể làm tắc đường ống nước rửa kính chắn gió.
- Nếu nhiệt độ ngoài trời gần xuống dưới điểm đóng băng, bạn phải dùng nước rửa kính có đủ lượng chất chống đóng băng.

Dầu phanh**⚠ Cảnh báo**

Dầu phanh là chất độc và ăn mòn. Tránh để dung dịch trong ốc quy tiếp xúc với mắt, da, vải và các bề mặt được sơn.



Mức dầu phanh phải nằm giữa mức MIN và MAX.

Khi đổ thêm dầu phanh, cần đảm bảo vệ sinh tối đa, vì dầu phanh bị bẩn có thể dẫn tới hệ thống phanh bị hỏng. Nguyên nhân của việc thiếu dầu phanh phải được khắc phục bởi xưởng sửa chữa.

Chỉ được sử dụng loại dầu phanh đã được phê duyệt cho xe, Dầu phanh và dầu ly hợp. *Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng*
 ⇨ 177.

Chú ý

Hãy đảm bảo bạn sẽ làm vệ sinh kỹ xung quanh nắp bình dầu phanh trước khi tháo nắp bình.

Hệ thống dầu phanh bị bẩn có thể ảnh hưởng tới hiệu suất của hệ thống, dẫn tới việc phải sửa chữa khá tốn kém.

Dầu phanh bị tràn trên động cơ có thể làm cho dầu bị cháy.

Không đổ quá đầy bình.

Cháy động cơ có thể gây ra thương tổn cá nhân, làm hỏng xe và các tài sản khác.

Chú ý

Việc sử dụng dầu phanh không phải là loại do GM khuyến nghị có thể khiến các bộ phận của hệ thống phanh bị mòn. Tình trạng mòn có thể làm cho hệ thống phanh không hoạt động hiệu quả và dẫn đến va chạm.

Chú ý

Không vứt bỏ dầu phanh đã sử dụng cùng với rác thải gia đình.

Sử dụng cơ sở quản lý rác thải được ủy quyền tại địa phương.

Dầu phanh đã qua sử dụng và bình chứa là những đồ vật có chứa chất độc hại. Chúng có thể làm ảnh hưởng tới sức khỏe của bạn và môi trường xung quanh.

Dầu phanh rất cay và có thể gây kích thích da và mắt của bạn.

Không để cho dầu phanh tiếp xúc với da hoặc mắt của bạn. Nếu để dầu vào mắt, hãy ngay lập tức rửa kỹ vùng bị tiếp xúc cùng với nước và xả phòng hoặc dung dịch rửa tay.

Ắc quy

Bạn không cần bảo dưỡng ắc quy của xe, nếu cách lái xe cho phép ắc quy được sạc đầy đủ. Quãng đường lái ngắn và động cơ thường xuyên khởi động có thể xả điện của ắc quy. Tránh sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện không cần thiết.



Không cho pin vào sọt rác hàng ngày. Chúng cần được mang đến điểm thu gom để tái sinh.

Nếu bạn để xe không hoạt động trong hơn 4 tuần, ắc quy có thể bị xả điện. Tháo kẹp ra khỏi đầu cực âm của ắc quy xe.

Bạn phải tắt khóa điện trước khi lắp hay tháo ắc quy xe.

⚠ Cảnh báo

Giữ các vật liệu nóng sáng cách xa ắc quy để tránh gây nổ. Ắc quy nổ có thể gây ra hư hỏng cho xe và khiến bạn gặp thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Tránh để dung dịch trong ắc quy tiếp xúc với mắt, da, vải và các bề mặt được sơn. Dung dịch này có chứa axit sunphuaric, đây là chất có thể gây ra hư hỏng và thương tích nếu tiếp xúc trực tiếp. Trong trường hợp axit bắn lên da, phải rửa sạch vùng đó bằng nước và liên hệ ngay với y tế để được giúp đỡ.

Giữ dầu tránh xa tầm với của trẻ em.

Không nghiêng ắc quy đang mở.

Chống xả điện ắc quy trên xe. *Bảo vệ điện ắc quy* ⇨ 75.

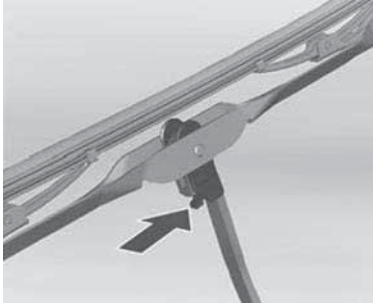


Ý nghĩa các ký hiệu:

- Không được phép có tia lửa, ngọn lửa trần hoặc hút thuốc.
- Luôn che mắt. Các khí gas phát nổ có thể dẫn tới việc bị mù hoặc bị thương.
- Giữ ắc quy xa khỏi tầm với của trẻ em.
- Ắc quy có chứa a-xít sun-phua-ric là chất có thể gây ra việc bị mù hoặc bị thương tổn bỏng nghiêm trọng.
- Hãy xem tài liệu Hướng dẫn cho Chủ xe để có thêm thông tin.

- Khí gas gây nổ có thể xuất hiện ở các khu vực xung quanh ốc quy.

Thay lưỡi gạt nước



Nâng cần gạt mưa lên. Ấn cần để nhả kẹp sau đó tháo lưỡi gạt nước ra.

Cần gạt nước kính chắn gió hoạt động bình thường là yếu tố thiết yếu để lái xe có tầm nhìn rõ ràng và lái xe an toàn. Thường xuyên kiểm tra tình trạng của lưỡi gạt nước. Thay những lưỡi gạt nước đã bị cứng, giòn, rạn nứt hoặc những lưỡi làm bẩn kính chắn gió khi gạt.

Đị vật bám trên kính chắn gió hay lưỡi gạt nước có thể làm ảnh hưởng đến hiệu quả của cần gạt. Nếu lưỡi gạt nước không hoạt động bình thường, hãy vệ sinh cả kính chắn gió bằng nước rửa loại tốt hoặc chất tẩy nhẹ. Rửa sạch bằng nước.

Lặp lại quy trình này nếu cần. Không thể làm sạch các vết silicôn trên bề mặt kính. Do vậy, không được lau kính chắn gió bằng chất đánh bóng có chứa silicôn, nó sẽ tạo ra các vết mờ và ảnh hưởng đến khả năng quan sát của lái xe.

Không dùng chất dung môi, xăng, dầu hỏa, hay chất pha sơn để làm sạch gạt mưa. Đây là những chất có tác dụng mạnh và có thể làm hỏng lưỡi gạt nước hay bề mặt được sơn.

Thay bóng đèn

Tắt khóa điện và các công tắc liên quan hoặc đóng các cửa lại.

Chỉ chạm vào phần đuôi của bóng đèn mới. Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn bằng tay trần.

Thay bóng mới đúng loại với cái bị cháy.

Thay bóng đèn pha từ bên trong khoang động cơ.

Lưu ý

Sau khi rửa xe hoặc lái xe qua cơn mưa to, một số ống kính của đèn ngoài xe có thể xuất hiện lớp sương.

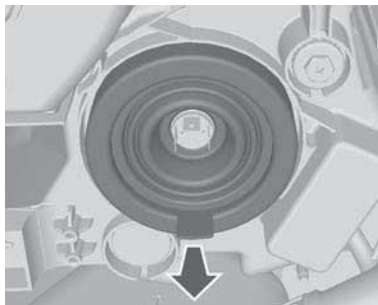
Tình trạng này là do có sự khác biệt nhiệt độ giữa phần bên trong và bên ngoài đèn. Điều đó cũng giống như hiện tượng ngưng tụ hơi nước bên trong kính cửa xe khi trời mưa và đó là một dấu hiệu bình thường đối với xe.

Nếu nước rò rỉ vào trong mạch của bóng đèn, hãy đưa xe đến kiểm tra tại xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn.

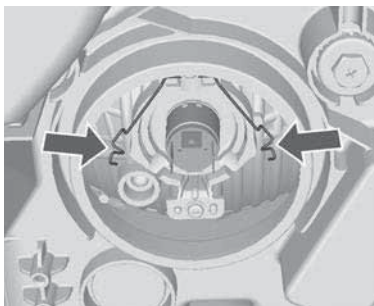
Đèn pha

Chiếu gần và chiếu xa

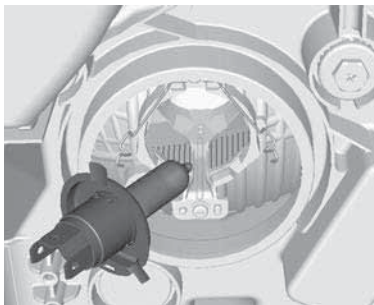
1. Tháo giắc nối khỏi bóng đèn.



2. Tháo nắp bảo vệ.



3. Ấn kẹp lò xo để tháo nó ra.



4. Tháo bóng đèn ra khỏi chóa đèn.

5. Khi lắp bóng đèn mới, gài các vấu lồi vào các rãnh trên chóa đèn.
6. Gài kẹp lò xo vào.
7. Lắp nắp bảo vệ đèn pha cốt vào vị trí và đóng lại.
8. Cắm giắc nối vào bóng đèn.

Cân đèn pha cốt

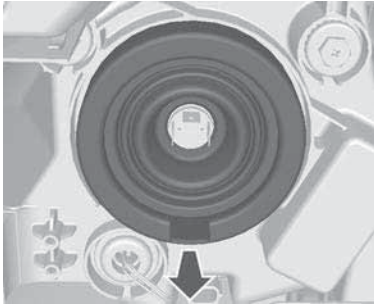
Cân đèn cốt có thể được điều chỉnh bằng ốc vít đặt ở phía trên đèn pha cốt.

Chú ý

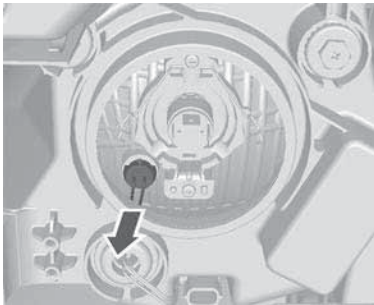
Nếu cần phải cân lại đèn pha, bạn nên đưa xe đến xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn để bảo trì, bởi vì điều này liên quan đến sự an toàn.

Đèn đõ xe

1. Tháo giắc nối khỏi bóng đèn.



2. Tháo nắp bảo vệ.



3. Tháo chuỗi đèn khỏi chóa đèn.



4. Tháo bóng đèn ra khỏi đui.

5. Lắp bóng đèn mới.

6. Lắp chuỗi bóng đèn vào chóa đèn.

7. Lắp nắp bảo vệ đèn pha cốt vào vị trí và đóng lại.

8. Cắm giắc nối vào bóng đèn.

Đèn sương mù

Thay bóng đèn ở các xưởng sửa chữa.

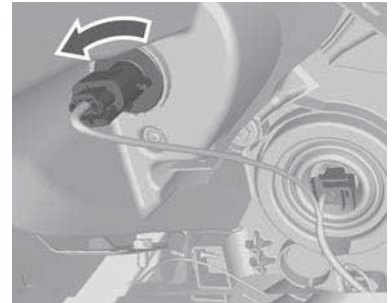
Cân bằng đèn sương mù

Cân đèn sương mù có thể được điều chỉnh bằng ốc vít đặt ở phía trên đèn sương mù.

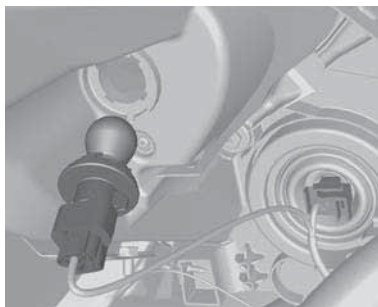
Chú ý

Nếu cần phải cân lại đèn sương mù, bạn nên đưa xe đến xưởng sửa chữa được ủy quyền của bạn để bảo trì, bởi vì điều này liên quan đến sự an toàn.

Đèn xi nhan trước



1. Xoay chuỗi bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và gỡ nó ra.

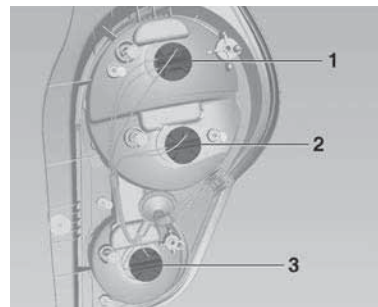


2. Ấn bóng đèn vào trong đui nhẹ nhàng, xoay nó ngược chiều kim đồng hồ, tháo ra và thay bóng đèn mới.
3. Đưa kẹp bóng đèn vào chóa đèn, xoay theo chiều kim đồng hồ để ăn khớp.

Đèn đuôi



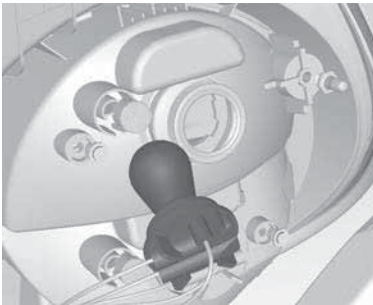
1. Tháo cả hai đinh vít.
2. Gỡ cả cụm đèn hậu. Chú ý giữ nguyên cụm dây điện.



3. Đèn hậu/đèn phanh (1)
Đèn xi nhan (2)
Đèn báo lùi (phía hành khách)/
đèn sương mù phía sau (phía
người lái) (3)



4. Xoay chuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ.

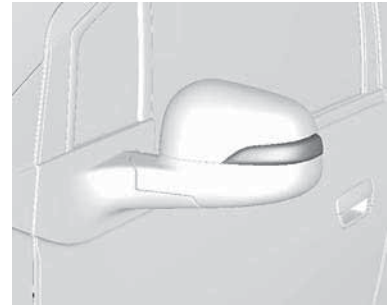


5. Tháo đui đèn ra. Ấn bóng đèn vào trong đui nhẹ nhàng, xoay ngược chiều kim đồng hồ, tháo ra và thay bóng đèn mới.
6. Lắp chuôi đèn vào cụm đèn sau và bắt ốc lại như cũ. Nối giắc cắm. Lắp cụm đèn hậu vào khung xe rồi vặn chặt ốc. Đậy các nắp và cài vào.
7. Mở khóa điện, bật và kiểm tra tất cả các đèn.

Đèn xi nhan sườn

1. Ấn đèn sườn về phía sau xe và tháo ra.
2. Xoay chuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ.
3. Tháo bóng đèn ra khỏi chuôi và thay bóng mới.
4. Lắp đèn theo thứ tự ngược lại.

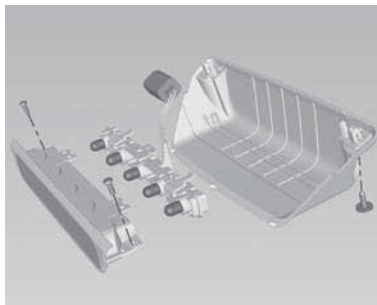
Các đèn xi nhan báo rẽ bên sườn xe



Thay bóng đèn ở các xương sửa chữa.

Đèn dùng xe giữa gắn trên cao (CHMSL)

Loại bóng đèn



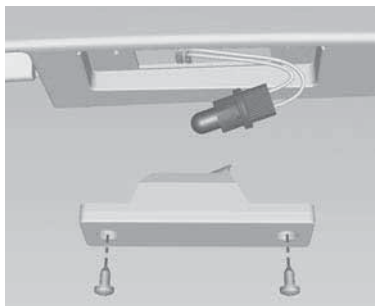
1. Mở cửa hậu.
2. Tháo hai ốc vít và chụp đèn. Tháo giắc cắm trước khi tháo chụp đèn.
3. Tháo hai ốc vít và cụm phản chiếu đèn.
4. Tháo bóng đèn bằng cách kéo nó thẳng ra ngoài khỏi bộ phận giữ bóng đèn.
5. Lắp bóng đèn mới.
6. Lắp lại chụp đèn.

Thay bóng đèn ở các xưởng sửa chữa.

Loại đèn LED

Thay bóng đèn ở các xưởng sửa chữa.

Đèn biển số



1. Tháo cả hai đinh vít.
2. Gỡ cụm đèn xuống, chú ý không kéo căng dây điện.
Xoay chuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ để gỡ nó ra.
3. Tháo bóng đèn ra khỏi chuôi và thay bóng mới.

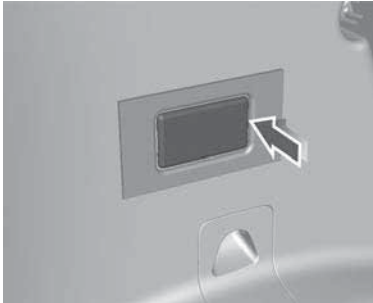
4. Lắp chuôi đèn vào và xoay theo chiều kim đồng hồ.
5. Lắp cụm bóng đèn vào và dùng tua vít vặn chặt lại.

Đèn trong xe

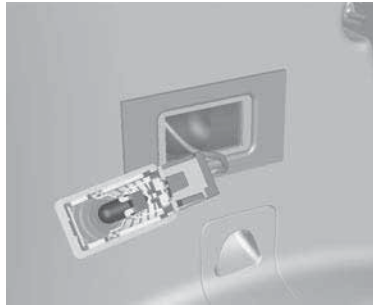
Đèn cửa xe

1. Để tháo đèn này, hãy cạy cạnh đối diện của công tắc đèn bằng một tua-vít cạnh dẹt. (Hãy cẩn thận tránh làm trầy xước.)
2. Tháo bóng đèn.
3. Thay bóng đèn.
4. Lắp lại cụm đèn.

Đèn khoang hành lý



1. Dùng tua vít cạy nhẹ đèn ra.



2. Tháo bóng đèn.
3. Lắp bóng đèn mới.
4. Lắp đèn.

Hệ thống điện

Cầu chì

Thông số của cầu chì thay thế phải tương ứng với các thông số của cầu chì hỏng.

Trong hộp ở trên cực dương ắc quy là một số cầu chì chính. Đèn xừng sửa chữa để thay nếu cần thiết.

Trước khi thay cầu chì, tắt các công tắc điện tương ứng và tắt khóa điện.

Cầu chì đã bị nổ nếu sợi dây của nó đã bị cháy ra. Không được thay cầu chì khi chưa khắc phục được nguyên nhân gây lỗi.

Có một số chức năng được bảo vệ bằng nhiều cầu chì.

Cầu chì cũng có thể được cài vào mà không tồn tại chức năng nào.

Kim nhỏ cầu chì

Kim nhỏ cầu chì có thể được đặt trong hộp cầu chì ở khoang động cơ.

Cặp kim nhỏ trên các loại cầu chì khác nhau từ phía trên hoặc bên cạnh và rút cầu chì ra.

Hộp cầu chì khoang động cơ.



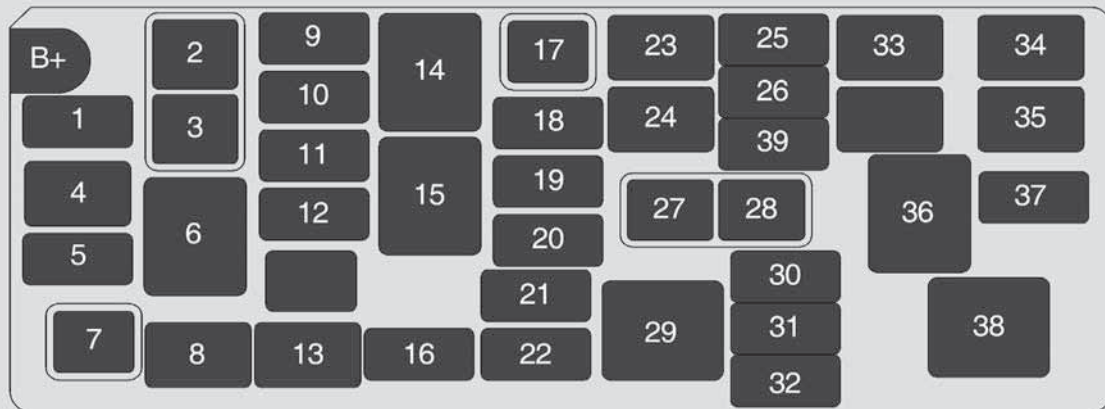
Hộp cầu chì nằm trong khoang động cơ.

Gỡ nắp đây, nâng nó lên và tháo ra.

Lưu ý

Không phải tất cả các mô tả về hộp cầu chì trình bày trong hướng dẫn sử dụng hướng dẫn này đều được áp dụng cho chiếc xe của bạn.

Khi kiểm tra hộp cầu chì, cần tham khảo nhãn dán trên hộp cầu chì.



Số Mạch

- 1 Bơm nhiên liệu
- 2 Rơ-le đèn đỗ xe
- 3 Rơ-le quạt tốc độ thấp
- 4 Quạt tốc độ cao
- 5 Điều hòa không khí
- 6 Rơ-le quạt tốc độ cao
- 7 Rơ-le điều hòa không khí
- 8 Hệ thống chống bó cứng bánh xe ABS 2
- 9 Đỗ xe LH
- 10 Đỗ xe RH
- 11 Đèn sương
- 12 Quạt tốc độ thấp
- 13 Hệ thống chống bó cứng bánh xe ABS 1
- 14 Rơ-le đèn sương
- 15 Rơ-le bơm nhiên liệu
- 16 Cầu chì dự phòng
- 17 Rơ-le đèn pha
- 18 Đèn pha
- 19 Đèn cốt LH

Số Mạch

- 20 Đèn cốt RH
- 21 Cầu chì dự phòng
- 22 Cầu chì dự phòng
- 23 Khóa điện 2 / bộ khởi động
- 24 Khóa điện 1 / phụ kiện
- 25 Đèn báo nguy
- 26 Còi
- 27 Rơ-le đèn cốt
- 28 Rơ-le còi
- 29 Rơ-le động cơ chính
- 30 Ổ khóa điện
- 31 EMS 1
- 32 EMS 2
- 33 Ấc quy bảng táp lô
- 34 -
- 35 Cửa sổ trước
- 36 Rơ-le cửa sổ trước
- 37 Mô đun điều khiển động cơ
- 38 -
- 39 Cầu chì dự phòng

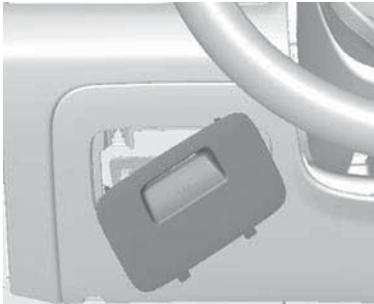
Hộp cầu chì bảng táp lô



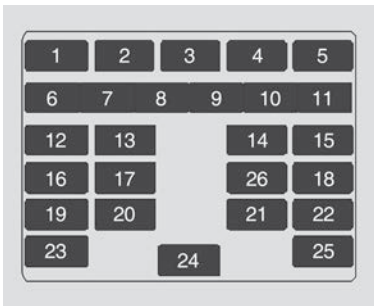
Hộp cầu chì bên trong đặt trên cạnh dưới của bảng táp lô phía người lái.



1. Mở cửa bảng cầu chì bằng cách kéo ra lên phía trên.



2. Tháo cửa bảng cầu chì theo đường chéo.



Số Mạch

- 1 Gạt mưa sau
- 2 Gương/gương chiếu hậu phía ngoài
- 3 Đèn pha
- 4 OSRVM (gương chiếu hậu phía ngoài) bằng điện
- 5 Khóa cửa
- 6 Cần gạt nước phía trước
- 7 –
- 8 Đèn báo lùi
- 9 Xi nhan
- 10 Bộ sấy kính phía sau
- 11 Đèn sương mù phía sau
- 12 Cụm đồng hồ
- 13 Mô đun điều khiển động cơ quạt gió
- 14 Túi khí
- 15 Đầu nối liên kết dữ liệu / chống trộm
- 16 Mô đun điều khiển hộp số
- 17 Kính điện sau

Số Mạch

- 18 Radio / thiết bị vào xe không cần chìa khóa từ xa / thiết bị vào xe từ xa
- 19 Mô đun điều khiển động cơ (ECM) / chống trộm
- 20 Thảm nhiệt
- 21 Hốc châm thuốc
- 22 Đèn phanh
- 23 Bộ khởi động
- 24 Radio / đồng hồ / thiết bị vào xe không cần chìa khóa từ xa / đèn nội thất
- 25 Túi khí
- 26 Đèn bên trong

Bộ đồ sửa xe

Dụng cụ

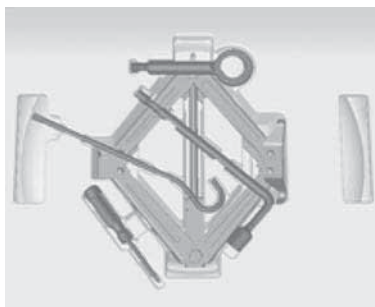
Những xe có bánh xe dự phòng

Kích và các dụng cụ được đặt trong khoang phía trên lốp dự phòng trong khoang chứa đồ.

Bánh xe dự phòng. *Lốp dự phòng nhỏ gọn* ⇨ 162.



Lốp dự phòng với kích cỡ đầy đủ
⇨ 163.



Bánh xe và lốp xe

Tình trạng lốp xe, bánh xe: Lái xe lên gờ thật chậm và đúng góc, nếu có thể. Lái xe qua những gờ sắc có thể làm hỏng lốp và bánh xe. Không để lốp xe bị kẹt vào lề đường khi đỗ xe.

Thường xuyên kiểm tra hư hỏng trên bánh xe. Liên hệ xưởng sửa chữa để được trợ giúp nếu bánh xe của bạn bị hỏng hoặc bị mòn khác thường.

Lốp dùng cho mùa đông

Lốp mùa đông sẽ cải thiện độ an toàn lái xe ở nhiệt độ dưới 7°C, vì vậy, lốp mùa đông nên được lắp vào tất cả các bánh xe.

Ký hiệu trên lốp

Ví dụ: 215/60 R 16 95 H

215 = Chiều rộng lốp, mm

60 = tỷ lệ mặt cắt (chiều cao lốp so với chiều rộng lốp), %

R = Loại đai an toàn: Hướng tâm

RF = Loại: Chạy khi xịt lốp

16 = Đường kính bánh xe, inch

95 = Chỉ mục tải ví dụ: 95 tương đương với 690 kg

H = Mã tốc độ bằng chữ cái

Mã tốc độ bằng chữ cái:

Q = tối đa 160 km/h (100 dặm/giờ)

S = tối đa 180 km/h (112 dặm/giờ)

T = tối đa 190 km/h (118 dặm/giờ)

H = tối đa 210 km/h (130 dặm/giờ)

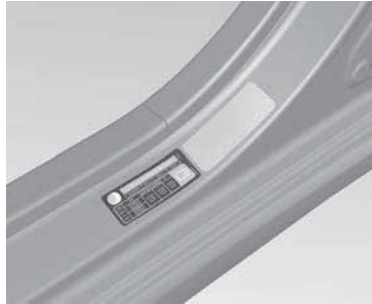
V = tối đa 240 km/h (150 dặm/giờ)

W = tối đa 270 km/h (168 dặm/giờ)

Áp suất lốp

Kiểm tra áp suất lốp khi lốp nguội ít nhất 14 ngày một lần và trước mỗi cuộc hành trình dài. Không được quên bánh xe dự phòng.

Tháo nắp van ra.



Áp suất lốp ⇨ 186 và trên tem dán trên khung cửa phía người lái.

Thông số áp suất lốp là ở trạng thái lốp nguội. Nó áp dụng cho lốp dùng cho mùa đông và mùa hè.

Luôn bơm lốp dự phòng đến áp suất lốp tiêu chuẩn ở chế độ đầy tải.

Áp suất lốp ECO giúp đạt được mức tiêu hao nhiên liệu nhỏ nhất có thể.

Áp suất lốp không đúng sẽ làm giảm an toàn, tính năng điều khiển xe, tiện nghi và độ tiết kiệm nhiên liệu, đồng thời nó cũng làm tăng độ mòn lốp.

⚠ Cảnh báo

Nếu áp suất quá thấp, tình trạng đó có thể dẫn đến lốp bị nóng lên đáng kể và hư hỏng bên trong, khiến bố lốp bị tách ra và thậm chí lốp bị nổ khi xe đạt tốc độ cao.

Chiều sâu bố lốp

Định kỳ kiểm tra chiều sâu bố lốp.

Lốp nên được thay thế vì lý do an toàn ở chiều sâu bố lốp là 2-3 mm (4 mm đối với lốp dùng cho mùa đông).

Vì lý do an toàn, chúng tôi khuyến cáo rằng chiều sâu bố lốp của các bánh xe trên một cầu xe không nên chênh quá 2 mm.



Chiều sâu bố lốp tối thiểu theo quy định (1,6mm) sẽ đạt đến khi mòn đến một trong các chỉ thị báo mòn lốp (TWI). Vị trí của chỉ báo mòn lốp được đánh dấu trên mặt cạnh của lốp.

Nếu lốp trước bị mòn nhiều hơn lốp sau, đảo bánh trước cho bánh sau. Đảm bảo chiều quay của các bánh xe giống như cũ.

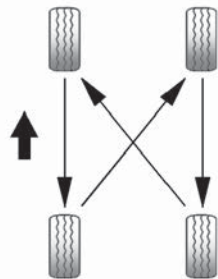
Lốp bị lão hóa ngay cả khi nó chưa được dùng đến. Chúng tôi khuyến cáo bạn thay lốp 6 năm một lần.

Đào Lốp xe

Bạn phải đảo lốp sau mỗi 12.000 km (7.500 dặm) để tất cả các lốp có độ mòn đồng đều hơn.

Đào lốp lần đầu tiên là quan trọng nhất.

Mỗi khi bạn nhận thấy có hiện tượng mòn bất thường, hãy đảo lốp sớm nhất có thể và kiểm tra việc chỉnh thẳng bánh xe. Đồng thời, hãy kiểm tra xem lốp hoặc bánh xe có bị hư hỏng không.



Khi đảo lốp, luôn sử dụng mô hình đảo lốp đúng được hiển thị ở đây. Không bao gồm lốp dự phòng trong

việc đảo lốp. Điều chỉnh lốp trước và sau tới áp suất bơm căng đã khuyến nghị trên nhãn Thông tin về tải trọng và lốp xe sau khi đảo lốp.

Kiểm tra tất cả các đai ốc của bánh xe xem có siết chặt thích hợp không.

⚠ Cảnh báo

Rỉ hoặc bụi trên bánh xe hoặc trên các bộ phận bạn siết đai ốc có thể khiến đai ốc bánh xe bị lỏng dần theo thời gian. Bánh xe có thể rơi ra và gây tai nạn. Khi thay bánh xe, hãy lau sạch bụi hoặc loại bỏ rỉ khỏi những nơi bánh xe được gắn vào xe. Trong trường hợp khẩn cấp, bạn có thể dùng vải hoặc cuộn giấy; tuy nhiên, sau đó hãy dùng dụng cụ nạo hoặc bàn chải kim loại để đánh sạch gỉ hoặc bụi bẩn.

Xoa một lớp mỡ bạc đệm bánh xe mỏng lên trục giữa của ổ trục bánh xe sau khi thay bánh hoặc đảo lốp để ngăn ngừa hiện tượng ăn mòn

hoặc gỉ tích tụ. Không bôi mỡ lên bề mặt phẳng gắn bánh hoặc lên bu lông hay đai ốc bánh xe.

Bánh xe và lốp có kích cỡ khác nhau

Nếu sử dụng lốp có kích thước khác với loại lắp bởi nhà sản xuất, có thể cần thiết phải lập trình lại đồng hồ tốc độ và áp suất lốp và thực hiện một vài thay đổi khác cho phù hợp.

Sau khi chuyển đổi sang lốp có kích thước mới, bạn phải thay đổi nhãn ghi áp suất lốp theo loại lốp mới.

Cảnh báo

Việc sử dụng các loại lốp hoặc bánh xe không phù hợp có thể dẫn đến tai nạn và sẽ làm mất đi những đặc tính vốn có của xe.

Cảnh báo

Không được sử dụng các chủng loại lốp, cỡ lốp và bánh xe khác với chi tiết nguyên bản trên xe. Việc đó có thể ảnh hưởng đến độ an toàn và hiệu năng của xe. Việc đó cũng có thể dẫn đến lỗi đánh lái, lật xe và thương tích nghiêm trọng. Khi thay lốp, hãy chắc chắn rằng bạn thay cả bốn lốp và bánh xe có cùng loại, kích cỡ, bố lốp, nhãn hiệu và khả năng chịu tải. Việc sử dụng lốp khác cỡ hoặc chủng loại cho bất kỳ bánh nào có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng chạy, khả năng điều khiển, khoảng sáng gầm xe, quãng đường phanh, khe hở hướng tâm và độ tin cậy của đồng hồ tốc độ.

Nắp chụp bánh xe

Phải sử dụng các ốp bánh xe và lốp được nhà sản xuất phê chuẩn cho loại xe tương ứng và đáp ứng các quy định về việc kết hợp bánh xe và lốp.

Nếu nắp chụp bánh xe và lốp được sử dụng không phải là loại đã được nhà sản xuất phê duyệt, thì bạn không được lắp tấm bảo vệ vành cho lốp.

Ốp bánh xe phải không ảnh hưởng đến chức năng làm mát phanh.

Cảnh báo

Sử dụng lốp hoặc nắp chụp bánh xe không thích hợp có thể gây ra hiện tượng mất áp suất đột ngột, từ đó dẫn đến tai nạn.

Căn chỉnh bánh và cân bằng lốp

Các lốp và bánh xe được căn chỉnh và cân bằng tại xưởng để đem lại tuổi thọ lốp cao nhất và hiệu năng tổng thể tốt nhất. Bạn sẽ không cần phải thường xuyên điều chỉnh để căn chỉnh bánh và cân bằng lốp.

Đôi khi, bạn cần chỉnh lại hệ thống treo và hệ thống đánh lái do sự xô lệch trong quá trình vận chuyển, đồng thời điều chỉnh cách thức lái xe của bạn và số lượng hành khách

và hành lý. GM khuyến nghị bạn nên lái xe đạt ít nhất 800 kilômét trước khi kiểm tra xe để kéo lại hệ thống lái. Tùy theo độ lồi của đường và/hoặc các yếu tố biến đổi khác của mặt đường, như chỗ lồi hay vệt bánh xe, hiện tượng hơi lệch sang phải hoặc trái là tình trạng bình thường. Do đó, bạn chỉ nên đề nghị xưởng kiểm tra mức căn chỉnh nếu xe bị kéo hẳn về một bên hay nếu bạn nhận thấy lốp mòn bất thường. Nếu xe rung lắc khi đang đi trên đường phẳng, thì bạn có thể cần cân bằng lại các lốp và bánh.

Hãy đưa xe đến xưởng sửa chữa được Chevrolet ủy quyền để có thông tin chẩn đoán thích hợp.

Thay bánh xe

Việc sử dụng nhiều loại lốp có thể gây ra tình trạng mất kiểm soát khi lái xe.

Nếu bạn sử dụng kết hợp các lốp khác kích cỡ, nhãn hiệu hay chủng loại (lốp có bố tỏa tròn và bố xiên), thì có thể bạn sẽ không điều khiển được xe bình thường và có thể bị va chạm. Sử dụng các lốp khác cỡ,

nhãn hiệu hay chủng loại cũng có thể gây hư hỏng cho xe của bạn. Hãy bảo đảm bạn sử dụng các lốp đúng cỡ, nhãn hiệu và chủng loại trên tất cả các bánh.

Chuẩn bị các mục sau và chú ý các thông tin sau:

- Kéo xe vào nơi an toàn tránh xa khỏi nơi có xe cộ đang lưu thông.
- Đỗ xe trên bề mặt phẳng, chắc chắn và không trơn trượt. Các bánh trước ở vị trí hướng thẳng phía trước.
- Kéo phanh tay và cài số 1 hoặc số lùi.
- Tắt động cơ và rút chìa khóa.
- Bật đèn nháy cảnh báo nguy hiểm.
- Đặt một miếng nêm, khối gỗ hoặc hòn đá chặn ở phía trước và phía sau lốp chéo với lốp bạn định thay.
- Tất cả hành khách phải xuống khỏi xe.
- Tháo bánh dự phòng.

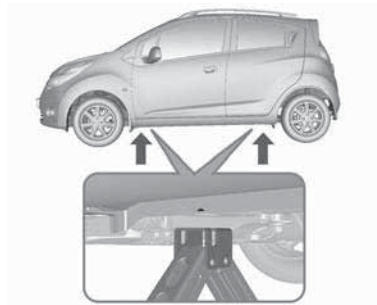
- Không được thay nhiều bánh một lúc.
- Chỉ dùng bộ kích này để thay bánh khi bị thủng lốp, không dùng để thay bánh theo mùa vào mùa đông hay mùa hè.
- Không để người hay vật nuôi trên xe khi đang kích xe lên.
- Sau khi kích xe lên, không được chui xuống dưới gầm xe.
- Không được khởi động động cơ khi chưa hạ kích xuống.
- Vệ sinh đai ốc và ren trước khi lắp bánh xe.



1. Dùng tua vít tháo các mũ đai ốc của bánh.



2. Gập thẳng cờ-lê và đưa nó vào đai ốc chắc chắn và rời các đai ốc ra nửa vòng một.



3. Xoay đòn kích để nâng đầu kéo lên một chút và đặt kích theo chiều dọc tại vị trí đã đánh dấu với nửa vòng tròn.



4. Gắn đòn kích vào kích và gắn chính xác cờ-lê vào đòn kích. Sau đó nâng kích gắn chặt với đầu kéo tại vị trí kích.



5. Xoay cờ-lê kiểm tra vị trí chính xác của kích cho đến khi bánh xe được nhấc lên khỏi mặt đất.
6. Tháo các đai ốc bánh xe ra.
7. Thay bánh xe.
8. Vận các đai ốc lại.
9. Hạ xe xuống.

10. Đưa cờ-lê vào đai ốc một cách chắc chắn và xiết lần lượt các đai ốc theo thứ tự đối diện nhau. Lực vặn là 140Nm.
11. Căn chỉnh lỗ van trên ốp bánh xe khớp với van của lốp trước khi lắp.
Lắp các nắp đai ốc bánh xe vào.
12. Xếp gọn bộ đồ sửa chữa và bánh xe đã thay ra. Để giảm tiếng lách cách, hãy xoay đầu ốc vít cho đến khi phần đầu và phần đuôi kích được ép hoàn toàn vào hộp dụng cụ sau khi đưa kích về vị trí ban đầu. Vào lúc đó, hãy bảo đảm rằng kích có khoảng hở nhất định cho bất kỳ dụng cụ xe nào. *Dụng cụ* ⇨ 156.
13. Kiểm tra áp suất của lốp vừa thay và lực siết đai ốc bánh xe sớm nhất có thể.
Đưa bánh xe bị hỏng đi sửa hoặc thay mới.

Xích ngăn trượt



Xích bọc lốp chỉ để dùng cho bánh trước.

Luôn sử dụng xích bọc lốp có mắt nhỏ, không quá 10mm so với bố lốp và các mắt bên trong (bao gồm cả khóa xích).

Cảnh báo

Hư hỏng có thể dẫn đến nổ lốp.

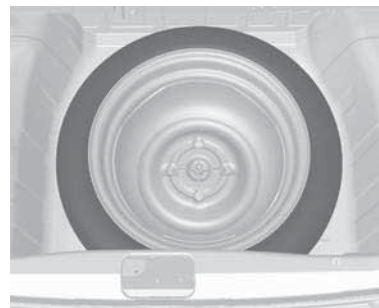
Lốp dự phòng nhỏ gọn

Bánh dự phòng kích cỡ nhỏ

Bánh dự phòng có thể được xem là một bánh xe tạm thời tùy theo kích thước của nó so với các bánh đang chạy cũng như quy định của mỗi quốc gia.

Bánh dự phòng có vành bằng thép.

Sử dụng một bánh dự phòng nhỏ hơn các bánh còn lại hoặc sử dụng cùng với các bánh có lốp mùa đông có thể gây ảnh hưởng đến khả năng lái. Thay lốp bị hỏng ngay khi có thể.



Bánh dự phòng được để ở trong khoang hành lý, bên dưới tấm lót sàn. Nó được giữ chặt trong hốc lõm dưới sàn bằng một đai ốc tai hồng.

Hốc đựng bánh dự phòng không được thiết kế vừa với tất cả lốp xe cho phép sử dụng. Nếu một chiếc lốp có chiều rộng lớn hơn bánh dự phòng được cất vào trong hốc chứa bánh dự phòng sau khi thay lốp, có thể để tấm trải sàn phủ lên trên.

Chú ý

Cụm lốp/bánh dự phòng này chỉ để sử dụng tạm thời trong trường hợp khẩn cấp.

Hãy thay chúng bằng cụm lốp/bánh thông thường sớm nhất có thể.

Không sử dụng xích lốp.

Không lắp bất kỳ loại lốp nào trên bánh xe này nếu nó không giống với loại ban đầu.

Không lắp trên các xe khác.

(tiếp tục)

Chú ý (tiếp tục)

Đặt mặt hợp kim của bánh xe lên trên.

Đặt mặt thép của bánh xe xuống dưới.

Bánh dự phòng tạm thời

Việc sử dụng bánh dự phòng tạm thời có thể ảnh hưởng đến khả năng điều khiển xe. Thay mới hoặc sửa chữa lốp bị hỏng sớm nhất có thể.

Chỉ được sử dụng một bánh dự phòng tạm thời. Không được lái xe quá 80 km/h (50 dặm/giờ). Lái cua vòng chậm. Không sử dụng trong một thời gian dài.

Xích ngăn trượt ⇨ 162.

Lốp dự phòng với kích cỡ đầy đủ

Bánh dự phòng với kích cỡ đầy đủ

Sử dụng một bánh dự phòng cùng kích cỡ với các bánh còn lại hoặc sử dụng cùng với lốp dùng cho mùa đông có thể gây ảnh hưởng đến khả năng lái. Thay lốp bị hỏng ngay khi có thể.



Bánh dự phòng được để ở trong khoang hành lý, bên dưới tấm lót sàn. Nó được giữ chặt trong hốc lõm dưới sàn bằng một đai ốc tai hồng.

Lốp có quy định hướng

Lắp lốp có quy định hướng sao cho chiều quay là chiều xe chuyển động tiến về phía trước. Chiều quay của lốp được chỉ rõ bằng một biểu tượng (ví dụ: một mũi tên) trên mặt cạnh của lốp.

Nếu bạn lắp lốp ngược với chiều quay quy định thì:

- Khả năng lái có thể bị ảnh hưởng. Thay mới hoặc sửa chữa lốp bị hỏng sớm nhất có thể.
- Không được lái xe quá 80 km/h (50 dặm/giờ).
- Lái xe đặc biệt cẩn thận trên đường ướt và đường bị tuyết phủ.

Khởi động bằng ắc quy trên xe khác

Không sử dụng bộ sạc nhanh để khởi động.

Khi bình ắc quy trên xe hết điện, có thể sử dụng dây nối ắc quy ngoài và ắc quy trên xe khác để khởi động.

Cảnh báo

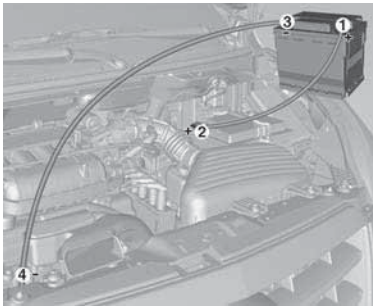
Hãy đặc biệt cẩn trọng khi sử dụng dây nối tắt. Việc không tuân thủ đúng hướng dẫn có thể dẫn đến thương tích hoặc hư hỏng do nổ ắc quy hay hư hỏng đối với hệ thống điện trên cả hai xe.

Cảnh báo

Tránh để mắt, da, các sợi vải hoặc các bề mặt sơn tiếp xúc với ắc quy. Dung dịch này có chứa axit sunphuaric, đây là chất có thể gây ra hư hỏng và thương tích nếu tiếp xúc trực tiếp.

- Không được để ắc quy gần ngọn lửa hay tia lửa.
- Ắc quy đã xả hết điện có thể bị đông cứng ở nhiệt độ 0 °C. Làm tan đông ắc quy bị đông cứng trước khi cắm dây sạc điện ắc quy.
- Đeo kính bảo vệ mắt và quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy.
- Dùng ắc-quy kích có cùng mức điện áp (12V). Điện lượng ắc quy (Ampe giờ) không được bé hơn điện lượng của ắc quy hết điện.
- Sử dụng dây sạc điện ắc quy có các đầu kẹp bọc cách điện và diện tích mặt cắt ít nhất là 16 mm².
- Không được tháo ắc quy hết điện ra khỏi xe.
- Tắt toàn bộ các thiết bị tiêu thụ điện trên xe.
- Không được nghiêng ắc quy trong khi khởi động bằng ắc quy trên xe khác.

- Không được để hai đầu kẹp của hai dây khác nhau chạm vào nhau.
- Hai xe không được chạm vào nhau trong quá trình khởi động bằng ắc quy trên xe khác.
- Sử dụng phanh tay, hộp số ở vị trí mo và hộp số tự động ở vị trí P.



Thứ tự nối dây nối:

1. Nối đầu dây đỏ vào cực dương của ắc quy kích.
2. Nối đầu còn lại của dây sạc đỏ vào cực dương của ắc quy hết điện.

3. Nối đầu dây đen vào cực âm của ắc quy kích.
4. Nối đầu dây còn lại của màu đen vào điểm đất của xe, như là thân máy hay bu lông chân máy. Nối ắc quy đã xả hết điện càng xa càng tốt, tuy nhiên ít nhất là 60 cm (2 foot).

Đi dây nối sao cho nó không bị chạm vào các phần chuyển động trong khoang động cơ khi nổ máy.

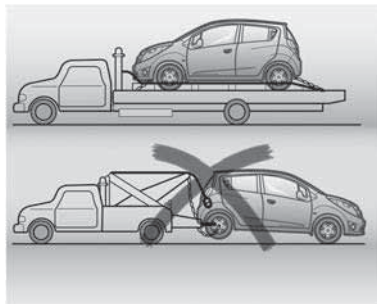
Để khởi động động cơ:

1. Trước hết khởi động động cơ trên xe cấp nguồn.
2. Sau 5 phút, khởi động động cơ xe hết ắc quy. Mỗi lần thử nổ máy không được lâu quá 15 giây và phải cách 1 phút mới được thử khởi động lại.

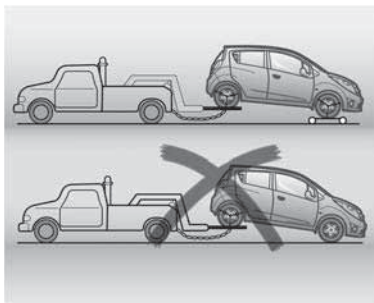
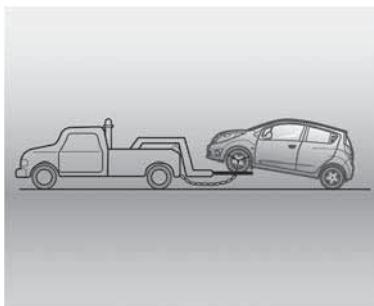
3. Để cả hai động cơ chạy không tải trong vòng 3 phút mà chưa rút dây nối.
4. Bật các thiết bị tiêu thụ điện (như là đèn pha, sấy kính) của xe khi đang được khởi động bằng ắc quy trên xe khác.
5. Tháo dây nối theo thứ tự ngược lại các bước trên.

Kéo xe

Nếu cần phải kéo xe của bạn, hãy sử dụng mạng lưới dịch vụ của chúng tôi hoặc một dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp.



Cách tốt nhất là dùng xe cứu hộ chở xe của bạn.

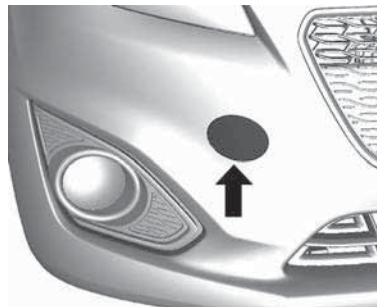


Nếu kéo xe bằng 2 bánh, nâng hai bánh lái trước lên và kéo đi khi các lốp trước đã được khóa.

Hãy xem các bước hướng dẫn sau khi bạn kéo xe:

- Không để hành khách ngồi trên xe được kéo.
- Nhả phanh tay của xe được kéo và cài hộp số về số mo.
- Bật đèn báo nguy.
- Chạy dưới tốc độ giới hạn.

Nếu không thể tìm được xe dắt để kéo xe của bạn, hãy thực hiện các bước sau:



Gỡ dây cáp dưới đáy và tháo nó xuống phía dưới.

Móc kéo được để cùng với bộ đồ sửa xe. *Dùng cụ* ⇨ 156.



Vặn móc kéo vào sâu hết cỡ đến khi nó dừng ở vị trí nằm ngang.

Móc dây kéo - hoặc tốt hơn là thanh kéo - vào móc kéo.

Móc kéo chỉ được dùng để kéo xe trên đường và không được dùng để cứu xe bị sa lầy.

Bật khóa điện để mở khóa vô lăng và cho phép đèn phanh, còi, và gạt nước kính chắn gió hoạt động.

Hộp số ở vị trí số không.

Chú ý

Lái xe chậm rãi. Không được lái xe giật cục. Lực kéo lớn quá có thể làm hỏng xe.

Khi động cơ không làm việc, lực đạp phanh và xoay vô lăng sẽ phải lớn hơn đáng kể.

Để tránh khí xả lọt vào xe được kéo, bật chế độ tái lưu thông không khí và đóng kín các cửa kính.

Xe số tự động: Không kéo xe bằng lỗ móc kéo.

Việc kéo xe bằng dây kéo có thể làm hỏng nghiêm trọng hộp số tự động. Khi kéo xe có hộp số tự động, hãy sử dụng thiết bị nâng bánh hoặc sàn phẳng.

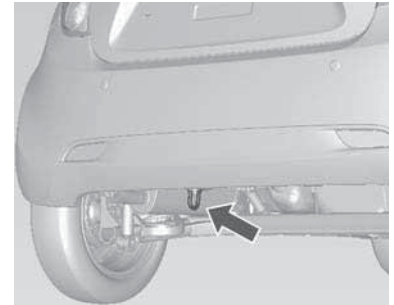
Xe có hộp số sàn: Phải kéo xe quay mặt về phía trước, không kéo nhanh hơn 88 km/h (55 dặm/giờ). Trong tất cả các trường hợp khác và khi hộp số bị hỏng, cụm cầu trước phải trực tiếp nâng lên khỏi mặt đất khi kéo..

Mang xe đến xưởng sửa chữa.

Sau khi kéo, tháo móc kéo ra.

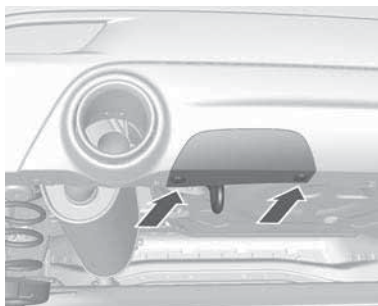
Lắp nắp chụp vào đáy và đóng nắp. Cách tốt nhất là dùng xe cứu hộ chờ xe của bạn.

Kéo xe khác



Lỗ móc xích kéo xe phía sau được đặt ở dưới thanh cản sau.

Móc kéo chỉ được dùng để kéo xe trên đường và không được dùng để cứu xe bị sa lầy.



Nếu xe của bạn có nắp che thanh cản sau phía trước lỗ móc xích kéo xe phía sau, hãy tháo hai kẹp ra khỏi nắp đó. Tháo nắp bằng cách kéo ra phía sau.

Sau khi kéo xe, lắp lại nắp chắc chắn.

Chú ý

Lái xe chậm rãi. Không được lái xe giật cục. Lực kéo lớn quá có thể làm hỏng xe.

Chăm sóc bề ngoài

Chăm sóc bên ngoài

Khóa

Các khóa được bôi trơn tại nhà máy bằng mỡ chất lượng cao cho trụ khóa. Chỉ sử dụng chất làm tan băng khi thực sự cần thiết, vì chất này làm tẩy mất mỡ bôi trơn và ảnh hưởng đến chức năng của khóa. Sau khi sử dụng chất làm tan băng, cần đến xưởng sửa chữa để tra mỡ các ổ khóa.

Rửa xe

Lớp sơn xe của bạn luôn phải trực tiếp chịu các tác động từ môi trường bên ngoài. Rửa và phủ sáp cho xe của bạn thường xuyên. Khi sử dụng dịch vụ rửa xe tự động, lựa chọn thêm chế độ phủ sáp.

Phân chim, xác côn trùng, nhựa cây, phấn hoa và các chất tương tự cần phải được rửa sạch ngay, vì chúng có chứa các hợp chất xâm thực có thể làm hư hỏng lớp sơn xe của bạn.

Nếu sử dụng dịch vụ rửa xe, cần tuân theo hướng dẫn rửa xe của nhà sản xuất. Tắt gạt mưa kính chắn gió và kính hậu. Khóa xe để không thể mở nắp khóa chỗ đỗ xăng. Tháo ăng-ten và các phụ kiện lắp thêm bên ngoài, ví dụ như giá buộc hàng nóc xe v.v.

Nếu bạn rửa xe bằng tay, chú ý rửa sạch cả mặt trong của khoang vành bánh xe.

Lau sạch các cạnh và chỗ gập trên cửa và nắp ca bô khi đang mở cũng như các khu vực bị chúng che khuất.

Đến xưởng sửa chữa để tra dầu mỡ bôi trơn vào các bản lề cửa.

Không rửa khoang động cơ bằng cách phụt dung dịch rửa dạng tia hơi hoặc tia áp suất cao.

Rửa kỹ xe và các đồ bọc da trên xe. Thường xuyên rửa các đồ bọc da. Sử dụng các miếng da riêng cho các bề mặt kính và bề mặt sơn: lớp sáp thừa trên kính sẽ ảnh hưởng đến tầm nhìn.

Không dùng vật cứng để làm sạch các vết nhựa bám vào. Dùng bình xịt chất tẩy rửa nhựa bám trên bề mặt sơn.

Xe có dán đề can

Vui lòng không rửa xe trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được xe để đảm bảo đề can đạt độ dính thích hợp.

Khi vệ sinh bằng nước cao áp hoặc rửa xe bằng vòi phun tia, hãy bảo đảm giữ khoảng cách tối thiểu là 20 cm (8 inch) và không tập trung nước vào một điểm trong hơn 1 giây. Nếu không, tấm đề can có thể bị hư hỏng.

Đèn ngoài xe

Nắp che đèn đầu và các đèn khác được làm bằng nhựa. Không sử dụng các hóa chất ăn da hoặc mài mòn, không sử dụng dụng cụ cạo băng, và không lau chùi đèn khi đang khô.

Khi loại bỏ xác côn trùng, vết mỡ bẩn hay nhựa đường khỏi đèn hoặc ống kính, bạn chỉ nên sử dụng nước hơi ấm, vải mềm và xà phòng rửa xe.

Việc vệ sinh bằng vải khô có thể làm hỏng vỏ đèn. Không vệ sinh bằng dung dịch rửa xe đậm đặc. Tránh sử dụng chất tẩy rửa nguy hiểm khi đèn được bật. Việc này có thể khiến ống kính bị nứt do phản ứng hóa học.

Lưu ý

Tuân thủ hướng dẫn rửa xe và sử dụng chất tẩy rửa dịu nhẹ. Nếu không, ống kính nhỏ và mối hàn có thể bị nứt. Không được sử dụng bất kỳ chất nào dưới đây để vệ sinh:

- axeton
- benzen
- toluen
- xylen
- chất pha loãng

Đánh bóng và phủ sáp

Phủ sáp xe thường xuyên (muộn nhất là khi nước không còn đọng lại). Nếu không, mặt sơn sẽ bị khô.

Chỉ cần đánh bóng khi mặt sơn bị mờ đục hoặc lớp cặn cứng dính lại trên mặt sơn.

Việc đánh bóng mặt sơn bằng silicôn giúp tạo ra một lớp bảo vệ và lúc đó, bạn không cần phủ sáp nữa.

Không dùng chất đánh bóng và sáp cho các bộ phận bằng nhựa trên thân xe.

Lưỡi gạt cản gạt mưa trên kính cửa và kính chắn gió

Sử dụng vải mềm không xơ hoặc da dê cùng với nước rửa kính và chất tẩy côn trùng để lau.

Khi vệ sinh cửa kính sau, cẩn thận để không làm hỏng lõi sườn bên trong.

Để phá băng bằng máy, hãy dùng dụng cụ cạo băng có lưỡi sắc. Ấn chắc chắn dụng cụ cạo băng lên mặt kính để chất bẩn không còn lọt phía dưới và làm xước kính.

Vệ sinh lưỡi gạt nước bằng vải mềm và nước rửa kính.

Bánh xe và lốp xe

Không sử dụng nước tẩy rửa phun với áp suất cao.

Rửa nan vành bánh bằng nước tẩy trung tính.

Vành bánh đã được sơn và có thể dùng chất rửa giống như với thân xe.

Lớp sơn bị hỏng

Sửa các vết hỏng sơn nhỏ bằng bút sửa sơn trước khi bị rỉ. Các hư hỏng hay các bề mặt bị rỉ lớn cần được sửa chữa tại xưởng sửa chữa.

Bộ thân và gói đặc biệt

- Hãy cẩn thận khi kéo xe để tránh các hư hỏng do dây kéo. Tháo nắp trong thanh cản trước khi kéo xe.
- Khoảng sáng gầm xe giảm. Lái xe chậm qua các bờ dốc, ổ gà hay lề đường.
- Sử dụng vật đỡ khi nâng xe.
- Để tránh hỏng hoặc bị vỡ phần thân xe, chúng tôi khuyến nghị bạn nâng hoàn toàn xe lên trên xe cứu hộ khi vận chuyển xe.

Gầm xe

Các chất ăn mòn được sử dụng để gỡ đá và tuyết hoặc kiểm soát bụi có thể đọng lại trên gầm xe của

bạn. Việc không loại bỏ những chất này có thể làm tăng nhanh sự ăn mòn và rỉ sét.

Định kỳ sử dụng nước sạch để xả sạch các chất này từ gầm xe.

Chú ý làm sạch bất kỳ khu vực nào mà bùn và các mảnh vụn khác có thể đọng lại. Làm lỏng bất kỳ các chất cặn đóng ở những khu vực kín trước khi xả nước.

Chăm sóc bên trong

Nội thất và vải bọc nội thất

Chỉ làm sạch nội thất xe, bao gồm bảng táp lô và ốp cửa và sườn, bằng vải khô và nước tẩy rửa nội thất.

Chỉ lau sạch bằng táp lô bằng một miếng vải mềm ẩm.

Vệ sinh vải bọc bằng máy hút bụi và bàn chải. Làm sạch vết bẩn bằng nước tẩy rửa vải bọc nội thất.

Sợi vải có thể không bền màu. Điều này có thể gây ra tình trạng phai màu dễ thấy, đặc biệt là trên lớp

bọc ngoài có màu nhạt. Các vết bẩn và phai màu có thể loại bỏ nên được làm sạch càng sớm càng tốt.

Vệ sinh dây an toàn bằng nước ấm hay nước tẩy rửa nội thất.

Chú ý

Đậy miếng dán Velcro trên quần áo lại, vì nếu miếng dán Velcro hở có thể làm hư hỏng bọc ghế.

Các chi tiết bằng nhựa và cao su

Để vệ sinh các chi tiết nhựa và cao su, có thể sử dụng nước tẩy rửa giống loại dùng cho thân xe. Sử dụng nước tẩy rửa nội thất nếu cần thiết. Không sử dụng chất nào khác. Đặc biệt không được sử dụng dung môi và xăng. Không sử dụng nước tẩy rửa phun với áp suất cao.

Bảo trì và bảo dưỡng

Thông tin chung

Thông tin bảo trì 171

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung 171

Bảo dưỡng định kỳ

Bảo dưỡng định kỳ 173

Dung dịch, chất bôi trơn và phụ tùng được khuyến dùng

Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng 177

Thông tin chung

Thông tin bảo trì

Để đảm bảo xe của bạn vận hành an toàn và tiết kiệm và để duy trì giá trị của chiếc xe, việc bảo dưỡng xe đúng cách và theo đúng định kỳ được quy định là rất quan trọng.

Lịch bảo dưỡng cập nhật, chi tiết cho xe của bạn có sẵn tại xưởng sửa chữa.

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung

Các điều kiện vận hành khắc nghiệt

Các điều kiện vận hành khắc nghiệt xuất hiện khi có ít nhất một trong những tình trạng sau đây xuất hiện thường xuyên:

- lái xe trên quãng đường ngắn dưới 10 km (5 dặm) nhiều lần.
- chạy không tải lâu và/hoặc lái xe tốc độ thấp trong tình trạng lưu thông thường xuyên đi-dừng trên đường.
- lái xe trên đường nhiều bụi bẩn.
- lái xe trên các địa hình đồi hoặc núi.
- kéo rơmoóc.
- lái xe trong tình trạng lưu thông đông đúc ở thành phố, nơi nhiệt độ bên ngoài thường đạt 32°C trở lên.
- lái xe như xe taxi, cảnh sát hay xe chờ hàng.

- thường xuyên lái xe khi nhiệt độ bên ngoài dưới mức đóng băng.

Xe cảnh sát, taxi và xe trường học cũng được xếp vào loại các xe vận hành trong điều kiện khắc nghiệt.

Trong các điều kiện vận hành khắc nghiệt, bạn có thể cần lên kế hoạch bảo dưỡng nhất định thường xuyên hơn so với khoảng thời gian được lên kế hoạch thông thường.

Xin ý kiến chuyên gia kỹ thuật về các yêu cầu bảo dưỡng tùy thuộc vào các điều kiện vận hành cụ thể.

Bảo dưỡng định kỳ

Lịch bảo trì

○ : Kiểm tra các mục này và chi tiết liên quan. Nếu cần, chỉnh sửa, vệ sinh, bổ sung, điều chỉnh hoặc thay.

● : Thay hoặc thay đổi.

Hoạt động bảo trì	theo năm (1)	1	2	3	4
	km (x 1.000) (1)	15	30	45	60
	dặm (x 1.000) (1)	10	20	30	40
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ THẢI					
Đai dẫn động (2)	Xem dấu (2) bên dưới				
Dầu động cơ & bộ lọc dầu động cơ (3)	●	●	●	●	●
Đường ống & đầu nối của hệ thống làm mát	○	○	○	○	○
Nước làm mát động cơ (4)	○	○	○	○	○
Đầu nối & đường ống nhiên liệu	○	○	○	○	○
Lõi lọc gió (5)	○	○	○	○	●
Bugì	○	●	○	●	●
Cáp đánh lửa	○	○	●	○	○
Khe hở xupáp (6)	Kiểm tra sau mỗi 160.000 km (100.000 dặm) hoặc 10 năm. Điều chỉnh, nếu cần.				
Bầu lọc than hoạt tính & đường hóa hơi			○		

Hoạt động bảo trì	theo năm (1)	1	2	3	4
	km (x 1.000) (1)	15	30	45	60
	dặm (x 1.000) (1)	10	20	30	40
Hệ thống PCV			○		○
Xích cam	Thay sau mỗi 250.000 km hoặc 10 năm				
KHUNG GÀM VÀ THÂN XE					
Lọc gió (A/C) (7)	Thay sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng				
Ông xả & giá bắt	○	○	○	○	○
Dầu phanh (8)	○	●	○	○	●
Đĩa & bố phanh trước (9)	○	○	○	○	○
Trống & đai phanh sau (9)	○	○	○	○	○
Phanh tay	○	○	○	○	○
Đường dầu phanh & đầu nối (kể cả bộ trợ lực)	○	○	○	○	○
Ổ bi moayơ sau & khoảng hở	○	○	○	○	○
Dầu hộp số sàn (10)	Thay sau mỗi 160.000 km hoặc 10 năm				
Độ rơ của bàn đạp phanh & ly hợp	○	○	○	○	○
Siết chặt/cố định đai ốc & bulông khung gầm và gầm xe	○	○	○	○	○
Dầu hộp số tự động (11)	○	○	○	○	○
Tình trạng & áp suất lốp (12)	Xem dấu (12) bên dưới				

Hoạt động bảo trì	theo năm (1)	1	2	3	4
	km (x 1.000) (1)	15	30	45	60
	dặm (x 1.000) (1)	10	20	30	40
Đào lốp	Đào sau mỗi 12.000 km				
Chỉnh thẳng bánh xe (13)	Kiểm tra khi nhận thấy có tình trạng bất thường				
Vô lăng và đòn lái	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Đường ống & dầu trợ lực lái	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Mũ bịt trục dẫn động	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Đai an toàn, khóa cài & móc neo	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Bôi trơn khóa, bản lề & chốt khóa nắp capô	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

(1) Tùy theo điều kiện nào đến trước.

(2) Kiểm tra/điều chỉnh độ căng của đai trong vòng 6 tháng hoặc 5.000 km sau khi lắp đai mới hoặc sau khi mua xe. Sau đó, kiểm tra sau từng năm hoặc sau mỗi 15.000 km.

(3) Nếu bạn lái xe trong các điều kiện khắc nghiệt: lái xe trên quãng đường ngắn, chạy không tải kéo dài hoặc lái xe trong môi trường nhiều bụi, hãy thay dầu động cơ và bộ lọc sau mỗi 7.500 km hoặc 6 tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

(4) Thay sau mỗi 240.000 km hoặc 5 năm. (Chỉ sử dụng Dexcool)

(5) Kiểm tra sau mỗi 7.500 km hoặc 6 tháng nếu lái xe trong điều kiện nhiều bụi. Nếu cần, chỉnh sửa, vệ sinh hoặc thay.

(6) Kiểm tra và điều chỉnh khi có tiếng ồn xu páp hoặc động cơ rung.

(7) Xe phải được bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu hoạt động trong môi trường nhiều bụi.

(8) Thay dầu phanh sau mỗi 15.000 km nếu bạn lái xe chủ yếu trong các điều kiện khắc nghiệt:

- Lái xe trên các địa hình đồi hoặc núi, hoặc
- Kéo theo rơ moóc thường xuyên.

(9) Xe phải được bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu hoạt động trong các điều kiện khắc nghiệt: chạy trên quãng đường ngắn, chạy không tải kéo dài, thường xuyên hoạt động ở tốc độ thấp trong luồng giao thông đông đúc hay chạy trong điều kiện nhiều bụi.

(10) Kiểm tra sau mỗi 40.000 km hoặc 2 năm. Đổ đầy hoặc thay, nếu cần.

(11) Thay sau mỗi 75.000 km nếu bạn lái xe chủ yếu trong các điều kiện khắc nghiệt:

- Lái xe trên đường nhiều bụi bẩn, hoặc
- Lái xe trên các địa hình đồi hoặc núi, hoặc
- Lái xe trong tình trạng lưu thông đông đúc ở thành phố, nơi nhiệt độ bên ngoài thường đạt 90°F (32°C) trở lên, hoặc
- Lái xe như xe taxi, cảnh sát hay xe chờ hàng

(12) Bạn nên kiểm tra tình trạng lốp trước khi lái xe, và kiểm tra áp suất lốp mỗi khi bơm nhiên liệu hoặc ít nhất là một lần mỗi tháng bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

(13) Nếu cần, đảo và cân bằng bánh xe.

Dung dịch, chất bôi trơn và phụ tùng được khuyến dùng

Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng

Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng

Chỉ sử dụng các sản phẩm đã được kiểm nghiệm và phê chuẩn. Hư hỏng do sử dụng các loại vật liệu chưa được phê chuẩn sẽ không nằm trong danh mục được bảo hành.

 **Cảnh báo**

Các vật liệu được sử dụng rất nguy hiểm và có thể có độc. Thận trọng khi xử lý. Chú ý đến thông tin được in trên bình chứa.

Dầu động cơ

Dầu động cơ được nhận biết bằng chất lượng và độ nhớt của nó. Chất lượng là tiêu chí quan trọng hơn độ nhớt khi bạn lựa chọn loại dầu động cơ.

Chọn dầu động cơ phù hợp

Việc chọn dầu động cơ thích hợp phụ thuộc vào cả thông số kỹ thuật phù hợp của dầu và độ nhớt.

Chất lượng dầu động cơ

- dexos1, dexos2
- API SM , ACEA A3/B3: Tùy chọn cho động cơ Thế hệ 1 (Không dùng cho động cơ Thế hệ 2)

Thông số kỹ thuật

Sử dụng và yêu cầu mua dầu động cơ được cấp phép, có dấu chứng nhận dexos™. Dầu động cơ đáp ứng được các yêu cầu cho xe phải có dấu chứng nhận dexos™. Dấu chứng nhận này biểu thị rằng loại dầu đó đạt được các thông số kỹ thuật dexos™.

Động cơ trong chiếc xe của bạn được đổ dầu động cơ đạt mức dexos™ tại nơi xuất xưởng. Chỉ sử dụng dầu động cơ đạt thông số kỹ thuật dexos™ hoặc loại dầu động cơ tương đương, có độ nhớt thích hợp. Việc không dùng đúng loại dầu động cơ được khuyến nghị có thể gây ra những hỏng hóc động cơ không được bao trả theo bảo hành cho xe.

Nếu bạn không chắc rằng loại dầu đang dùng đạt được thông số kỹ thuật dexos™, hãy tham vấn nhà cung cấp dịch vụ.

Nếu bạn không biết loại động cơ trên xe, hãy tham vấn hãng sửa chữa được ủy quyền của bạn.

Độ nhớt của dầu động cơ cho Thế hệ 1

Độ nhớt SAE cho biết thông tin về độ đặc của dầu.

Loại dầu có nhiều độ nhớt được biểu thị bằng hai số:

Số đầu tiên, đứng trước W, biểu thị độ nhớt ở nhiệt độ thấp và số thứ hai là độ nhớt ở nhiệt độ cao. SAE 5W-30 là độ nhớt thích hợp nhất

cho xe của bạn. Không sử dụng những loại dầu có độ nhớt khác như SAE 20W-50.

Hoạt động ở nhiệt độ thấp đối với Hệ hệ 1

- Đến -25 °C trở xuống:
0W-30, 0W-40
- Đến -25 °C: 5W-30, 5W-40
- Đến -20 °C: 10W-30, 10W-40

Định mức độ nhớt SAE xác định khả năng chảy của dầu. Khi bị lạnh, dầu trở nên nhớt hơn lúc nóng.

Độ nhớt của dầu động cơ cho Hệ hệ 2

Độ nhớt SAE cho biết thông tin về độ đặc của dầu.

Loại dầu có nhiều độ nhớt được biểu thị bằng hai số:

Số thứ nhất, đứng trước chữ W, biểu thị độ nhớt ở nhiệt độ thấp và số thứ hai biểu thị độ nhớt ở nhiệt độ cao.

SAE 5W-20 là độ nhớt tốt nhất cho xe của bạn. Không sử dụng những loại dầu có độ nhớt khác như SAE 10W-30, 10W-40 hay 20W-50.

Hoạt động ở nhiệt độ thấp đối với Hệ hệ 2

Nếu sử dụng xe ở nơi có nhiệt độ rất thấp, xuống dưới -25°C, thì bạn nên dùng dầu có độ nhớt SAE 0W-xx. Dầu có độ nhớt này sẽ giúp bạn khởi động động cơ dễ dàng hơn vào mùa lạnh, khi nhiệt độ xuống rất thấp.

Khi chọn loại dầu có độ nhớt thích hợp, hãy chắc chắn rằng bạn luôn chọn loại đạt được Thông số kỹ thuật dexos™.

- Đến -25°C trở xuống:
0W-20, 0W-30.
- Đến -25 °C: 5W-20, 5W-30.

Phụ gia dầu động cơ/chất súc rửa dầu động cơ

Không thêm bất kỳ thứ gì vào dầu. Dầu được khuyên dùng với thông số kỹ thuật dexos và dấu chứng nhận dexos là tất cả những gì bạn cần để đảm bảo động cơ hoạt động tốt và được bảo vệ.

Chất súc rửa dầu động cơ không được khuyên dùng và có thể gây ra hư hỏng cho động cơ, những hư hỏng đó sẽ không được bao trả theo bảo hành cho xe.

Đổ thêm dầu động cơ

Bạn có thể pha trộn dầu động cơ của các nhà sản xuất khác nhau và các nhãn hiệu khác nhau, miễn là chúng đạt được độ nhớt và thông số kỹ thuật của dầu động cơ yêu cầu.

Nếu không có loại dầu với chất lượng mong muốn, có thể sử dụng tối đa 1 lít loại A3/B3 (chỉ một lần giữa mỗi lần thay dầu). Độ nhớt phải đúng tiêu chuẩn.

Việc chỉ sử dụng dầu động cơ có chất lượng ACEA A1/B1 hoặc A5/B5 hoàn toàn bị cấm, vì nó có thể gây ra tình trạng hỏng động cơ lâu dài khi hoạt động dưới các điều kiện nhất định.

Nước làm mát và chất chống đông

Chỉ sử dụng loại axit hữu cơ-chất chống đóng băng kéo dài tuổi thọ nước làm mát (LLC).

Tại các quốc gia có khí hậu ôn hòa, nước làm mát cung cấp ngưỡng bảo vệ đóng băng xuống khoảng -35°C . Tại các quốc gia có khí hậu lạnh, nước làm mát cung cấp ngưỡng bảo vệ đóng băng xuống khoảng -50°C . Nồng độ này sẽ được duy trì trong suốt cả năm.

Duy trì đủ nồng độ chất chống đóng băng.

Các chất phụ gia thêm vào nước làm mát với mục đích chống ăn mòn hoặc làm kín đối với các rò rỉ nhỏ có thể gây ra các lỗi chức năng. Trách nhiệm pháp lý đối với những hỏng hóc do việc sử dụng các chất phụ gia nước làm mát sẽ bị từ chối.

Dầu phanh

Chỉ sử dụng loại dầu phanh được phép dùng cho loại xe này (DOT 4).

Theo thời gian, dầu phanh sẽ hấp thụ hơi nước và giảm hiệu quả phanh. Do vậy dầu phanh phải được thay sau mỗi khoảng thời gian quy định.

Dầu phanh phải được để trong bình chứa đậy kín để tránh hiện tượng hấp thụ nước.

Đảm bảo dầu phanh không bị nhiễm bẩn.

Dầu trợ lực lái

Chỉ sử dụng loại Dexon VI.

Dầu hộp số sàn

Chỉ sử dụng loại dầu XGP SAE75W85W.

Dầu hộp số tự động

Sử dụng dầu AW-1.

Thông số kỹ thuật

Nhận dạng xe

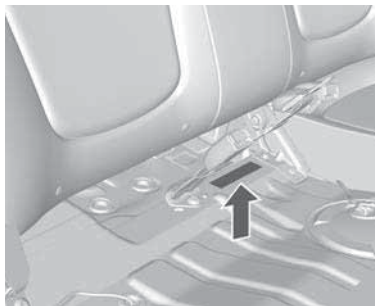
Số khung xe (Số VIN)	180
Bảng nhận dạng	180

Thông số xe

Thông số động cơ	182
Hiệu suất	183
Trọng lượng xe	184
Kích thước xe	185
Thông số kỹ thuật và thể tích	185
Áp suất lốp	186

Nhận dạng xe

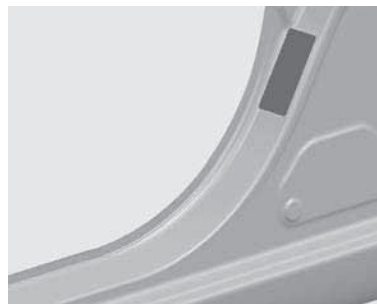
Số khung xe (Số VIN)



Số khung xe (Số VIN) nằm ở dưới đệm ghế sau hoặc trong khoang động cơ.

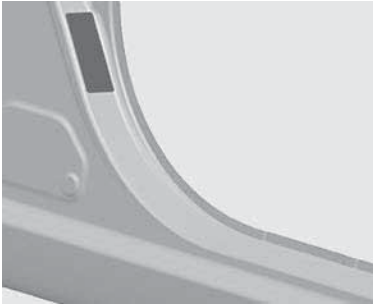
Bảng nhận dạng

Loại 1



Nhãn gắn gần với chốt cửa xe phía trước phía người lái.

Loại 2



Nhãn gắn gần với chốt cửa xe phía trước phía hành khách.

Thông số xe

Thông số động cơ

Thông số dùng cho bán hàng	1,0 Xăng	1,2 Xăng
Mã nhận dạng động cơ	B10D1	B12D1
Số lượng xy lanh	4	4
Dung tích xi lanh [cm ³]	995	1206
Công suất động cơ [kW] số vòng tua (vòng/phút)	50 6400	60 6400
Mô men xoắn [Nm] số vòng tua (vòng/phút)	89 4800	108 4800
Loại nhiên liệu	Xăng	Xăng
Chỉ số ốc-tan RON		
khuyến nghị	RON 91	RON 91

Chỉ số ốc tan RON với mỗi quốc gia cho động cơ xăng

Chỉ số ốc-tan RON	Quốc gia
95	Chile, Argentina, Israel, South Africa, Botswana, Lesotho, Namibia, Swaziland, Mauritius, Cape Verde, Libya.
93	Trung quốc.

Chỉ số ốc-tan RON	Quốc gia
91	Benin, Burkina Faso, Chad, Colombia, Djibouti, Gambia, Mali, Mauritania, Niger, Senegal, Sierra Leone, Somalia, Togo, Ethiopia, Eritrea, Burundi, Tanzania, Rwanda, Uganda, Algeria, Angola, Cameroon, Congo, Gabon, Guinea, G.Bissau, Liberia, Nigeria, Ghana, Bờ biển Ngà, Madagascar, Morocco, Tunisia, Ai Cập, Bahrain, Kuwait, Oman, Qatar, Ả-rập Xê-út, Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, Lebanon, Jordan, Yemen, Iraq (1), Syria.
89	Ecuador
87	Brunei, Singapore, Indonesia, Philippines, W.Samoa, Polynesia, Bangladesh, Fiji, Nepal, Pakistan, Sri Lanka, Vanuatu, Guyana, Suriname, Belize, Antigua, Quần đảo Virgin thuộc Anh (Tortola), Honduras, Quần đảo Cayman, St. Kitts & Nevis, Aruba, Grenada, St. Lucia, St. Vincent, Bermuda, Costa Rica, El Salvador, Nicaragua, Panama, Guatemala, Bahamas, Barbados, Bonaire, Curacao, Cộng hòa Dominic, Haiti, Jamaica, St. Maarten, Trinidad & Tobago, Quần đảo Turks & Caicos.

(1) Iraq phải sử dụng loại trên RON 91 và chỉ loại nhiên liệu có chỉ số ốc tan cao.

Hiệu suất

Động cơ	1,0 D	1,2 D
Tốc độ tối đa (2) [dặm/giờ]		
Hộp số sàn	151 (94)	162 (101) (3)
Hộp số tự động	143 (89)	—

(2) Xe có thể đạt tốc độ tối đa được biểu thị khi có trọng lượng không tải (không có người lái) cộng thêm 200 kg tải trọng. Thiết bị tùy chọn có thể làm giảm tốc độ tối đa được chỉ định của xe.

(3) 164 km/h (102 dặm/giờ) ở những vùng cao

Trọng lượng xe**Trọng lượng không tải tối thiểu**

	Động cơ	Hộp số sàn	Hộp số tự động
[kg]	1,0 D	1000	995
	1,2D	1000	–

Trọng lượng không tải tính cả lái xe (75kg)

	Động cơ	Hộp số sàn	Hộp số tự động
[kg]	1,0 D	1075	1080
	1,2 D	1075	–

Tổng trọng lượng xe

	Động cơ	Hộp số sàn	Hộp số tự động
[kg]	1,0 D	1367	1385
	1,2 D	1367	–

* Trọng lượng được mô tả ở trên có thể thay đổi tùy theo tùy chọn, biến thể kiểu xe và thông số kỹ thuật của quốc gia.

Kích thước xe, số người cho phép chở

Chiều dài [mm]	3595
Chiều rộng không kể gương [mm]	1597
Bề rộng tính cả gương [mm]	1910
Chiều cao (không tính an ten) [mm] không tính giá hành lý nóc xe	1522
Chiều cao (không tính an ten) [mm] có tính giá hành lý nóc xe	1551
Chiều dài của sàn khoang hành lý [mm]	548
Chiều rộng khoang hành lý [mm]	987
Chiều cao khoang hành lý [mm]	435
Chiều dài cơ sở [mm]	2375
Đường kính quay vòng [m]	9,9
Số người cho phép chở (tính cả người lái)	5

Thông số kỹ thuật và thể tích

Dầu động cơ

Động cơ	1,0 DOHC	1,2 DOHC
bao gồm bộ lọc [l]	3,75	3,75
nằm giữa mức MIN và mức MAX [l]	2,5/3,5	2,5/3,5

Dầu động cơ

Dung tích danh nghĩa, xe xăng [l]	35
-----------------------------------	----

Áp suất lốp

Động cơ	Lốp	Thoải mái với 3 người		ECO với 3 người		Với đủ tải	
		trước	sau	trước	sau	trước	sau
		[kPa/ bar] ([psi])	[kPa/ bar] ([psi])	[kPa/ bar] ([psi])	[kPa/ bar] ([psi])	[kPa/ bar] ([psi])	[kPa/ bar] ([psi])
1,0 D	155/80 R13, 155/70 R14	220/2,2 (32)	220/2,2 (32)	240/2,4 (35)	240/2,4 (35)	235/ 2,35 (34)	235/ 2,35 (34)
1,2 D	155/80 R13, 155/70 R14	220/2,2 (32)	220/2,2 (32)	240/2,4 (35)	240/2,4 (35)	235/ 2,35 (34)	235/ 2,35 (34)
Tất cả	Lốp dự phòng nhỏ gọn	420/4,2 (60)	420/4,2 (60)	–	–	420/4,2 (60)	420/4,2 (60)

Thông số kỹ thuật về lốp trong tài liệu hướng dẫn dành cho chủ xe có thể được thay đổi mà không cần báo trước, hãy tham khảo nhãn về lốp trên xe của bạn.

Thông tin khách hàng

Lưu trữ thông số xe và quyền riêng tư

Thiết bị lưu trữ dữ liệu
sự kiện 187

Lưu trữ thông số xe và quyền riêng tư

Thiết bị lưu trữ dữ liệu sự kiện

Trên xe có rất nhiều hệ thống phức tạp để giám sát và điều khiển một số thông số xe. Một số dữ liệu có thể được lưu trữ trong thời gian hoạt động thường xuyên để tạo điều kiện sửa chữa các lỗi sai hỏng được phát hiện, dữ liệu khác được lưu trữ chỉ trong khi có dụng xe hay trong trường hợp gần xảy ra dụng xe bởi các mô đun trong các hệ thống xe có chức năng ghi dữ liệu sự kiện như mô đun điều khiển túi khí.

Các hệ thống có thể ghi lại dữ liệu chẩn đoán về tình trạng xe (ví dụ như mức dầu hoặc số dặm xe đã đi) và các thông tin về cách xe được vận hành (ví dụ như tốc độ động cơ, ứng dụng phanh và cách sử dụng đai an toàn).

Để đọc các thông số này, cần có một thiết bị đặc biệt và truy nhập vào hệ thống của xe. Một số dữ liệu

chẩn đoán được gửi lên hệ thống toàn cầu của Chevrolet theo phương thức điện tử khi xe được bảo dưỡng tại một xưởng sửa chữa, để ghi lại nhật ký bảo dưỡng xe. Điều này cho phép xưởng sửa chữa cung cấp cho bạn hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa hiệu quả phù hợp với xe của riêng bạn mỗi khi bạn đưa xe trở lại xưởng sửa chữa.

Nhà sản xuất sẽ không truy nhập những thông tin liên quan tới hành vi của lái xe liên quan tới sự cố dụng xe hay chia sẻ chúng với người khác trừ khi:

- được sự đồng ý của chủ xe hoặc, nếu khi xe được cho thuê, phải được sự đồng ý của người thuê xe
- hay khi trả lời yêu cầu chính thức của công an hay các cơ quan chính quyền
- khi nhà sản xuất cần sử dụng thông tin để biện hộ trong các vụ kiện
- hay theo yêu cầu của luật pháp

Ngoài ra, nhà sản xuất có thể sử dụng các dữ liệu chẩn đoán thu thập hoặc nhận được:

- cho mục đích nghiên cứu của nhà sản xuất
- để phục vụ mục đích nghiên cứu, duy trì mức bảo mật thích hợp
- để chia sẻ với các tổ chức khác số liệu tổng hợp không gắn với một xe cụ thể nào cho mục đích nghiên cứu

Mục lục

Ă

Ắc quy	144
Bảo vệ điện	75
Khởi động bằng ắc quy trên xe khác	164
Ăng ten	
Cột cố định	85
Áp suất	
Lốp	186
Áp suất lốp	186

B

Bảng điều khiển hành trình	67
Bảng điều khiển Thiết bị	
Khu vực chứa đồ	48
Tổng quan	7
Bảng điều khiển, hành trình	67
Bảng nhận dạng	180
Bánh xe	
Căn chỉnh bánh và cân bằng lốp	159
Kích cỡ khác nhau	159
Thay thế	160
Bánh xe và lốp xe	156
Bảo dưỡng	
Hoạt động điều hòa không khí thông thường	114
Bảo dưỡng định kỳ	173

Bảo dưỡng và chăm sóc	
Bổ sung	171
Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung	171
Bảo trì và bảo dưỡng	
Thông tin bảo trì	171
Bật lửa	58
Bình cứu hoả	52
Bluetooth	
Tổng quan	98
Bộ điều khiển đèn ngoài	71
Bộ lọc	
Bầu lọc gió động cơ	139
Bộ lọc gió cho khoang hành khách	113
Bộ lọc gió, khoang hành khách	113
Bộ lọc/Bầu lọc gió, động cơ	139
Bộ trung hòa khí thải	119

C

Các đèn ban ngày (DRL)	72
Các đèn đầu xe	146
Chuyển đèn cốt/pha	71
Đèn báo đèn pha bật	67
Đèn chạy ban ngày (DRL)	72
Nháy đèn xin vượt	72
Thay thế bóng đèn	145
Các đèn sương mù phía sau	73

Các ghế tại vị trí ghế trước	Chống trộm	Dầu (tiếp tục)
Điều chỉnh 30	Hệ thống báo động 22	Rửa kính 142
Các gương sườn 25	Chứa đồ	Trợ lực lái 141
Cacbon ôxít	Bình cứu hỏa 52	Đầu phát âm thanh
Hệ thống xả của Động cơ 119	Khoang chứa đồ 21, 50	CD 86
Cần chọn số 120	Xe 133	Đầu phát CD 86
Cảnh báo	Cổ định 23	Dây an toàn 32
Đèn hệ thống phanh 65	Còi 9, 55	Ba điểm 34
Đèn nháy cảnh báo	Công tắc	Đèn báo 63
nguy hiểm 72	Bật/tắt túi khí 39	Ghế trẻ em 42
Cất giữ trong xe 133	Cột ăng ten cổ định 85	Đế đặt cốc 49
Cầu chì 151	Cửa	Đèn
Hộp cầu chì bảng táp lô 154	Đèn báo cửa mở 67	Áp suất dầu động cơ 66
Hộp cầu chì khoang	Hệ thống khóa trung tâm 18	Bật/tắt túi khí 64
động cơ 152	Cửa gió có chớp chỉnh	Bên trong 74, 150
Chăm sóc bề ngoài	hướng 112	Biển số 150
Bên ngoài 168	Cửa gió cố định 113	Bộ điều khiển đèn ngoài 71
Bên trong 170	Cửa sổ sau	Cảnh báo động cơ vượt quá
Chăm sóc xe	Sấy 27	tốc độ 66
Áp suất lốp 157	Đ	Cảnh báo hệ thống chống
Chất tải cho xe 53	Đài AM-FM 84	bó cứng phanh (ABS) 65
Chạy rà xe mới 117	Đai an toàn ba điểm 34	Cảnh báo hệ thống phanh 65
Chạy rà, xe mới 117	Đào, lốp 158	Cảnh báo mức nhiên
Chìa khóa 15	Dầu	liệu thấp 66
Chiếu sáng	Đèn báo áp suất 66	Cảnh báo nhiệt độ nước làm
Bộ điều khiển chiếu sáng 74	Động cơ 137	mát động cơ 65
Chiều sâu rãnh 157	Hộp số tự động 138	Chạy ban ngày (DRL) 72
	Phanh 142	Chuyển đèn cốt/pha 71

Đèn (tiếp tục)		Điện thoại rảnh tay 101
Cửa mở 67	Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp 66	Điều chỉnh
Đèn báo cài dây an toàn 63	Đèn cảnh báo vượt quá tốc độ 66	Ghế, người lái ban đầu 30
Đèn báo sự cố 65	Đèn đầu khi lái xe ra nước ngoài 72	Điều hòa không khí 110
Đèn đuôi 148	Đèn dừng xe giữa gấn trên cao (CHMSL) 150	Điều khiển từ xa
Đèn pha bật 67	Đèn đuôi 148	Radio 16
Đèn sương 73	Đèn lùi xe 73	Điều khiển từ xa radio 16
Đèn sương phía sau 73	Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm 72	Điều khiển xe 116
Đèn sương phía trước 67	Đèn nháy, Cảnh báo nguy hiểm 72	Đổ xe 118
Đèn sương, sau 67	Đèn sương	Phanh 127
Hệ thống sạc điện 65	Phía sau 73	Động cơ
Lùi xe 73	Phía trước 73	Bộ lọc/Bầu lọc gió 139
Nháy đèn xin vượt 72	Đèn Sương mù Phía trước	Đèn báo áp suất dầu 66
Tắt số vượt tốc 65	Đèn 67	Đèn báo kiểm tra và bảo trì xe ngay 65
Túi khí và bộ căng đai an toàn 64	Đèn trong xe 74	Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát 65
Xi nhan sườn 149	Đèn xi nhan sườn 149	Đèn cảnh báo vượt quá tốc độ 66
Đèn báo	Dịch vụ 114	Khí xả 119
Điều khiển 61	Đèn báo bảo dưỡng xe ngay ... 65	Khởi động 13, 118
Đèn báo đèn pha bật 67	Phụ kiện và cải tạo xe 133	Nước làm mát 140
Đèn báo đèn sương phía sau ... 67	Tự bảo trì xe 134	Tổng quan về khoang động cơ 136
Đèn báo đèn sương, sau 67	Điện thoại	Xăng 129
Đèn báo điều khiển 61	Bluetooth 98	Đồng hồ 58
Đèn báo hệ thống sạc 65	Rảnh tay 101	Đèn 63
Đèn báo rẽ 63		Đồng hồ đo 60
Đèn báo sự cố 65		
Đèn báo tắt số vượt tốc 65		

Đồng hồ (tiếp tục)	
Đồng hồ đo tốc độ	60
Đồng hồ đo vòng tua	61
Nhiên liệu	61
Đồng hồ công tơ mét	60
Đồng hồ đo vòng tua	61
Đồng hồ tốc độ	60
Dụng cụ	156
Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng	177
G	
Gạt nước	
Rửa kính sau	57
Gạt tàn	59
Ghế ngồi	
Điều chỉnh ghế trước	31
Tựa đầu	29
Vị trí, phía trước	30
Ghế trẻ em	
Hệ thống	40
ISOFIX	44
Vị trí lắp đặt	42
Ghế trước	
Điều chỉnh	31
Giới thiệu	2, 76
Gương	
Chiếu hậu điều chỉnh bằng tay	25

Gương (tiếp tục)	
Gập	25
Lỗi	24
Nguồn điện	24
Sấy	25
Thủ công	24
Gương chiếu hậu	25
Gương điều chỉnh bằng tay	24
Gương gập	25
Gương lỗi	24
H	
Hệ thống	
Giá hành lý nóc xe	52
Hệ thống báo động	
Chống trộm	22
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	126
Đèn cảnh báo	65
Hệ thống chống trộm	
Hệ thống làm cho xe không chạy được	23
Hệ thống điện	
Cầu chì	151
Hộp cầu chì bảng táp lô	154
Hộp cầu chì khoang động cơ	152
Hệ thống điều hòa khí hậu	
Sưởi và thông gió	107

Hệ thống ghế trẻ em	
Đai phía trên	46
Hệ thống ghế trẻ em có đai giữ trên	46
Hệ thống ghế trẻ em lắp rời	
ISOFIX	44
Hệ thống giá hành lý nóc xe	52
Hệ thống khóa trung tâm	18
Hệ thống sưởi và thông gió	107
Hệ thống túi khí bên	38
Hệ thống túi khí trước	37
Hiệu suất	183
Hỗ trợ Đỗ xe	127
Hoạt động	
Hệ thống thông tin giải trí	81
Hoạt động điều hòa không khí thông thường	114
Hóc châm, thuốc	58
Hộp găng tay	49
Hộp số	
Dầu, hộp số tự động	138
Tự động	120
Hộp số sàn	125
Hộp số tự động	
Cần chọn số	120
Lỗi	122
Nguồn điện bị ngắt	123

K

Kéo xe
Xe 166
Xe khác 167

Khí nạp 113

Khóa
Cửa tự động 20
Hệ thống khóa trung tâm 18

Khoang 50
Chứa đồ 48
Tải 50

Khoang chứa đồ 21, 48, 50

Khởi động bằng ắc quy trên xe khác 164

Khởi động động cơ 13, 118

Khu vực chứa đồ
Bảng tập lờ 48
Hệ thống giá hành lý nóc xe 52
Hộp găng tay 49
Lưới tiện lợi 52
Thông tin về việc chất hàng lên xe 53

Kích thước
Xe 185

Kích thước xe 185

Kiểm tra
Đèn báo sự cố đèn động cơ 65

Kính chắn gió
Rửa kính/Gạt nước kính chắn gió 55

Kính cửa
Nguồn điện 26
Sau, có sấy 27
Thủ công 26

Kính lên xuống bằng tay 26

L

Lái
Bảng điều khiển trên vô lăng ... 55
Dầu, trợ lực 141
Điều chỉnh vô lăng 54

Lau dọn
Chăm sóc bên ngoài 168
Chăm sóc bên trong 170

Lịch Bảo dưỡng
Bảo dưỡng định kỳ 173
Dung dịch và dầu bôi trơn được khuyến dùng 177

Lỗi, hộp số tự động 122

Lốp
Cân chỉnh bánh và cân bằng lốp 159
Dự phòng với kích cỡ đầy đủ 163
Kích cỡ khác nhau 159
Ký hiệu 156

Lốp (tiếp tục)
Lốp dự phòng nhỏ gọn 162
Mùa đông 156
Quay 158
Thay bánh xe 160
Xích ngăn trượt 162

Lốp dự phòng
Nhỏ gọn 162

Lốp dự phòng nhỏ gọn 162

Lốp dự phòng với kích cỡ đầy đủ 163

Lốp dùng cho mùa đông 156

Lốp xe và Bánh xe 156

Lưới tiện dụng 52

Lưới, tiện lợi 52

M

Mục bảo trì khác
Hệ thống điều hòa không khí 110

N

Nắp capô 134

Nắp che
La giăng 159

Nắp chụp bánh xe 159

Nguồn điện
Bảo vệ điện, Ắc quy 75
Các gương 24

Nguồn điện (tiếp tục)		Phanh (tiếp tục)		Thay bóng đèn (tiếp tục)	
Dầu trợ lực lái	141	Đồ xe	127	Đèn đuôi	148
Kính cửa	26	Phụ		Đèn xi nhan sườn	149
Ổ cắm	58	Thiết bị	91	Thay lưới gạt nước	145
Nguồn điện bị ngắt	123	Phụ kiện và cải tạo xe	133	Thay lưới, gạt nước	145
Nhận dạng xe		R		Thiết bị	
Bảng	180	Ra đi ô		Phụ	91
Nháy đèn xin vượt	72	Tùy chỉnh	96	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	
Nhiên liệu		Radio		sự kiện	187
Đèn cảnh báo mức nhiên		Đài AM-FM	84	Thiết bị lưu trữ dữ liệu,	
liệu thấp	66	Rửa kính/Gạt nước kính sau	57	sự kiện	187
Động cơ xăng	129	S		Thời gian	58
Đồng hồ	61	Sấy		Thông gió	
Nạp nhiên liệu	129	Cửa sổ sau	27	Cửa gió cố định	113
Nước làm mát		Sấy nóng	107	Gió điều chỉnh được	112
Đèn cảnh báo nhiệt độ mát		Sử dụng tài liệu	2	Thông số động cơ	182
động cơ	65	T		Thông số kỹ thuật	
Động cơ	140	Tám chắn	28	Áp suất lốp	186
Nước rửa kính	142	Tám chắn nắng	28	Thông số kỹ thuật và thể tích	185
O		Tam giác bảo nguy hiểm	52	Thông tin	
Ổ cắm		Tam giác, Cảnh báo	52	Bảo Dưỡng	171
Nguồn điện	58	Thay bóng đèn		Thông tin bảo trì	171
P		Các đèn bên trong	150	Thông tin về việc chất hàng	
Phanh	125	Đèn biển số	150	lên xe	53
Chống bó cứng	126	Đèn đầu	145, 146	Tín hiệu rẽ và chuyển làn	73
Dầu	142	Đèn dừng xe giữa gán trên		Tín hiệu, Rẽ và chuyển làn	73
Đèn cảnh báo hệ thống	65	cao (CHMSL)	150	Tổng quan	77

Trọng lượng	
Xe	184
Trọng lượng xe	184
Tự động	
Dầu hộp số	138
Hộp số	120
Khóa cửa	20
Tựa đầu	29
Túi khí	
Bên	38
Công tắc bật/tắt	39
Đèn báo bộ căng đai an toàn ..	64
Đèn bật/tắt	64
Kiểm tra hệ thống	36
Phía trước	37
Tùy chỉnh	96
Xe	69

V

Vị trí của khóa điện	117
Vị trí lắp ghế trẻ em	42

X

Xe	
Điều khiển	116
Kéo xe	166
Kéo xe khác	167
Số khung xe (Số VIN)	180
Tùy chỉnh	69
Xích ngăn trượt, lốp	162

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

Nhãn hiệu: CHEVROLET

Nhà sản xuất: Công ty TNHH General Motor Việt Nam

Loại nhiên liệu: XĂNG KHÔNG CHÌ

5,9

Lít/100km
Kết hợp

6,88

Lít/100km
Trong đô thị

5,3

Lít/100km
Ngoài đô thị

Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

FIND NEW ROADS™



**COMPLETE
CARE**

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ hotline hoặc Đại lý ủy quyền của GM Việt Nam trên toàn quốc

CÔNG TY TNHH GENERAL MOTORS VIỆT NAM

Trụ sở: Đường Ngọc Hồi – xã Tứ Hiệp – huyện Thanh Trì – TP. Hà Nội

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Phòng 1902, lầu 19 Tòa nhà Continental Tower, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1, TP. HCM

Website: www.chevrolet.com.vn

Điện thoại: 04. 38500500

Fax: 04. 38611755

Hotline: 1800 1058